

Phần 7
GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

CHƯƠNG A: QUY ĐỊNH CHUNG

7.001 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG¹

a. Phần này áp dụng đối với:

1. Việc cấp giấy phép, năng định, phép bổ sung cho nhân viên hàng không trong lĩnh vực khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

2. Các điều kiện để được cấp giấy phép, năng định, phép bổ sung cho nhân viên hàng không trong lĩnh vực khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay nếu cần thiết.

3. Các hạn chế cấp giấy phép, năng định và phép bổ sung.

b. Phần này áp dụng đối với tất cả các cá nhân đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép theo quy định của Bộ quy chế an toàn hàng không và các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ huấn luyện theo quy định.

7.003 ĐỊNH NGHĨA

(a) Phần này sử dụng các định nghĩa sau đây:

Ghi chú: Các khái niệm khác liên quan đến hàng không được giải thích tại Phần 1 của Bộ quy chế an toàn hàng không này.

- (1) **Chủng loại tàu bay:** Sự phân loại tàu bay theo các đặc điểm cơ bản cụ thể: máy bay, trực thăng, tàu lượn, nhẹ hơn không khí, và nâng bằng lực (thiết bị dùng lực nâng);
- (2) **Tàu bay được phê chuẩn cho khai thác một người lái:** Loại tàu bay được quốc gia đăng ký xác định trong quá trình cấp Giấy chứng nhận có thể khai thác an toàn với tổ lái tối thiểu một thành viên;
- (3) **Tàu bay khai thác phải có lái phụ:** Loại tàu bay khi khai thác phải có lái phụ được quy định trong tài liệu hướng dẫn bay hoặc trong tài liệu khai thác tàu bay;
- (4) **Loại tàu bay:** Là tất cả tàu bay có cùng đặc điểm thiết kế bao gồm cả các cải tiến ngoại trừ những cải tiến dẫn đến thay đổi về điều khiển cơ động tàu bay hoặc đặc tính bay;
- (5) **Kỹ năng người lái tàu bay:** Việc áp dụng nhất quán các kiến thức, kỹ năng và thái độ ứng xử nhằm hoàn thành các mục tiêu của chuyến bay;
- (6) **Huấn luyện được phê chuẩn:** Việc huấn luyện được thực hiện theo chương trình do nhà chức trách hàng không phê chuẩn và giám sát;
- (7) **Lái phụ:** Là người lái được cấp giấy phép thực hiện tất cả công việc điều khiển tàu bay ngoại trừ việc chỉ huy tàu bay trừ trường hợp bay huấn luyện;
- (8) **Máy bay phức hợp:** Là máy bay có còng, cánh tà có thể thu thả được (trừ loại thủy phi cơ) và các cánh quạt có thể điều khiển được biến cực;

¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (9) **Năng lực:** Sự tổng hợp các kỹ năng, kiến thức và thái độ cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo tiêu chuẩn áp dụng;
- (10) **Năng lực hành vi:** Là hành vi thực hiện một nhiệm vụ trọn vẹn từ khi bắt đầu cho tới khi kết thúc với các giới hạn đã được xác định và kết quả rõ ràng;
- (11) **Đơn vị năng lực:** hàm số riêng biệt bao gồm một tập hợp năng lực hành vi;
- (12) **Phương pháp chuyển đổi** kinh nghiệm tích lũy: sự công nhận các biện pháp thay thế hoặc công nhận trình độ đã có;
- (13) **Bay đường dài:** là chuyến bay từ điểm đi tới điểm đến theo kế hoạch bay lập trước sử dụng phương thức dẫn đường tiêu chuẩn;
- (14) **Lỗi:** Là hành động hoặc không hành động của tổ lái dẫn đến sự sai lệch so với các dự định hoặc mong muốn của tổ chức hoặc tổ lái;
- (15) **Quản lý lỗi:** Là quá trình phát hiện và xử lý lỗi với các biện pháp được tính đến để giảm hoặc hạn chế các hậu quả của lỗi, sự phát sinh lỗi khác hoặc việc dẫn đến trạng thái không mong muốn của tàu bay;
- (16) **Rà soát kỹ năng bay:** Là công việc do giáo viên bay thực hiện nhằm rà soát kiến thức và kỹ năng bay trong môi trường huấn luyện phù hợp với giấy phép lái tàu bay và năng định của giấy phép đó;
- (17) **Thiết bị huấn luyện giả định:** Là một trong 3 loại thiết bị sau đây mô phỏng các điều kiện của chuyến bay trên mặt đất:
- (i) Buồng lái giả định: là thiết bị cung cấp các mô tả chính xác về buồng lái của một loại máy bay cụ thể đối với hệ thống cơ khí, điện, điện tử, hệ thống điều khiển tàu bay, môi trường làm việc bình thường của thành viên tổ lái, tính năng và đặc điểm chuyến bay của loại tàu bay được mô phỏng như thực tế;
 - (ii) Thiết bị huấn luyện phương thức bay: là thiết bị cung cấp môi trường thật về buồng lái và mô phỏng các hiệu ứng của các đồng hồ các tính năng điều khiển đơn giản đối với hệ thống cơ khí, điện, điện tử, hệ thống tàu bay, tính năng và đặc điểm chuyến bay của hạng tàu bay;
 - (iii) Thiết bị huấn luyện bay bằng thiết bị: là thiết bị huấn luyện được trang bị các thiết bị và mô phỏng môi trường trong buồng lái của một tàu bay trong điều kiện chuyến bay bằng thiết bị.
- (18) **Buồng lái mô phỏng:** là thiết bị mô phỏng chính xác buồng lái thực tế của một loại tàu bay cụ thể với các thiết bị cơ khí, điện, điện tử, vv; các chức năng kiểm soát các hệ thống tàu bay, môi trường bình thường của các thành viên tổ lái, và các đặc điểm vận hành và bay của loại tàu bay đó được mô phỏng một cách thực tế;
- (19) **Máy bay tính năng cao:** Là máy bay được lắp động cơ trên 200 sức ngựa (hp);
- (20) **Tiêu chí đánh giá kết quả hoàn thành công việc:** Là đánh giá ngắn gọn về kết quả cần thiết của năng lực hành vi và mô tả tiêu chí sử dụng để kết luận mức độ hoàn thành công việc theo yêu cầu;

- (21) **Lái tàu bay:** Là thao tác trên hệ thống điều khiển tàu bay trong thời gian bay;
- (22) **Người chỉ huy tàu bay trong quá trình huấn luyện:** Là học viên Người chỉ huy tàu bay đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người chỉ huy tàu bay dưới sự giám sát của người chỉ huy tàu bay theo các phương pháp giám sát được Nhà chức trách hàng không chấp thuận;
- (23) **Năng định:** Là sự cho phép được ghi vào giấy phép hoặc kết hợp với giấy phép và theo đó xác lập điều kiện, quyền hạn và các giới hạn đặc biệt của giấy phép đó;
- (24) **Công nhận hiệu lực:** Là hành động của một quốc gia thành viên ICAO chấp nhận hiệu lực giấy phép được quốc gia thành viên khác cấp như là một biện pháp thay thế cho việc cấp giấy phép tương đương của mình;
- (25) **Mối đe dọa:** Sự kiện hoặc lỗi xảy ra vượt quá khả năng kiểm soát của tổ lái, làm gia tăng tính phức tạp trong khai thác tàu bay và cần phải được xử lý nhằm duy trì giới hạn an toàn;
- (26) **Quản lý mối đe dọa:** Quá trình phát hiện và ứng phó với mối đe dọa bằng các biện pháp cần thiết nhằm giảm thiểu các hậu quả và trạng thái không mong muốn xảy ra đối với tàu bay.

7.005 CHỮ VIẾT TẮT

- (1) AMO - Tổ chức bảo dưỡng tàu bay được phê chuẩn;
- (2) AMT – Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay;
- (3) ARS – Nhân viên sửa chữa hàng không chuyên ngành;
- (4) ATO - Tổ chức huấn luyện hàng không;
- (5) IA – Nhân viên kiểm tra bảo dưỡng;
- (6) IFR – Quy tắc bay bằng thiết bị;
- (7) ICAO - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế;
- (8) PIC - Người chỉ huy tàu bay;
- (9) F/O – Lái phụ;
- (10) VFR – Quy tắc bay bằng mắt.

CHƯƠNG B: GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH VÀ CÁC LOẠI PHÉP BỔ SUNG

7.010 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Chương này quy định các loại giấy phép, năng định, phép bổ sung do Cục HKVN cấp cho nhân viên hàng không; quy định các yêu cầu kiểm tra, thừa nhận hiệu lực giấy phép, năng định, phép bổ sung.

7.013 QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Không ai được cấp giấy phép, năng định trừ khi đáp ứng các yêu cầu của phần này hoặc các phần khác có liên quan đến tuổi, kiến thức hàng không, kinh nghiệm, huấn luyện bay, kỹ năng và điều kiện về sức khỏe theo quy định đối với các giấy phép và năng định đó.

- (b) Không ai được cấp giấy phép, năng định trừ khi chứng tỏ khả năng của mình đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng áp dụng cho giấy phép và năng định đó.
- (c) Không ai được cấp năng định chủng loại tàu bay, hạng và loại tàu bay ghi trong giấy phép người lái trừ khi những năng định đó phản ánh phù hợp với chủng loại tàu bay, hạng và loại tàu bay được sử dụng để chứng tỏ kỹ năng và kiến thức để cấp giấy phép, năng định.
- (d) ²Chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực hàng không yêu cầu có giấy phép theo quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam khi giấy phép được cấp theo quy định cụ thể tại Phần 7 hoặc theo tiêu chuẩn của Phụ ước 1 Công ước hàng không dân dụng của ICAO.
- (đ) ³Tổ chức, cá nhân được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi nội dung được cấp trong giấy phép.

7.015 CÁC LOẠI GIẤY PHÉP

- (a) Cục HKVN cấp các loại giấy phép sau đây theo quy định của Phần này:
 - (1) Học viên bay;
 - (2) Người lái tàu bay tư nhân;
 - (3) Người lái tàu bay thương mại;
 - (4) Người lái tàu bay - tổ lái nhiều thành viên;
 - (5) Người lái tàu bay vận tải hàng không;
 - (6) Giáo viên bay;
 - (7) Giáo viên mặt đất;
 - (8) Cơ giới trên không;
 - (9) Dẫn đường trên không;
 - (10) Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay;
 - (11) Nhân viên sửa chữa hàng không chuyên ngành;
 - (12) Nhân viên điều độ khai thác bay.

Ghi chú: Quyền hạn của từng loại giấy phép quy định trong Điều 7.017

7.017 QUYỀN HẠN CỦA CÁC GIẤY PHÉP⁴

a. Tổ chức, cá nhân được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép phải tuân thủ các quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.016 của Phần này.

² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

b. Cục Hàng không Việt Nam xác định quyền hạn của giấy phép và hiệu lực của các năng định được cấp bởi các quốc gia khác.

7.020 CẤP NĂNG ĐỊNH CHỨNG LOẠI TÀU BAY CHO THÀNH VIÊN TỔ LÁI⁵

(a) Cục HKVN cấp cho người lái tàu bay các năng định chủng loại tàu bay sau:

- (1) Máy bay;
- (2) Thiết bị bay tạo lực nâng bằng động cơ;
- (3) Cánh quay;
- (4) Tàu lượn;
- (5) Tàu bay nhẹ hơn không khí.

(b) ⁶Khi người được cấp giấy phép đáp ứng được các quy định để được cấp năng định chủng loại tàu bay bổ sung, Cục Hàng không Việt Nam sẽ xác nhận năng định đó vào giấy phép.

(c) ⁷Nếu đơn đề nghị cấp giấy phép được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam xem xét cấp giấy phép riêng biệt cho mỗi chủng loại tàu bay.

(d) ⁸Bất kỳ năng định chủng loại nào được xác nhận trên giấy phép người lái sẽ chứng tỏ mức quyền hạn của năng định được cấp trên đó:

1. Người có giấy phép lái tàu bay đề nghị cấp các năng định bổ sung phải đáp ứng các quy định của Phần này phù hợp với quyền hạn của năng định đề nghị cấp;

2. Người được cấp giấy phép phải được kiểm tra kiến thức phù hợp với các quyền hạn được xác nhận trên giấy phép;

3. Nếu không có năng định mới được cấp ở mức giấy phép đang có thì người có giấy phép có thể lựa chọn để được cấp:

i. Giấy phép riêng cho chủng loại đó;

ii. Sửa đổi giấy phép hiện tại với chủng loại mới được cấp ở mức thấp hơn quyền hạn đã được cấp.

4. Việc không có các ghi chú riêng rẽ đối với mức độ quyền hạn trên giấy phép chứng tỏ năng định chủng loại mới đã có các quyền hạn liên quan đến mức độ của giấy phép.

(e) ⁹Đối với các trường hợp liên quan đến thừa nhận hoặc chuyển đổi giấy phép nước ngoài có năng định chủng loại trên giấy phép sẽ không được đưa vào giấy phép mà đưa vào các năng định riêng biệt.

⁵ Tên Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 4 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 4 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 4 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 4 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.023 CẤP NĂNG ĐỊNH HẠNG TÀU BAY

- (a) Cục HKVN cấp năng định hạng máy bay sau:
 - (1) Một động cơ;
 - (2) Thủy phi cơ - Một động cơ;
 - (3) Nhiều động cơ;
 - (4) Thủy phi cơ - Nhiều động cơ.
- (b) Cục HKVN cấp năng định hạng tàu bay cánh quay sau:
 - (1) Trực thăng;
 - (2) Tàu bay cánh vẫy (Gyroplane).
- (c) Cục HKVN cấp năng định hạng tàu bay nhẹ hơn không khí sau:
 - (1) Khí cầu có điều khiển;
 - (2) Khí cầu.

7.025 CẤP NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY¹⁰

a. Cục Hàng không Việt Nam cấp năng định loại sau đây để thực hiện quyền của người chỉ huy tàu bay:

- 1. Tàu bay lớn, không phải loại nhẹ hơn không khí;
- 2. Máy bay loại nhỏ lắp động cơ tuốc-bin phản lực;
- 3. Trực thăng loại nhỏ khai thác yêu cầu người lái có giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không;
- 4. Tàu bay theo chứng chỉ có ít nhất 02 người lái;

b. Năng định loại tàu bay nêu tại các điểm 1, 2 và 4 khoản a Điều này cũng được cấp cho lái phụ.

c. Các giới hạn áp dụng đối với năng định loại được cấp.

d. Xác nhận đặc biệt đối với các năng định loại tàu bay có thể được cấp cho người có năng định lái chính hoặc lái phụ không quy định ở khoản a của Điều này này.

7.027 CẤP NĂNG ĐỊNH KHẢ NĂNG BAY BẰNG THIẾT BỊ

- (a) Cục HKVN cấp năng định khả năng bay thiết bị được cấp cho các loại tàu bay sau:
 - (1) Bay thiết bị - máy bay;
 - (2) Bay thiết bị - trực thăng.
 - (3) Bay thiết bị- Thiết bị bay tạo lực nâng bằng động cơ¹¹.

⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 4 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹¹ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.030 CẤP NĂNG ĐỊNH GIÁO VIÊN CHỦNG LOẠI VÀ HẠNG TÀU BAY

- (a) Cục HKVN cấp năng định giáo viên chủng loại và hạng tàu bay cho các loại tàu bay sau:
- (1) Máy bay một động cơ;
 - (2) Máy bay nhiều động cơ;
 - (3) Tàu bay cánh quay - trực thăng;
 - (4) Thiết bị bay tạo lực nâng bằng động cơ;
 - (5) Tàu lượn;
 - (6) Bay bằng thiết bị - máy bay;
 - (7) Bay bằng thiết bị - trực thăng.
- (b) ¹²Ngoài các quy định về năng định ở khoản a Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có thể cấp giấy phép giáo viên bay với năng định loại tàu bay cụ thể.

7.033 CẤP NĂNG ĐỊNH HẠNG TÀU BAY CHO CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

- (a) Cục HKVN cấp năng định sau cho cơ giới trên không:
- (1) Động cơ pit-tông;
 - (2) Động cơ tuốc-bin cánh quạt;
 - (3) Động cơ tuốc-bin phản lực.
- (b) ¹³Ngoài các quy định về năng định ở khoản a Điều này, Cục Hàng không Việt Nam có thể cấp giấy phép cơ giới trên không với năng định loại cụ thể đối với từng loại tàu bay mà người đề nghị sử dụng để thực hiện kiểm tra kỹ năng theo quy định.

7.035 CẤP NĂNG ĐỊNH GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT (LÝ THUYẾT)

- (a) Cục HKVN cấp năng định sau cho giáo viên mặt đất (lý thuyết):
- (1) Cơ bản;
 - (2) Nâng cao;
 - (3) Huấn luyện bay bằng thiết bị;
 - (4) Huấn luyện trên buồng lái mô phỏng¹⁴;
 - (5) Bất kỳ năng định đặc biệt nào khác mà Cục Hàng không Việt Nam thấy cần thiết¹⁵.

¹² Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 8 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Mục 9 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁵ Điểm này được bổ sung theo quy định tại Mục 9 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.037 CẤP NĂNG ĐỊNH HẠNG TÀU BAY CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY.

- (a) Cục HKVN cấp năng định hạng tàu bay sau cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay:
- (1) Tàu bay;
 - (2) Động cơ.

7.040 CẤP NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY¹⁶

a. Cục Hàng không Việt Nam cấp năng định loại tàu bay sau cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay:

1. Loại tàu bay đối với tàu bay có tổng trọng lượng cất cánh hơn 5.700 kg;
2. Năng định loại động cơ đối với động cơ lắp trên tàu bay có tổng trọng lượng cất cánh hơn 5.700 kg;
3. Các thiết bị hoặc nhóm thiết bị điện tử cụ thể;
4. Các năng định khác có trong khoản b và c Điều này.

b. Cục Hàng không Việt Nam cấp năng định giấy phép bảo dưỡng tàu bay và các năng định liên quan khác và điều kiện để duy trì hiệu lực của giấy phép sử dụng cho tàu bay và trực thăng với các mức sau:

1. Mức A;
2. Mức B1;
3. Mức B2;
4. Mức C.

c. Mức A và B1 được chia theo các tiểu mức liên quan đến cấu hình kết hợp giữa tàu bay, trực thăng, động cơ tuốc-bin hoặc động cơ pit-tông như sau:

1. Tiểu mức A1 và B1.1: tàu bay động cơ tuốc-bin;
2. Tiểu mức A2 và B1.2: tàu bay động cơ pit-tông;
3. Tiểu mức A3 và B1.3: trực thăng động cơ tuốc-bin;
4. Tiểu mức A4 và B1.4: trực thăng động cơ pit-tông.

7.043 CẤP NĂNG ĐỊNH HẠNG TÀU BAY CHO NHÂN VIÊN SỬA CHỮA HÀNG KHÔNG CHUYÊN NGÀNH

- (a) Cục HKVN cấp năng định loại tàu bay sau cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không:
- (1) Cánh quạt;
 - (2) Điện điện tử;
 - (3) Thiết bị;
 - (4) Máy tính;
 - (5) Thiết bị lẻ;
 - (6) Lắp ráp tàu bay thử nghiệm;

¹⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 10 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(7) Các năng định cụ thể khác do Cục HKVN xác định.

7.050 CÁC LOẠI PHÉP BỔ SUNG BẰNG XÁC NHẬN ĐẶC BIỆT

(a) Cục HKVN cấp các phép sau theo quy định của Phần này:

- (1) Người lái được phép khai thác CAT II;
- (2) Người lái được phép khai thác CAT III;
- (3) AMT – IA;
- (4) Thành viên tổ lái được sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến;
- (5) Các phép đặc biệt khác do Cục HKVN xác định.

(b) ¹⁷Cục Hàng không Việt Nam xác nhận các ủy quyền sau đây đối với giấy phép giáo viên hướng dẫn bay theo quy định của Phần này:

1. Huấn luyện trên buồng lái mô phỏng;
2. Các ủy quyền khác đối với các chức năng huấn luyện chuyên nghiệp nếu cần thiết;

(c) ¹⁸Cục Hàng không Việt Nam xác nhận các giấy phép sau đây đối với những người thực hiện chức năng giáo viên huấn luyện cho những người khác có cùng giấy phép được cấp theo quy định tại Phần này:

1. Cơ giới trên không;
2. Dẫn đường trên không;
3. Tiếp viên;
4. Điều phái bay;
5. Nhân viên bảo dưỡng tàu bay;
6. Kiểm soát viên không lưu.

(d) ¹⁹Cục Hàng không Việt Nam có thể xác nhận các ủy quyền cụ thể sau đây đối với giấy phép nhân viên bảo dưỡng tàu bay:

1. Ủy quyền kiểm tra AMT;
2. Các ủy quyền khác đối với các chức năng kiểm tra cụ thể nếu cần thiết.

(e) ²⁰Cục Hàng không Việt Nam có thể xác nhận giấy phép với các ủy quyền cụ thể khác nếu cần thiết để đảm bảo một môi trường hàng không an toàn và hiệu quả.

¹⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 11 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.053 THỜI HẠN HIỆU LỰC CỦA CÁC LOẠI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH VÀ CÁC LOẠI CHO PHÉP BỔ SUNG.

- (a) Ngoại trừ các quy định nêu tại điều (b), (c), (d) và (e) của Điều này, tất cả các loại giấy phép do Cục HKVN cấp có thời hạn 5 năm với giá trị hiệu lực của các năng định cụ thể theo quy định; được gia hạn với thời hạn 5 năm tiếp theo trừ trường hợp giấy phép bị thu hồi trước thời hạn hoặc người có giấy phép không còn đáp ứng đủ điều kiện thực hiện công việc theo giấy phép.
- (b) Giấy phép học viên bay: giấy phép học viên bay hết hạn sau 24 tháng kể từ tháng được cấp.
- (c) Năng định giáo viên bay: năng định giáo viên bay hết hạn sau 36 tháng kể từ tháng được cấp và chỉ có giá trị khi người đó có giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực.
- (d) Năng định giáo viên khác có thời hạn hiệu lực là 36 tháng kể từ tháng được cấp và chỉ có giá trị khi còn làm việc trong môi trường công việc liên quan.
- (e) Năng định khai thác CAT II và CAT III của người lái có giá trị trong vòng 6 tháng kể từ tháng được cấp hoặc hoặc từ ngày hết hạn đối với trường hợp gia hạn.
- (f) Giấy phép nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không:
 - (1) Giấy phép nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không được cấp trên cơ sở công việc của người có giấy phép sẽ hết hạn khi người đó không còn làm công việc theo nhiệm vụ được cấp giấy phép;
 - (2) Giấy phép nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không có năng định lắp ráp tàu bay thử nghiệm được cấp trên cơ sở các thiết kế chính của tàu bay sẽ hết hạn khi người có giấy phép không còn làm công việc thiết kế tàu bay cụ thể được cấp trong giấy phép.
- (g) AMT- IA: phép sẽ hết hạn vào ngày cuối cùng của tháng thứ 12 kể từ tháng được cấp mới hoặc gia hạn.

7.055 CÁC GIỚI HẠN ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH VÀ CÁC LOẠI CHO PHÉP BỔ SUNG.

- (a) Cục HKVN có thể cấp giấy phép với các điều kiện hạn chế cho người không hoàn toàn đáp ứng được đầy đủ các quy định hoặc yêu cầu về cấp phép vì lý do sức khỏe hoặc các lý do khác, với điều kiện:
 - (1) Người làm đơn đáp ứng các yêu cầu khác về kiểm tra cấp giấy phép, năng định và các phép theo đề nghị;
 - (2) Các hạn chế vì lý do sức khỏe phải được ghi nhận trong hồ sơ sức khỏe;
 - (3) Cục Hàng không Việt Nam phải xác định được những yêu cầu mà khả năng của người làm đơn không ảnh hưởng đến an toàn trong điều kiện khai thác cụ thể²¹.
- (b)²² Cục Hàng không Việt Nam có thể hủy bỏ hạn chế trên giấy phép khi người đề nghị chứng tỏ được với giáo viên kiểm tra hoặc thanh tra bay năng lực khai thác

²¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 12 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

trong điều kiện hạn chế hoặc thể hiện việc tuân thủ các điều kiện để được hủy bỏ hạn chế, nếu áp dụng.

CHƯƠNG C: CÔNG NHẬN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH NƯỚC NGOÀI

7.060 CÔNG NHẬN HIỆU LỰC – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) ²³Người có giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực do quốc gia thành viên ICAO cấp có thể được Cục Hàng không Việt Nam xem xét cấp đổi giấy phép trên cơ sở công nhận hiệu lực của giấy phép nước ngoài theo các quy định tại Chương này và Chương G Phần 1 Bộ QCATHK.
- (b) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép theo quy định tại Phần này phải nộp Giấy phép lái tàu bay nước ngoài, Giấy chứng nhận sức khoẻ thể hiện bằng tiếng Anh hoặc bản dịch bằng tiếng Anh có xác nhận của Nhà chức trách hàng không cấp giấy phép.
- (c) Người làm đơn có thể đề nghị Cục HKVN cấp giấy phép với các năng định phù hợp hoặc chuyển năng định từ giấy phép gốc sang giấy phép do Cục HKVN cấp, với điều kiện người làm đơn:
 - (1) Không trong tình trạng bị quốc gia cấp giấy phép thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép;
 - (2) Có giấy phép xác nhận được cấp phù hợp với tiêu chuẩn ICAO;
 - (3) Hiện đang có Giấy chứng nhận sức khoẻ phù hợp với giấy phép và quyền hạn đề nghị cấp;
 - (4) Có khả năng đọc, nói, viết và hiểu tiếng Anh ở mức 4.
- (d) Cục HKVN sau khi xem xét hồ sơ, phỏng vấn người làm đơn hoặc liên hệ với nhà chức trách quốc gia cấp giấy phép có quyền quyết định phạm vi kiến thức hoặc kỹ năng mà người làm đơn phải chứng tỏ.
- (e) Các hạn chế và quyền khai thác đối với người được cấp giấy phép theo quy định của Chương này:
 - (1) Quyền của giấy phép được giới hạn theo phạm vi ghi trên giấy phép;
 - (2) Phải tuân thủ các giới hạn và hạn chế theo quy định của Cục HKVN và quốc gia cấp giấy phép khi thực hiện quyền của giấy phép đó trên tàu bay đăng ký Việt Nam;
 - (3) Không được thực hiện quyền của giấy phép bị thu hồi, hủy bỏ hoặc hết hiệu lực.

7.063 CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM

- (a) Quy định chung: Công dân Việt Nam có giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực do quốc gia thành viên ICAO cấp được làm đơn đề nghị Cục HKVN cấp giấy

²² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 12 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 13 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

phép và năng định phù hợp hoặc chuyển năng định từ giấy phép gốc sang giấy phép Việt Nam.

- (1) Giấy phép người lái tàu bay nước ngoài không tiếp tục áp dụng để khai thác ở Việt Nam trong trường hợp giấy phép người lái tàu bay hoặc giấy phép công nhận hiệu lực với năng định phù hợp do Cục HKVN cấp;
 - (2) Giấy phép công nhận do Cục HKVN cấp có hiệu lực để khai thác tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam không phụ thuộc vào tình trạng của giấy phép lái tàu bay gốc do nước ngoài cấp; và
 - (3) Tuân thủ các quy định về giám định sức khỏe.
- (b) Các quyền và hạn chế của giấy phép: Công dân Việt Nam được cấp giấy phép, năng định theo các quy định của Điều này sẽ có quyền và những hạn chế giống như với các giấy phép, năng định được Cục HKVN cấp trên cơ sở kiểm tra việc đáp ứng được yêu cầu về kiến thức, khả năng và kỹ năng.

7.065 CÔNG NHẬN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐỂ LÀM VIỆC TẠI VIỆT NAM

- (a) Quy định chung: người không phải là công dân Việt Nam có giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực do quốc gia thành viên ICAO cấp được làm đơn đề nghị Cục HKVN cấp giấy phép và năng định phù hợp để làm việc cho Người khai thác tàu bay.
- (b) Năng định được cấp: Cục HKVN có quyền chỉ cấp những năng định cần thiết cho công việc sẽ thực hiện trong số những năng định có trong giấy phép lái tàu bay nước ngoài.
- (c) ²⁴**Các quy định tối thiểu đối với việc thừa nhận, chuyển đổi giấy phép lái máy bay do Quốc gia thành viên khác cấp:**
1. Hoàn thiện bài kiểm tra kỹ năng theo quy định của Bộ QCATHK khi gia hạn năng định loại hoặc năng định hạng tàu bay;
 2. Đáp ứng được các quy định về kiến thức lý thuyết liên quan đến Bộ QCATHK;
 3. Chứng tỏ được kiến thức về tiếng Anh liên quan đến Phần 7 Bộ QCATHK;
 4. Có giấy chứng nhận sức khỏe theo quy định của Phần 8 của Bộ QCATHK;
 5. Đáp ứng được các quy định bổ sung khác của Cục Hàng không Việt Nam nếu cần thiết.
 6. Tuân thủ các quy định về kinh nghiệm theo cột 2 các điều kiện công nhận, chuyển đổi giấy phép ở cột 3 của bảng dưới đây:

Giấy phép đã có	Tổng giờ bay kinh nghiệm	Các điều kiện chuyển đổi, thừa nhận
1.	2.	3.
Giấy phép lái máy bay	> 1.500 giờ bay ở vị trí lái	Được bay khai thác vận tải

²⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 14 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

vận tải hàng không (A)	chính trên các loại máy bay nhiều người lái.	thương mại ở vị trí lái chính trên các máy bay nhiều người lái.
Giấy phép lái máy bay vận tải hàng không hoặc Giấy phép lái máy bay thương mại, Năng định bay bằng thiết bị (*)	> 1.500 giờ bay ở vị trí lái chính hoặc lái phụ trên máy bay nhiều người lái theo quy định về khai thác.	Được bay khai thác vận tải thương mại ở vị trí lái phụ trên các máy bay nhiều người lái.
Giấy phép lái máy bay thương mại, Năng định bay bằng thiết bị	> 1.000 giờ bay ở vị trí lái chính trong khai thác vận tải hàng không thương mại từ khi được cấp Năng định bay bằng thiết bị.	Được bay khai thác vận tải hàng không trên máy bay một người lái ở vị trí lái chính.
Giấy phép lái máy bay thương mại, Năng định bay bằng thiết bị	> 1.000 giờ bay ở vị trí lái chính hoặc lái phụ trên máy bay một người lái theo các quy định về khai thác.	Được bay khai thác vận tải hàng không trên máy bay một người lái ở vị trí lái phụ theo các quy định về khai thác tàu bay.
Giấy phép lái máy bay thương mại	> 700 giờ bay trên các máy bay ngoài tàu lượn bao gồm 200 giờ trên loại tàu bay đề nghị chuyển đổi/ công nhận và 50 giờ trong vòng 12 tháng trước đó.	Các hoạt động bay ngoài mục đích vận tải thương mại.
Giấy phép lái máy bay thương mại, Năng định bay bằng thiết bị.	Thực hiện huấn luyện tại ATO (Mức 1 hoặc 2) do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn và hoàn thành tốt nội dung kiểm tra lý thuyết, thực hành theo quy định của Phần 7.	Được bay khai thác vận tải thương mại ở vị trí lái phụ trên các máy bay nhiều người lái.

7. Người có Giấy phép lái máy bay thương mại, năng định bay bằng thiết bị trên máy bay nhiều người lái phải chứng tỏ được kiến thức lý thuyết ở mức ATPL (A) theo các quy định về khai thác tàu bay trước khi được công nhận, chuyển đổi giấy phép.

7.067 CÔNG NHẬN HIỆU LỰC GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.

- (a) Quy định chung: người không phải là công dân Việt Nam có giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực do quốc gia thành viên ICAO cấp được làm đơn đề nghị Cục HKVN cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân và năng định phù hợp mà không cần phải kiểm tra thêm.
- (b) Năng định tàu bay được cấp: Cục HKVN có thể chỉ cấp những năng định trong số những năng định có trong giấy phép lái tàu bay nước ngoài.
- (c) Năng định tàu bay được cấp: Cục HKVN có thể cấp năng định bay bằng thiết bị có trong giấy phép lái tàu bay nước ngoài với các điều kiện sau:

- (1) Trong vòng 24 tháng trước tháng đề nghị Cục HKVN cấp năng định bay bằng thiết bị, người làm đơn đạt bài kiểm tra kiến thức lý thuyết; và
 - (2) Người làm đơn phải có khả năng đọc, nói, viết và hiểu tiếng Anh mức độ 4.
- (d) Quyền và hạn chế trong khai thác: người được cấp giấy phép theo quy định tại Điều này có thể được thực hiện quyền của giấy phép lái tàu bay tư nhân trên tàu bay đăng ký Việt Nam theo quy định tại Phần 10.

7.070 NGƯỜI LÁI TÀU BAY QUÂN SỰ: QUY TẮC ĐẶC BIỆT

- (a) Ngoại trừ người lái là phi công quân sự bị cất bay vì lý do năng lực hoặc bị kỷ luật, công dân Việt Nam có năng định phi công quân sự trong thời hạn 1 năm sau khi rời quân đội có thể làm đơn đề nghị Cục HKVN cấp các giấy phép, năng định sau trên cơ sở trình độ đã được huấn luyện trong quân đội:
- (1) Giấy phép lái tàu bay thương mại;
 - (2) Năng định tàu bay về chủng loại và loại tàu bay đối với tàu bay đã bay trong quân đội;
 - (3) Năng định bay bằng thiết bị phù hợp đối với tàu bay đã bay trong quân đội;
 - (4) Năng định loại tàu bay nếu có.

CHƯƠNG D: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HUẤN LUYỆN

7.080 GHI CHÉP HỒ SƠ THỜI GIAN HUẤN LUYỆN

- (a) Mỗi người phải chứng minh bằng tài liệu và ghi chép trong hồ sơ huấn luyện các loại thời gian sau đây:
- (1) Thời gian huấn luyện và kinh nghiệm hàng không được sử dụng để đáp ứng theo yêu cầu của từng loại giấy phép, năng định, trình độ, các phép bổ sung hoặc đánh giá trước khi cho phép bay.
 - (2) Kinh nghiệm hàng không cần thiết phù hợp với quy định của Phần này.

²⁵Ghi chú: Việc ghi chép giờ bay thực hiện theo quy định tại Điều 10.070, 10.073, 10.075.

7.082 QUY ĐỊNH VỀ ỦY QUYỀN HUẤN LUYỆN BAY²⁶

a. Người lái không được thực hiện huấn luyện bay để cấp giấy phép và năng định cho người lái khác trừ khi người này được Cục Hàng không Việt Nam cho phép.

b. Sự cho phép này phải bao gồm:

1. Giấy phép huấn luyện bay với năng định phù hợp.
2. Cục Hàng không Việt Nam ủy quyền cho phép thực hiện huấn luyện bay;

²⁵ Ghi chú này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 15 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

²⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 16 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

3. Cục Hàng không Việt Nam cấp ủy quyền cụ thể.

c. Chỉ được thực hiện việc huấn luyện bay trên thiết bị huấn luyện mô phỏng theo quy định để cấp giấy phép hoặc năng định của người lái khi giấy phép, kinh nghiệm huấn luyện bay phù hợp và được Cục Hàng không Việt Nam cho phép.

7.083 HUẤN LUYỆN BAY BỞI GIÁO VIÊN KHÔNG DO CỤC HKVN CẤP PHÉP

- (a) Người lái tàu bay được tính chuyên đổi kinh nghiệm tích lũy về huấn luyện bay để đáp ứng các quy định về cấp giấy phép hoặc năng định nếu người đó được huấn luyện:
 - (1) Bởi giáo viên bay quân sự theo chương trình được sử dụng trong quân đội của Việt Nam;
 - (2) Bởi giáo viên bay được nhà chức trách hàng không của quốc gia thành viên ICAO cho phép và việc huấn luyện này được thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- (b) Giáo viên bay nêu tại khoản (a) chỉ được phép xác nhận những nội dung mà mình huấn luyện.

7.085 HOÀN THÀNH CÁC KHOÁ HUẤN LUYỆN ĐƯỢC PHÊ CHUẨN THEO QUY ĐỊNH CỦA CÁC PHẦN KHÁC: QUY TẮC ĐẶC BIỆT

- (a) Người xuất trình Giấy chứng nhận tốt nghiệp của trung tâm huấn luyện được phê chuẩn theo quy định của Phần 9 trong vòng 90 ngày kể từ ngày tốt nghiệp sẽ được coi là đáp ứng các điều kiện về kinh nghiệm và kiến thức hàng không và các yêu cầu về lĩnh vực khai thác theo quy định của Chương này đối với năng định đề nghị cấp.

7.087 PHÊ CHUẨN VIỆC SỬ DỤNG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY MÔ PHỎNG

- (a) Việc sử dụng thiết bị huấn luyện giả định để tích lũy kinh nghiệm và thể hiện kỹ năng cần thiết cho giấy phép và năng định theo quy định tại Phần này phải được Cục HKVN phê chuẩn.
- (b) ²⁷Kinh nghiệm sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng hoặc việc chứng tỏ kỹ năng bay để được cấp giấy phép và năng định theo quy định của Phần này không được tính trừ khi tuân thủ phê chuẩn nói trên.

CHƯƠNG E: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KIỂM TRA SÁT HẠCH

7.090 KIỂM TRA SÁT HẠCH: QUY TRÌNH CHUNG

- (a) Cục HKVN chỉ định nhân sự, thời gian và địa điểm thực hiện việc kiểm tra sát hạch theo quy định tại Phần này.

7.093 KIỂM TRA SÁT HẠCH LÝ THUYẾT: ĐIỀU KIỆN DỰ KIỂM TRA VÀ MỨC COI LÀ ĐẠT

- (a) Người làm đơn đề nghị kiểm tra sát hạch kiến thức lý thuyết phải:

²⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 17 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Được giáo viên có thẩm quyền xác nhận là đã hoàn thành khoá huấn luyện lý thuyết mặt đất có nội dung phù hợp với yêu cầu của giấy phép, năng định đề nghị cấp và đã sẵn sàng cho việc kiểm tra sát hạch.
- (2) Có thể nhận dạng tại thời điểm nộp đơn bao gồm:
 - (i) Ảnh;
 - (ii) Chữ ký;
 - (iii) Ngày sinh (thể hiện người làm đơn đáp ứng yêu cầu về tuổi của Phần này cho từng loại giấy phép, năng định đề nghị cấp tính đến ngày hết hạn bảo lưu kiểm tra sát hạch lý thuyết);
 - (iv) Địa chỉ nơi thường trú.
- (b) Mức đạt cụ thể đối với từng loại kiểm tra sát hạch lý thuyết nhân viên hàng không: tối thiểu đạt 75% bài kiểm tra.

7.095 KIỂM TRA SÁT HẠCH THỰC HÀNH: ĐIỀU KIỆN DỰ KIỂM TRA

- (a) Để đủ điều kiện kiểm tra sát hạch thực hành, người làm đơn phải đáp ứng tất cả các điều kiện theo quy định cho loại giấy phép hoặc năng định đề nghị cấp.
Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.095 về điều kiện đủ để kiểm tra sát hạch thực hành.
- (b) Người làm đơn phải hoàn thành tất cả các nội dung của bài kiểm tra sát hạch trong vòng 60 ngày.
- (c) ²⁸Nếu người làm đơn không đáp ứng các quy định về kiểm tra kỹ năng để được cấp giấy phép hoặc năng định trong vòng 60 ngày sau khi bắt đầu kiểm tra, người làm đơn phải làm lại bài kiểm tra kỹ năng theo quy định.

7.097 KIỂM TRA SÁT HẠCH THỰC HÀNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI: THỂ HIỆN KỸ NĂNG

- (a) Ngoại trừ quy định tại khoản (b), Cục HKVN xác định khả năng và năng lực của người làm đơn có thể thực hiện nhiệm vụ của người chỉ huy tàu bay theo quy trình và thao tác quy định trong Phần này với mức độ phù hợp để:
 - (1) Nhận biết và quản lý các mối đe dọa và rủi ro;
 - (2) Thao tác điều khiển tàu bay trong giới hạn của tàu bay vào mọi thời điểm;
 - (3) Thực hiện cơ động tàu bay êm ái và chính xác;
 - (4) Thực hành tốt các quyết đoán trong xử lý tình huống và mối quan hệ trong tổ bay;
 - (5) Áp dụng được các kiến thức hàng không;
 - (6) Duy trì kiểm soát tàu bay tại mọi thời điểm trong trạng thái đạt được kết quả tốt đối với các phương thức bay hoặc cơ động tàu bay.

²⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 18 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (b) Ngoài các yêu cầu của khoản (a), người làm đơn đề nghị cấp ATPL phải thể hiện khả năng thực hiện nhiệm vụ của người chỉ huy tàu bay theo các kỹ năng sau:
- (1) Quy trình trước khi bay, bao gồm chuẩn bị kế hoạch khai thác bay và lập kế hoạch bay không lưu;
 - (2) Các phương thức bay bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;
 - (3) Các phương thức bất thường và khẩn nguy liên quan đến hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng của trang thiết bị, như là động cơ, các hệ thống và khung sườn;
 - (4) Đối với máy bay và nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không: phương thức và các cơ động đối với các chuyến bay bằng thiết bị bao gồm tình huống giả định hỏng động cơ.
- (c) Người làm đơn đề nghị cấp ATPL đối với máy bay yêu cầu khai thác có tối thiểu 02 thành viên tổ lái theo quy tắc VFR và IFR phải thể hiện các khả năng sau như là người lái điều khiển:
- (1) Khai thác tàu bay ở chế độ tự động phù hợp với giai đoạn của chuyến bay và duy trì sự nhận biết chế độ tự động đang hoạt động.
 - (2) Liên lạc có hiệu quả với các thành viên tổ lái để thực hiện các quy trình phối hợp tổ bay, bao gồm: phân công nhiệm vụ giữa các người lái, công tác phối hợp tổ bay, tuân thủ các phương thức khai thác tiêu chuẩn và sử dụng các danh mục kiểm tra, trạng thái tổ lái mất khả năng làm việc.
- (d) Người làm đơn cấp MPL đối với máy bay yêu cầu khai thác có tối thiểu 02 thành viên tổ lái theo quy tắc VFR và IFR phải thể hiện các khả năng như là người lái điều khiển và người lái không điều khiển đối với các kỹ năng quy định tại khoản (a) và (c).
- (e) Nếu người làm đơn thể hiện năng lực với mục đích làm F/O, Cục HKVN ghi giới hạn “Lái phụ” vào giấy phép của người đó. Giới hạn này có thể được huỷ bỏ nếu người có giấy phép đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành phù hợp và thể hiện năng lực thực hiện lái tàu bay một mình trên loại máy bay đó.
- (f) Nếu người làm đơn không đạt bất kỳ một phần nào trong phần nội dung khai thác thì người đó bị coi là không đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành.
- (g) Người làm đơn sẽ không đủ điều kiện để được cấp giấy phép, năng định cho đến khi các nội dung về khai thác tàu bay được coi là đạt.
- (h) Người thực hiện kiểm tra sát hạch không tiếp tục thực hiện kiểm tra sát hạch thực hành :
- (1) Khi người làm đơn không đạt một hoặc hơn một nội dung về khai thác;
 - (2) Do điều kiện thời tiết, tính đủ điều kiện bay của tàu bay, hoặc những yếu tố khác ảnh hưởng tới an toàn chuyến bay.
- (i) Nếu việc kiểm tra sát hạch thực hành bị dừng khi chưa kết thúc kiểm tra, người làm đơn có thể được Cục HKVN công nhận các nội dung về khai thác với điều kiện:
- (1) Đạt phần còn lại của bài kiểm tra trong vòng 60 ngày kể từ ngày bắt đầu bài kiểm tra.

- (2) Xuất trình được với người thực hiện kiểm tra lại văn bản thông báo không phê chuẩn hoặc gián đoạn kiểm tra lần trước đó.
- (3) Hoàn thành các huấn luyện bổ sung cần thiết và có xác nhận phù hợp của giáo viên trong trường hợp phải yêu cầu huấn luyện bổ sung.

7.100 KIỂM TRA SÁT HẠCH THỰC HÀNH SỬ DỤNG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY MÔ PHÒNG

- (a) Ngoại trừ được phép thực hiện toàn bộ bài kiểm tra sát hạch kỹ năng thực hành trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện được phê chuẩn, tổ chức sử dụng người làm đơn đề nghị hoặc người đó phải cung cấp tàu bay có đầy đủ các thiết bị và hệ thống điều khiển cần thiết để thực hiện việc kiểm tra.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.100 cho thiết bị và hệ thống điều khiển cho việc kiểm tra sát hạch

7.103 GIỚI HẠN TRONG SỬ DỤNG THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN MÔ PHÒNG²⁹

a. Việc sử dụng thiết bị huấn luyện mô phỏng nhằm tích lũy kinh nghiệm hoặc thực hiện các thao tác, kỹ năng cần thiết theo quy định để cấp Giấy phép hoặc năng định phải được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

b. Thời gian bay thực hiện trên các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng để đáp ứng các yêu cầu về huấn luyện, kiểm tra theo quy định của Phần này chỉ được tính khi các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn cho:

1. Việc sử dụng để huấn luyện và kiểm tra;
2. Những thao tác, phương thức hoặc chức năng cụ thể do thành viên tổ bay thực hiện;
3. Đại diện cho chủng loại hoặc loại tàu bay cụ thể, các cấu hình cụ thể trong một loại tàu bay hoặc một nhóm tàu bay. Yêu cầu sử dụng buồng lái mô phỏng và thiết bị huấn luyện giả định được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.103.

7.105 KIỂM TRA SÁT HẠCH LẠI SAU KHI KHÔNG ĐẠT

- (a) Người dự kiểm tra sát hạch lý thuyết và thực hành không đạt có thể làm đơn đề nghị kiểm tra lại sau khi:
 - (1) Được huấn luyện bổ sung cần thiết bởi giáo viên được phép xác nhận học viên có năng lực đạt được bài kiểm tra sát hạch;
 - (2) Có xác nhận của giáo viên huấn luyện bổ sung.
- (b) Người dự kiểm tra sát hạch để được cấp giấy phép giáo viên bay với năng định chủng loại tàu bay hoặc giấy phép giáo viên bay với năng định tàu lượn mà không đạt bài kiểm tra vì không đáp ứng được kỹ năng giảng dạy về nhận biết trạng thái thất tốc, phương thức xử lý khi bắt đầu vào tình trạng xoáy ốc, trong tình trạng xoáy ốc và thoát khỏi tình trạng xoáy ốc phải:
 - (1) Tuân thủ các yêu cầu của khoản (a) trước khi kiểm tra sát hạch lại;
 - (2) Có tàu bay phù hợp với chủng loại năng định đề nghị cấp và được phê chuẩn chịu được tình trạng xoáy ốc;

²⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 19 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (3) Chứng tỏ được kỹ năng giảng dạy về nhận biết trạng thái thất tốc, bắt đầu vào tình trạng xoáy, trong tình trạng xoáy và thoát khỏi tình trạng xoáy.

7.107 TRÌNH ĐỘ THÔNG THẠO NGÔN NGỮ

- (a) ³⁰Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra đánh giá trình độ thông thạo ngôn ngữ tiếng Anh về nói và hiểu ngôn ngữ sử dụng trong liên lạc vô tuyến điện đối với những người có các loại giấy phép:
1. Người lái tàu bay;
 2. Nhân viên dẫn đường trên không;
 3. Nhân viên cơ giới trên không;
 4. Kiểm soát viên không lưu;
 5. Nhân viên điện đàm mặt đất.
- (b) ³¹Việc đánh giá khả năng ngôn ngữ phải được hoàn thành khi cấp giấy phép lần đầu và định kỳ theo thời hạn của mức độ ngôn ngữ của người được đánh giá và đáp ứng các yêu cầu của ICAO, cụ thể như sau:
1. Đối với việc khai thác bay quốc tế và kiểm soát viên không lưu của các chuyến bay quốc tế, ngôn ngữ được đánh giá phải là tiếng Anh;
 2. Đối với người lái tàu bay khai thác hạn chế trong lãnh thổ Việt Nam, ngôn ngữ đánh giá phải là ngôn ngữ được sử dụng bởi kiểm soát viên không lưu và nhân viên khai thác ở trạm dưới mặt đất. Các quy định về trình độ ngôn ngữ của ICAO được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.107.
- (c) Người thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ dưới mức 6, phải được đánh giá định kỳ như sau:
- (1) 3 năm đối với mức 4;
 - (2) 6 năm đối với mức 5.

CHƯƠNG F: CẤP GIẤY PHÉP – THÀNH VIÊN TỔ LÁI

Mục I: Năng định tàu bay và các phép bổ sung đối với người lái

7.110 QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đủ điều kiện đối với năng định tàu bay, giấy phép và các phép bổ sung, người làm đơn phải đáp ứng các quy định nêu trong phần này cho các năng định hoặc phép đề nghị cấp.
- (b) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép, năng định người lái tàu bay phải nộp hồ sơ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Cục HKVN. Nội dung hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định theo từng lĩnh vực giấy phép và năng định cụ thể của Chương này.

³⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 20 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 20 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo với người làm đơn. Nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ theo quy định, thời gian đối với thủ tục cấp giấy phép, năng định sẽ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung đầy đủ và đáp ứng yêu cầu.
- (d) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN sẽ tiến hành tổ chức sát hạch theo quy định đối với loại giấy phép và năng định tương ứng. Nếu người làm đơn đề nghị không hoàn thành tất cả các nội dung sát hạch trong thời hạn 20 ngày thì các phần sát hạch đạt yêu cầu sẽ được bảo lưu kết quả trong vòng 60 ngày theo quy định của Chương E của Phần này.
- (e) Cục HKVN cấp giấy phép, năng định theo đề nghị trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ khi người làm đơn đạt được kết quả sát hạch theo quy định.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.110 quy định thủ tục cấp giấy phép và năng định người lái tàu bay.

Ghi chú: Xem Phụ lục 2 Điều 7.110 quy định thủ tục gia hạn giấy phép và năng định người lái tàu bay.

Ghi chú: Xem Phụ lục 3 Điều 7.110 quy định nội dung và mẫu của đơn đề nghị cấp/ gia hạn giấy phép và năng định người lái tàu bay.

7.111. QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ³²

Quyền hạn của người được cấp năng định thiết bị quy định tại Chương C Phần 10

7.113 YÊU CẦU ĐỐI VỚI NĂNG ĐỊNH BAY BẰNG THIẾT BỊ

- (a) ³³Người làm đơn đề nghị năng định bay bằng thiết bị phải:
 1. Có giấy phép lái tàu bay với năng định loại và hạng tàu bay đề nghị cấp năng định bay bằng thiết bị;
 2. Phải thể hiện được trình độ thông thạo tiếng Anh tối thiểu ở Mức 4;
 3. Có giấy chứng nhận sức khỏe loại 1;
 4. Có sổ ghi giờ bay huấn luyện và xác nhận của giáo viên xác nhận người đó đã sẵn sàng cho kiểm tra sát hạch thực hành;
 5. Đạt bài kiểm tra sát hạch kiến thức hàng không, trừ khi người đó đã có năng định bay bằng thiết bị của chủng loại tàu bay khác;
 6. Đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành:
 - i. Trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;
 - ii. Trên buồng lái giả định hoặc thiết bị huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với năng định đề nghị cấp.
- (b) Kiến thức hàng không: Người làm đơn đề nghị cấp năng định bay bằng thiết bị phải được huấn luyện và được thể hiện trên hồ sơ huấn luyện khoá học huấn

³² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 21 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 22 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

luyện mặt đất do giáo viên được phép thực hiện các nội dung huấn luyện về kiến thức hàng không áp dụng đối với năng định bay bằng thiết bị.

Ghi chú: xem Phụ lục 1 Điều 7.113 về quy định kiến thức hàng không.

- (c) Kỹ năng bay: Người làm đơn đề nghị cấp năng định bay bằng thiết bị phải được huấn luyện và được thể hiện trên hồ sơ huấn luyện khoá huấn luyện bởi giáo viên được phép thực hiện huấn luyện trên tàu bay hoặc trên thiết bị huấn luyện mô phỏng theo quy định của khoản (e).

Ghi chú: xem Phụ lục 2 Điều 7.113 về quy định kỹ năng bay.

- (d) Kinh nghiệm hàng không: Người làm đơn đề nghị cấp năng định bay bằng thiết bị phải được thể hiện trên hồ sơ huấn luyện có ít nhất 40 giờ bay bằng thiết bị trên tàu bay và đáp ứng các yêu cầu khác về kinh nghiệm hàng không theo quy định.

Ghi chú: xem Phụ lục 3 Điều 7.113 về quy định kinh nghiệm hàng không.

- (e) Sử dụng buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện giả định được phê chuẩn: thời gian tối đa được tính đối với việc huấn luyện năng định bay bằng thiết bị bởi giáo viên được phép tiến hành trên buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện giả định được phê chuẩn là:

- (1) 20 giờ; hoặc
- (2) 30 giờ nếu được hoàn thiện theo chương trình huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 9.

(f) ³⁴Người làm đơn phải tích lũy được không ít hơn 10 giờ bay thiết bị quy định tại khoản i của Điều này khi được giáo viên hướng dẫn được ủy quyền hướng dẫn bay kèm năng định thiết bị trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định. Giáo viên hướng dẫn bay phải đảm bảo người làm đơn phải có kinh nghiệm khai thác theo quy định ít nhất trong các lĩnh vực sau:

1. Các phương thức trước chuyến bay bao gồm việc sử dụng tài liệu hướng dẫn bay hoặc các tài liệu tương đương và các tài liệu về dịch vụ không lưu phù hợp trong việc chuẩn bị kế hoạch bay bằng thiết bị;

2. Kiểm tra trước chuyến bay, sử dụng các danh mục kiểm tra, kiểm tra trước khi cất cánh và taxi;

3. Các phương thức khai thác quy tắc bay bằng thiết bị trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy bao gồm ít nhất:

- i. Chuyển sang bay bằng thiết bị khi cất cánh;
- ii. Khởi hành và kết thúc chuyến bay bằng thiết bị tiêu chuẩn;
- iii. Các phương thức bay bằng thiết bị trong chuyến bay;
- iv. Các phương thức bay chờ;
- v. Các phương thức tiếp cận bằng thiết bị ở độ cao tối thiểu theo quy định;
- vi. Các phương thức tiếp cận hệt;
- vii. Hạ cánh với các phương thức tiếp cận bằng thiết bị;

³⁴ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 22 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

viii. Các phương thức trong chuyến bay và các tính năng bay đặc biệt.

(g) ³⁵Nếu được cấp năng định thiết bị trên tàu bay nhiều động cơ, người làm đơn phải được huấn luyện bay kèm thiết bị trên máy bay nhiều động cơ phù hợp do giáo viên huấn luyện bay được ủy quyền huấn luyện. Giáo viên huấn luyện bay phải đảm bảo người làm đơn có kinh nghiệm khai thác tàu bay với khả năng bay bằng thiết bị phù hợp với một động cơ không hoạt động hoặc giả định không hoạt động.

(h) ³⁶Người làm đơn đề nghị phải chứng tỏ được khả năng bay bằng thiết bị với các phương thức được quy định tại khoản d và e Điều này ở mức kỹ năng phù hợp với quyền hạn được cấp cho người có năng định bay bằng thiết bị và về:

1. Nhận biết và quản lý đe dọa và rủi ro;
2. Khai thác tàu bay theo năng định đề nghị cấp trong giới hạn cho phép;
3. Hoàn thành tất cả các phương thức thành thạo và chính xác;
4. Có kỹ năng phối hợp tốt;
5. Có kiến thức về hàng không tốt;
6. Duy trì kiểm soát tàu bay và đảm bảo thực hiện các quy trình hiệu quả.

(i) ³⁷Người làm đơn đề nghị phải chứng tỏ khả năng khai thác tàu bay nhiều động cơ với năng định bay bằng thiết bị phù hợp khi một động cơ không hoạt động hoặc giả định không hoạt động nếu được cấp năng định thiết bị khai thác trên tàu bay đó.

7.115 NĂNG ĐỊNH CHỦNG LOẠI TÀU BAY

(a) Người lái tàu bay đề nghị cấp năng định chủng loại tàu bay:

- (1) Phải được huấn luyện theo quy định và đạt được kinh nghiệm hàng không quy định tại Phần này đối với chủng loại tàu bay hoặc năng định hạng và loại tàu bay;
- (2) Có xác nhận trong sổ ghi giờ bay hoặc hồ sơ huấn luyện bởi giáo viên được phép xác nhận việc đáp ứng được các yêu cầu phù hợp với giấy phép cho chủng loại tàu bay và các năng định hạng hoặc loại tàu bay về các nội dung:
 - (i) Kiến thức hàng không;
 - (ii) Các nội dung về khai thác.
- (3) Phải đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành đối với giấy phép cho chủng loại tàu bay và các năng định hạng hoặc loại tàu bay;
- (4) Không cần kiểm tra sát hạch lý thuyết bổ sung nếu người làm đơn đã có năng định máy bay, tàu bay cánh quay, thiết bị dùng lực nâng, khí cầu có điều khiển trong giấy phép.

³⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 22 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 22 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

³⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 22 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.117 NĂNG ĐỊNH HẠNG TÀU BAY

- (a) Người lái tàu bay đề nghị cấp năng định hạng tàu bay:
- (1) Có xác nhận trong sổ ghi giờ bay hoặc hồ sơ huấn luyện bởi giáo viên được phép xác nhận việc đáp ứng các yêu cầu phù hợp với giấy phép cho năng định hạng tàu bay đề nghị cấp về:
 - (i) Kiến thức hàng không;
 - (ii) Các nội dung về khai thác;
 - (2) Phải đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành đối với giấy phép cho năng định hạng tàu bay đề nghị cấp;
 - (3) Không cần đáp ứng các yêu cầu về huấn luyện quy định trong Phần này đối với năng định hạng tàu bay đề nghị cấp;
 - (4) Không cần kiểm tra sát hạch lý thuyết bổ sung nếu người làm đơn đã có năng định máy bay, tàu bay cánh quay, thiết bị dùng lực nâng, khí cầu có điều khiển trong giấy phép.

7.120 NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY

- (a) Ngoại trừ khi được quy định cụ thể trong điều này, người lái tàu bay đề nghị cấp mới hoặc bổ sung năng định loại tàu bay đồng thời với năng định chủng loại hoặc năng định hạng tàu bay phải:
- (1) Có hoặc cùng lúc đạt được năng định bay bằng thiết bị phù hợp với năng định chủng loại hoặc năng định loại tàu bay;
 - (2) Có được kinh nghiệm trên tàu bay hoặc buồng lái giả định và được xác nhận trong sổ ghi giờ bay hoặc hồ sơ huấn luyện cho thấy người đó đã đáp ứng được các yêu cầu phù hợp với giấy phép cho năng định hạng tàu bay đề nghị cấp về:
 - (i) Các phương thức bay bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;
 - (ii) Các phương thức bất thường và khẩn nguy liên quan đến hỏng hóc hoặc hoạt động sai chức năng của trang thiết bị, như là động cơ, các hệ thống và khung sườn;
 - (iii) Phương thức sử dụng thiết bị bao gồm phương thức tiếp cận bằng thiết bị, tiếp cận hệt và hạ cánh dưới điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy, bao gồm cả tình huống giả định hỏng động cơ;
 - (iv) ³⁸Phương thức đối với tổ lái mất khả năng làm việc và phối hợp tổ bay bao gồm việc phân công nhiệm vụ thành viên tổ lái; phối hợp tổ bay và sử dụng danh mục kiểm tra; nội dung huấn luyện MCC nêu tại Phụ lục Điều 7.120;
 - (3) Phải đạt bài kiểm tra sát hạch đối với giấy phép cho năng định hạng tàu bay đề nghị cấp, thể hiện kỹ năng và kiến thức cần thiết yêu cầu đối với

³⁸ Tiết này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 23 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

khai thác an toàn tàu bay liên quan đến với nhiệm vụ người chỉ huy tàu bay và lái phụ đối với loại tàu bay áp dụng;

- (4) Ngoại trừ quy định tại khoản (e), phải thực hiện bài kiểm tra sát hạch kỹ năng trong điều kiện bay bằng thiết bị;
- (5) Không cần kiểm tra kiến thức lý thuyết trong trường hợp người làm đơn có năng định máy bay, tàu bay cánh quay, tàu bay cất hạ cánh thẳng đứng, khí cầu có điều khiển trong giấy phép;
- (6) Trong trường hợp làm việc cho Người khai thác tàu bay có AOC, người lái phải:
 - (i) Đáp ứng các yêu cầu của các điểm (1), (4) và (5) của Điều này cho loại tàu bay đề nghị cấp năng định;
 - (ii) Có xác nhận của trong hồ sơ huấn luyện rằng người làm đơn đã hoàn thành khoá huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với năng định loại tàu bay đề nghị cấp tại cơ sở huấn luyện được phê chuẩn.
- (b) Người làm đơn đề nghị cấp năng định loại không cung cấp được tàu bay đáp ứng các cơ động và phương thức bay bằng thiết bị theo các quy định cho kiểm tra sát hạch thực hành có thể:
 - (1) Được cấp năng định loại tàu bay với giới hạn “chỉ bay bằng mắt”;
 - (2) Để bỏ giới hạn này, phải chứng tỏ được sự thuần thục các quy định tại Phần này cho mỗi loại tàu bay.
- (c) Cục HKVN cấp năng định loại tàu bay với giới hạn “chỉ bay bằng mắt” khi tàu bay không có trang thiết bị để người làm đơn thể hiện khả năng bay bằng thiết bị.
- (d) Người làm đơn đề nghị cấp năng định loại máy bay nhiều động cơ, có một vị trí lái có thể đáp ứng các quy định của khoản (b) trên loại tàu bay tương tự có nhiều động cơ và nhiều vị trí lái.
- (e) Người làm đơn đề nghị cấp năng định loại máy bay một động cơ, có một vị trí lái có thể đáp ứng các quy định của khoản (b) trên loại tàu bay tương tự có một động cơ và nhiều vị trí lái.
- (f) ³⁹Trừ khi Cục Hàng không Việt Nam có quy định cụ thể về các mục kiểm tra cụ thể phải thực hiện, giáo viên thực hiện kiểm tra kỹ năng của Cục Hàng không Việt Nam có thể nhân nhượng một số mục kiểm tra mà Cục Hàng không Việt Nam cho phép.

7.123 YÊU CẦU CHO PHÉP NGƯỜI LÁI KHAI THÁC CAT II VÀ III

- (a) Quy định chung: Người làm đơn đề nghị cấp phép phi công khai thác CAT II và III phải:
 - (1) Có giấy phép lái tàu bay với năng định bay bằng thiết bị hoặc ATPL;
 - (2) Có năng định chủng loại, hạng hoặc loại tàu bay phù hợp với phép đề nghị cấp;

³⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 23 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (3) Hoàn thành các yêu cầu về kiểm tra sát hạch thực hành.
- (b) Yêu cầu về kinh nghiệm: Người làm đơn đề nghị cấp phép phi công khai thác CAT II và III phải có ít nhất:
 - (1) 50 giờ bay đêm với chức năng PIC;
 - (2) 75 giờ bay thiết bị theo điều kiện bay thiết bị thực tế hoặc giả định mà không được tính quá:
 - (i) 25 giờ bay với điều kiện bay thiết bị giả định trên buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện bay mô phỏng;
 - (ii) 40 giờ bay thiết bị nếu hoàn thành khoá học được phê chuẩn do ATO được phân loại phù hợp thực hiện.
 - (3) 250 giờ bay đường dài với chức năng PIC.
- (c) Việc đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành cấp phép khai thác CAT II hoặc III có giá trị trong thời hạn 12 tháng cho việc phục hồi phép đó trên loại tàu bay tương ứng.
- (d) Nếu người có phép khai thác CAT II hoặc III thực hiện bài kiểm tra sát hạch thực hành để gia hạn trong tháng trước khi hết hạn, thì việc đạt bài kiểm tra sẽ được tính vào tháng hết hạn.

Ghi chú 1: Xem Phụ lục 1 Điều 7.123 về quy định bổ sung liên quan đến khai thác CAT II và III.

Ghi chú 2: Xem Phụ lục 2 Điều 7.123 về quy định bổ sung liên quan đến khai thác CAT II và III.

Ghi chú 3: Xem Phụ lục 3 Điều 7.123 về quy định bổ sung liên quan đến khai thác CAT II và CAT III.

Ghi chú 4: Xem Phụ lục 4 Điều 7.123 các yêu cầu chung đối với phê chuẩn người lái khai thác CAT II và CAT III.

7.125 XÁC NHẬN KHẢ NĂNG LIÊN LẠC VÔ TUYẾN CỦA THÀNH VIÊN TỔ LÁI⁴⁰

- (a) Quy định chung: Thành viên tổ lái phải có đủ điều kiện liên lạc vô tuyến điện xác nhận trên giấy phép lái tàu bay hoặc cơ giới trên không.
- (b) Điều kiện: thành viên tổ lái phải:
 - (1) Ít nhất 16 tuổi;
 - (2) Có khả năng đọc, viết và nói ở mức 4 về thông thạo ngôn ngữ;
 - (3) Hoàn thành khoá huấn luyện mặt đất về các yêu cầu liên lạc vô tuyến điện cho loại giấy phép cụ thể do giáo viên được cấp giấy phép huấn luyện;
 - (4) Thể hiện được kỹ năng kỹ thuật về sử dụng thiết bị liên lạc vô tuyến điện trong khi bay có sự giám sát của giáo viên được cấp giấy phép;
 - (5) Được giáo viên giám sát xác nhận trong hồ sơ huấn luyện đạt yêu cầu;

⁴⁰ Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 24 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (6) Xuất trình các xác nhận và hồ sơ huấn luyện phù hợp để cấp xác nhận trong giấy phép của thành viên tổ lái về quyền thực hiện liên lạc vô tuyến điện trong khi bay.

(c) ⁴¹Nội dung xác nhận: Nếu được xác nhận, nội dung phải thể hiện Thành viên tổ lái có đủ điều kiện liên lạc vô tuyến điện.

(d) ⁴²Quyền hạn: Thành viên tổ lái được xác nhận có đủ điều kiện liên lạc vô tuyến điện có quyền sử dụng thiết bị vô tuyến điện lắp trên tàu bay hoặc dưới mặt đất để liên lạc với:

- 1. Các thiết bị không lưu;**
- 2. Các thiết bị thông tin hàng không;**
- 3. Các trạm liên lạc hàng không dưới mặt đất và tàu bay khác.**

Mục II: Học viên bay

7.130 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép học viên bay và các điều kiện cần thiết theo giấy phép, các quy tắc khai thác và giới hạn chung đối với người có giấy phép.

7.131 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY HỌC VIÊN⁴³

Quyền hạn của người được cấp giấy phép lái máy bay học viên được quy định tại Chương C Phần 10.

7.133 ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI HỌC VIÊN BAY – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đáp ứng các điều kiện của giấy phép học viên bay, người làm đơn phải:
- (1) Ít nhất 16 tuổi đối với các hoạt động khai thác khác không sử dụng khí cầu và tàu lượn;**
 - (2) Ít nhất 14 tuổi đối với các hoạt động khai thác sử dụng khí cầu, tàu lượn;**
 - (3) Có khả năng đọc, nói, viết và hiểu ngôn ngữ Việt Nam, tiếng Anh⁴⁴;**
 - (4) Hoàn thành tốt khóa học dự khóa đối với học viên bay với thời gian tối thiểu là 3 tháng. Khóa huấn luyện dự khóa phải do tổ chức huấn luyện hàng không được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn hoặc do người khai thác có AOC**

⁴¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 24 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴² Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 24 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴³ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 25 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 26 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

do Cục Hàng không Việt Nam cấp thực hiện. Chi tiết về nội dung các môn học được quy định tại Phụ lục 1 của Điều 7.133⁴⁵.

- (5) Khi được yêu cầu theo quy định tại Phần 10 Bộ QCATHK phải có Giấy chứng nhận sức khỏe loại 1 hoặc 2⁴⁶.

7.135 NỘP ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HỌC VIÊN BAY

- (a) Học viên bay phải nộp đơn đề nghị theo Mẫu quy định để được cấp giấy phép học viên bay trước khi thực hiện bay huấn luyện.

Ghi chú 3: Xem Phụ lục 1 Điều 7.135 hướng dẫn Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép học viên bay.

7.137 YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỌC VIÊN BAY ĐỀ BAY ĐƠN⁴⁷

a. Học viên bay được phép bay đơn khi có sự giám sát của Cục Hàng không Việt Nam hoặc giáo viên huấn luyện bay được ủy quyền.

b. Kiến thức hàng không:

1. Học viên bay phải đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết theo những chủ đề sau:

- i. Các nội dung áp dụng theo quy định của Phần này và Phần 10;**
- ii. Các quy tắc không lưu và các quy trình áp dụng cho các sân bay mà học viên bay sẽ thực hiện bay đơn;**
- iii. Các đặc tính của chuyến bay và giới hạn khai thác đối với kiểu loại tàu bay được sử dụng khi bay.**

2. Giáo viên huấn luyện học viên bay đơn phải:

- i. Tổ chức kỳ kiểm tra sát hạch;**
- ii. Xem xét lại toàn bộ các câu trả lời sai sau khi kết thúc bài kiểm tra trước khi quyết định cho phép học viên bay đơn.**

c. Huấn luyện trước khi bay đơn: trước khi thực hiện bay đơn, học viên bay phải:

1. Được huấn luyện và thể hiện trên hồ sơ huấn luyện các thao tác cơ động và phương thức theo yêu cầu của Chương này phù hợp với kiểu loại tàu bay được sử dụng khi bay;

2. Chứng tỏ được trước giáo viên huấn luyện bay đầy đủ khả năng và mức độ an toàn khi thực hiện các cơ động và phương thức theo yêu cầu của Chương này phù hợp với kiểu loại tàu bay được sử dụng khi bay.

d. Các thao tác cơ động tàu bay và phương thức trước khi bay đơn: người lái tàu bay học viên phải được huấn luyện và thể hiện trên hồ sơ huấn luyện các thao tác cơ động và các phương thức theo yêu cầu trước khi bay đơn. Quy định thao

⁴⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 26 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 26 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 27 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

tác cơ động tàu bay và phương thức cho học viên bay quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.137.

e. Xác nhận đủ điều kiện bay đơn: học viên bay phải được xác nhận đủ điều kiện bay đơn trên loại tàu bay theo quy định của Điều này trước khi bắt đầu được phép bay đơn, trong đó bao gồm:

1. Xác nhận cho học viên bay: học viên bay phải được giáo viên huấn luyện bay được ủy quyền xác nhận đủ điều kiện bay đơn.

2. Xác nhận nhật ký bay: Học viên bay phải được xác nhận bay đơn đường dài trong nhật ký bay do giáo viên huấn luyện bay xác nhận.

7.140 YÊU CẦU ĐỐI VỚI HỌC VIÊN BAY ĐỀ BAY ĐƯỜNG DÀI.

(a) Quy định chung:

- (1) Ngoại trừ quy định tại khoản (b) trong Điều này, học viên bay phải đáp ứng các yêu cầu tại điểm (2) của khoản này trước khi:
 - (i) Thực hiện chuyến bay đường dài hoặc bất kỳ chuyến bay nào quá 25 dặm từ sân bay xuất phát; và
 - (ii) Thực hiện chuyến bay đơn và hạ cánh tại bất kỳ địa điểm nào ngoài sân bay xuất phát.
- (2) Ngoại trừ quy định tại khoản (b) trong Điều này, học viên bay đề nghị cho phép thực hiện bay đơn đường dài phải:
 - (i) Được huấn luyện và thể hiện trên hồ sơ huấn luyện các thao tác cơ động và phương thức theo yêu cầu của Chương này phù hợp với kiểu loại tàu được sử dụng khi bay đơn đường dài do giáo viên huấn luyện bay thực hiện;
 - (ii) Chứng tỏ được đầy đủ khả năng bay đơn đường dài khi thực hiện các cơ động và phương thức phù hợp với kiểu loại tàu bay được sử dụng khi bay;
 - (iii) Hoàn thành đầy đủ khả năng bay đơn đường dài khi thực hiện các cơ động và phương thức bay phù hợp với kiểu loại tàu bay nghị cấp giấy phép;
 - (iv) Tuân thủ các hạn chế bao gồm cả xác nhận của giáo viên được yêu cầu tại khoản (c);
- (3) Học viên bay đề nghị cho phép thực hiện bay đơn đường dài phải được huấn luyện mặt đất và huấn luyện bay đơn đường dài với các cơ động và phương thức theo quy định phù hợp với kiểu loại tàu bay được sử dụng khi bay.

(b) Cho phép thực hiện một số chuyến bay đơn đường dài nhất định:

- (1) Học viên bay có thể thực hiện bay đơn tới một sân bay khác không quá 25 dặm từ sân bay mà người đó thường huấn luyện với điều kiện:
 - (i) Giáo viên huấn luyện bay đã thực hiện huấn luyện học viên bay tới sân bay khác và việc huấn luyện đó đã bao gồm cả bay theo hai chiều, bay vào và thoát ra vòng chò/vòng lượn, cất hạ cánh tại sân bay đó;
 - (ii) Học viên bay đã có xác nhận cho phép bay đơn;

- (iii) Giáo viên bay xác nhận rằng học viên bay có đủ điều kiện thực hiện chuyến bay; và
 - (iv) Mục đích của chuyến bay chỉ nhằm mục đích thực hành việc cất hạ cánh tại sân bay khác sân bay xuất phát.
- (2) Học viên bay có thể thực hiện bay đơn đường dài nhiều lần trên một tuyến đường bay cụ thể tới một sân bay khác không quá 50 dặm từ sân bay xuất phát với điều kiện:
- (i) Giáo viên huấn luyện bay đã thực hiện huấn luyện học viên bay tới sân bay khác và việc huấn luyện đó đã bao gồm cả bay theo hai chiều, bay vào và thoát ra vòng chờ/vòng lượn, cất hạ cánh tại sân bay đó;
 - (ii) Học viên bay đã có xác nhận cho phép bay đơn;
 - (iii) Học viên bay đã có xác nhận cho phép bay đơn đường dài theo quy định tại khoản (c).
- (c) Xác nhận bay đơn đường dài: học viên bay phải có xác nhận theo quy định của khoản này cho mỗi kiểu loại tàu bay mà học viên bay sử dụng trong mỗi chuyến bay đường dài:
- (1) Xác nhận trên giấy phép học viên bay:
 - (i) Xác nhận học viên bay đã thực hiện bay đơn đường dài được ghi trên giấy phép học viên bay bởi giáo viên bay thực hiện huấn luyện.
 - (2) Xác nhận trong sổ ghi giờ bay:
 - (i) Xác nhận học viên bay đã thực hiện bay đơn đường dài được ghi trong sổ ghi giờ bay bởi giáo viên bay thực hiện huấn luyện;
 - (ii) Người lái tàu bay đã có giấy phép được huấn luyện bổ sung năng định chủng loại và loại tàu bay sẽ được xác nhận trong sổ ghi giờ bay bởi giáo viên bay thực hiện huấn luyện.

(d) ⁴⁸Các phương thức huấn luyện bay đường dài: Học viên bay được huấn luyện bay đường dài phải được huấn luyện và ghi vào nhật ký bay theo phương thức được quy định. Danh mục các phương thức huấn luyện và ghi nhật ký được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.140.

Mục III: Người lái tàu bay tư nhân

7.150 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép người lái tàu bay tư nhân và các điều kiện cần thiết theo giấy phép.

7.151 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY TƯ NHÂN⁴⁹

⁴⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 28 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁴⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 29 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Quyền hạn của người được cấp giấy phép tàu bay tư nhân quy định tại Chương C của Phần 10 Bộ QCATHK.

7.153 ĐIỀU KIỆN LÀ NGƯỜI LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đáp ứng các điều kiện của giấy phép lái tàu bay tư nhân, người làm đơn phải:
- (1) Ít nhất 17 tuổi đối với các năng định khác khí cầu và tàu lượn;
 - (2) Ít nhất 16 tuổi đối với các năng định khí cầu, tàu lượn;
 - (3) Thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ mức 4 đối với:
 - (i) Ngôn ngữ được sử dụng với trạm liên lạc hàng không và kiểm soát không lưu;
 - (ii) Tiếng Anh khi tham gia hoạt động hàng không quốc tế.
 - (4) Có Giấy chứng nhận sức khỏe tối thiểu loại 2;
 - (5) Được giáo viên bay xác nhận đã đủ điều kiện tham gia kiểm tra kiến thức lý thuyết:
 - (i) Đã qua huấn luyện;
 - (ii) Đã chuẩn bị để thực hiện bài kiểm tra sát hạch.
 - (6) Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
 - (7) Được huấn luyện và được giáo viên xác nhận trong sổ ghi giờ bay:
 - (i) Đã thực hiện huấn luyện các nội dung về khai thác áp dụng cho năng định tàu bay đề nghị cấp; và
 - (ii) Đã chuẩn bị để thực hiện bài kiểm tra sát hạch thực hành.
 - (8) Đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm hàng không theo quy định của Chương này áp dụng cho năng định tàu bay đề nghị cấp trước khi đề nghị kiểm tra sát hạch thực hành;
 - (9) Chứng tỏ được mức độ kỹ năng quy định tại Điều 7.097 đối với giấy phép lái tàu bay tư nhân để đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chung loại và loại tàu bay đề nghị cấp;
 - (10) Tuân thủ các mục khác của chương này áp dụng đối với năng định chung loại và loại tàu bay đề nghị cấp.

7.155 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân phải được huấn luyện và được giáo viên thể hiện trên hồ sơ huấn luyện các kiến thức hàng không áp dụng đối với năng định chung loại và loại tàu bay đề nghị cấp.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.155 về yêu cầu kiến thức hàng không đối với giấy phép lái tàu bay tư nhân.

7.157 YÊU CẦU VỀ HUẤN LUYỆN BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân phải được huấn luyện bay và được giáo viên thể hiện trên hồ sơ huấn luyện các nội dung khai thác.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.157 về yêu cầu huấn luyện bay đối với giấy phép lái tàu bay tư nhân.

- (b) ⁵⁰Giáo viên huấn luyện bay phải đảm bảo người đề nghị cấp Giấy phép lái tàu bay tư nhân có kinh nghiệm khai thác tối thiểu theo các phương thức quy định đối với tàu bay tư nhân tại Phụ lục 1 Điều 7.157.

7.158 QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI KIỂM TRA KỸ NĂNG ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN⁵¹

Người đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân phải thể hiện khả năng lái chính trên hạng và loại tàu bay phù hợp theo phương thức khai thác quy định tại Phụ lục 1 của Điều 7.157 ở mức tay nghề theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam phù hợp với quyền hạn được cấp và với các lĩnh vực sau:

- a. Nhận biết và quản lý đe dọa, rủi ro;
- b. Khai thác tàu bay theo giới hạn;
- c. Hoàn thành các phương thức chính xác và thành thạo;
- d. Có khả năng phán đoán và kỹ thuật lái tàu bay tốt;
- e. Áp dụng kiến thức hàng không.
- g. Duy trì việc kiểm soát tàu bay theo phương thức đạt kết quả tốt và đảm bảo.

7.160 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân phải có kinh nghiệm bay tối thiểu và được thể hiện trên hồ sơ huấn luyện theo quy định.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.160 về yêu cầu kinh nghiệm hàng không đối với giấy phép lái tàu bay tư nhân.

- (b) Giấy phép lái tàu bay tư nhân với năng định chủng loại máy bay, tàu bay cánh quay và thiết bị dùng lực nâng:

- (1) Tổng giờ bay tối thiểu:
 - (i) 40 giờ bay bao gồm trong đó phải thực hiện ít nhất 20 giờ bay huấn luyện với giáo viên bay được ủy quyền;
 - (ii) 10 giờ bay đơn huấn luyện về các nội dung khai thác theo quy định.

⁵⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 30 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 31 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (2) Người làm đơn đã hoàn thiện khoá học giấy phép người lái tàu bay tư nhân do ATO thực hiện chỉ cần 35 giờ bay kinh nghiệm.
- (3) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân có thể được tính chuyên đổi giờ bay tích lũy nếu đã được huấn luyện trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng phù hợp với chủng loại, hạng và loại tàu bay áp dụng với năng định đề nghị cấp:
 - (i) Tối đa 2,5 giờ huấn luyện, nếu được huấn luyện bởi giáo viên được phê chuẩn nhưng không thuộc ATO thực hiện;
 - (ii) Tối đa 5 giờ huấn luyện nếu việc huấn luyện được hoàn thành theo khoá học được ATO thực hiện.

7.163 CÁC HẠN CHẾ KHI CẤP GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN

- (a) Cục HKVN có thể đưa ra các giới hạn trên giấy phép trên cơ sở xem xét kinh nghiệm hạn chế của người đề nghị cấp giấy phép.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.163 về giới hạn của người lái khí cầu.

Mục IV: Người lái tàu bay thương mại

7.170 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép lái tàu bay thương mại và các điều kiện cần thiết theo giấy phép.

7.171 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY THƯƠNG MẠI⁵²

Quyền hạn của người được cấp giấy phép lái máy bay thương mại được quy định tại Chương C Phần 10 Bộ QCATHK.

7.173 ĐIỀU KIỆN LÀ NGƯỜI LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đáp ứng các điều kiện của giấy phép lái tàu bay thương mại, người làm đơn phải:
 - (1) Ít nhất 18 tuổi;
 - (2) Thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ mức 4 đối với:
 - (i) Ngôn ngữ được sử dụng với trạm liên lạc hàng không và kiểm soát không lưu;
 - (ii) Tiếng Anh khi tham gia hoạt động hàng không quốc tế.
 - (3) Nếu được yêu cầu theo quy định tại Phần 10.053 cho loại năng định chủng loại, hạng và loại tàu bay đề nghị cấp, phải có Giấy chứng nhận sức khỏe loại 1;
 - (4) Được giáo viên bay xác nhận đã đủ điều kiện tham gia kiểm tra kiến thức lý thuyết:

⁵² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 32 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (i) Đã qua huấn luyện;
 - (ii) Đã chuẩn bị để thực hiện bài kiểm tra sát hạch.
- (5) Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
- (6) Được giáo viên xác nhận việc huấn luyện trong sổ ghi giờ bay:
- (i) Đã thực hiện huấn luyện các nội dung về khai thác áp dụng cho năng định tàu bay đề nghị cấp; và
 - (ii) Đã chuẩn bị để thực hiện bài kiểm tra sát hạch thực hành.
- (7) Đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm hàng không theo quy định của Chương này áp dụng cho năng định tàu bay đề nghị cấp trước khi đề nghị kiểm tra sát hạch thực hành;
- (8) Chứng tỏ được mức độ kỹ năng quy định tại Điều 7.097 đối với giấy phép lái tàu bay thương mại để đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại và loại tàu bay đề nghị cấp;
- (9) Có giấy phép lái tàu bay tư nhân được cấp theo quy định của Chương này hoặc đủ điều kiện để được lái tàu bay quân sự; và
- (10) Tuân thủ các mục khác của chương này áp dụng đối với năng định chủng loại và loại tàu bay đề nghị cấp.

7.175 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay thương mại phải được huấn luyện các kiến thức hàng không theo quy định áp dụng đối với năng định chủng loại và loại tàu bay đề nghị cấp và được giáo viên thể hiện trên hồ sơ huấn luyện.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.175 về yêu cầu kiến thức hàng không đối với giấy phép lái tàu bay thương mại.

- (b) ⁵³Người đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay thương mại phải thể hiện mức kiến thức lý thuyết phù hợp với quyền hạn được cấp cho người có giấy phép lái tàu bay thương mại và phù hợp với chủng loại tàu bay đề nghị cấp trong giấy phép theo quy định tại Phụ lục 1 của Điều 7.175.

7.177 YÊU CẦU VỀ HUẤN LUYỆN BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay thương mại phải được huấn luyện bay và được giáo viên thể hiện trên hồ sơ huấn luyện các nội dung khai thác theo quy định đối với năng định chủng loại và hạng tàu bay.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.177 về yêu cầu huấn luyện bay đối với giấy phép lái tàu bay thương mại.

⁵³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 33 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.178 QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI KIỂM TRA KỸ NĂNG ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI⁵⁴

Người đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay thương mại phải thể hiện khả năng lái chính trên hạng và loại tàu bay phù hợp theo phương thức khai thác quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.177 ở mức tay nghề theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam, phù hợp với quyền hạn được cấp và với các yêu cầu sau:

- a. Nhận biết và quản lý đe dọa, rủi ro;
- b. Khai thác tàu bay theo giới hạn;
- c. Hoàn thành các phương thức chính xác và thành thạo;
- d. Có khả năng phán đoán và kỹ thuật lái tàu bay tốt;
- e. Áp dụng kiến thức hàng không.
- g. Duy trì việc kiểm soát tàu bay theo phương thức đạt kết quả tốt và đảm bảo.

7.180 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay thương mại phải có kinh nghiệm bay tối thiểu theo quy định và được giáo viên thể hiện trên hồ sơ huấn luyện.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.180 về yêu cầu kinh nghiệm bay đối với giấy phép lái tàu bay thương mại.

- (b) Miễn trừ đối với ATO: Người làm đơn đã hoàn thành khoá huấn luyện giấy phép lái tàu bay thương mại do ATO thực hiện phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm sau đây:

- (1) 150 giờ đối với năng định máy bay, trong đó tối thiểu 70 giờ là lái chính⁵⁵;
- (2) 150 giờ đối với năng định trực thăng.

- (c) Miễn trừ đối với buồng lái mô phỏng: Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay tư nhân được phép tính thời gian kinh nghiệm tích lũy trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng phù hợp với chủng loại, hạng và loại tàu bay áp dụng với năng định đề nghị cấp tối đa như sau:

- (1) 10 giờ đối với năng định máy bay⁵⁶;
- (2) 10 giờ đối với năng định trực thăng⁵⁷;

⁵⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 34 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 35 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁶ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 35 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁷ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 35 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (3) 10 giờ đối với năng định trực thăng nếu việc huấn luyện được hoàn thành theo khoá học được ATO thực hiện⁵⁸.
- (d) ⁵⁹Người đề nghị cấp giấy phép có giấy phép lái máy bay thương mại với ít nhất một chủng loại tàu bay có thể đề nghị Cục Hàng không Việt Nam giảm quy định về tổng giờ bay. Cục Hàng không Việt Nam xem xét và quyết định số giờ bay kinh nghiệm tại khoản a Điều này được giảm.

7.183 CÁC HẠN CHẾ KHI CẤP GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI

- (a) Cục HKVN có thể cấp giấy phép lái tàu bay thương mại với năng định chủng loại máy bay không có năng định bay bằng thiết bị “Không được bay bằng thiết bị”.

Ghi chú: Người lái có thể bỏ hạn chế bằng việc đáp ứng các yêu cầu theo quy định về năng định bay bằng thiết bị trên cùng chủng loại hoặc hạng tàu bay mà bị áp dụng hạn chế.

(b) ⁶⁰Nếu người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay thương mại với năng định kinh khí cầu thực hiện bài kiểm tra kỹ năng trên kinh khí cầu với bộ đốt nóng, Cục Hàng không Việt Nam sẽ cấp giấy phép với hạn chế quyền hạn của giấy phép là năng định khí cầu. Người lái có thể xóa bỏ hạn chế này bằng cách tích lũy đủ kinh nghiệm trên khinh khí cầu ga và được Giáo viên được ủy quyền chứng nhận đã đủ kinh nghiệm và khả năng cần thiết để điều khiển khinh khí cầu ga.

(c) ⁶¹Nếu người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay thương mại với năng định khí cầu thực hiện kiểm tra kỹ năng trên khí cầu khí, Cục Hàng không Việt Nam sẽ cấp giấy phép với hạn chế quyền hạn của giấy phép với năng định khí cầu ga. Người lái có thể xóa bỏ hạn chế này bằng cách tích lũy đủ kinh nghiệm trên khinh khí cầu khí nóng và được Giáo viên được ủy quyền chứng nhận đã đủ kinh nghiệm và khả năng cần thiết để điều khiển khinh khí cầu khí nóng.

Mục V: Người lái máy bay - tổ lái nhiều thành viên

7.190 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép lái máy bay - tổ lái nhiều thành viên và các điều kiện cần thiết theo giấy phép và năng định.

⁵⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 35 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁵⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản c Mục 35 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 36 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 36 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.191: QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN⁶²

Quyền hạn của người được cấp giấy phép lái máy bay tổ lái nhiều thành viên được quy định tại Chương C Phần 10 Bộ QCATHK.

7.193 ĐIỀU KIỆN LÀ NGƯỜI LÁI MÁY BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đáp ứng các điều kiện của giấy phép lái tàu bay thương mại, người làm đơn phải:
 - (1) Ít nhất 18 tuổi.
 - (2) Thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ mức 4 đối với:
 - (i) Ngôn ngữ được sử dụng với trạm liên lạc hàng không và kiểm soát không lưu;
 - (ii) Tiếng Anh, khi tham gia hoạt động hàng không quốc tế.
- (3) Phải có giấy chứng nhận sức khỏe loại 1⁶³.
- (b) Chứng tỏ được mức độ kỹ năng cần thiết đáp ứng các năng lực quy định tại Phụ lục 1 của Điều 7.200 như phi công điều khiển và phi công không điều khiển, đạt mức độ theo quy định để thực hiện nhiệm vụ lái phụ trên máy bay tuốc-bin phản lực yêu cầu khai thác tối thiểu 02 thành viên tổ lái theo chứng chỉ của máy bay, khai thác theo quy tắc VFR và IFR.
- (c) ⁶⁴Mức độ kỹ năng theo quy định tại Điều 7.198 phải được người làm đơn thể hiện và quá trình này phải được đánh giá liên tục.
- (d) ⁶⁵Khi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn theo quy định tại Phần 9 Bộ QCATHK chứng tỏ học viên đã chuẩn bị kiểm tra lý thuyết và thực hành theo quy định tại chương này thì học viên đó có thể kiểm tra trước khi đáp ứng các quy định về kinh nghiệm.

7.195 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI MÁY BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái máy bay - tổ lái nhiều thành viên phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 7.215 về kiến thức lý thuyết cho giấy phép người lái tàu bay vận tải hàng không.

⁶² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 37 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶³ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản a Mục 38 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản b Mục 38 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản c Mục 38 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.197 YÊU CẦU VỀ HUẤN LUYỆN BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI MÁY BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái máy bay - tổ lái nhiều thành viên phải hoàn thành khoá huấn luyện tích lũy kinh nghiệm theo quy định tại Điều 7.200.
- (b) Người làm đơn phải được huấn luyện bay kèm trong tất cả các mục về khả năng điều khiển máy bay theo Phụ lục 1 của Điều 7.200 áp dụng đối với giấy phép lái máy bay - tổ lái nhiều thành viên, bao gồm các nội dung yêu cầu về năng lực để bay theo quy tắc IFR.

7.198 YÊU CẦU VỀ KIỂM TRA KỸ NĂNG ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN (MÁY BAY)⁶⁶

a. Người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay tổ lái nhiều thành viên phải chứng tỏ được các bài kiểm tra thực hành theo quy định với tất cả các mục kiểm tra quy định tại Phụ lục 3 ở vị trí phi công bay và không bay với vị trí lái phụ trên máy bay động cơ tua-bin được cấp giấy chứng nhận khai thác với thành phần tổ bay tối thiểu 02 người lái bay theo quy tắc bay bằng mắt và quy tắc bay bằng thiết bị:

- 1. Nhận biết và quản lý đe dọa và rủi ro;**
- 2. Kiểm soát được các tính năng của máy bay như thực hiện tốt các phương thức bay hoặc đảm bảo được tính năng của máy bay;**
- 3. Khai thác máy bay theo phương thức tự động hóa phù hợp với từng giai đoạn của chuyến bay và duy trì được sự nhận biết về phương thức hoạt động tích cực của tự động hóa;**
- 4. Thực hiện các quy trình bình thường, bất thường và khẩn nguy trong tất cả các giai đoạn của chuyến bay bằng phương pháp chính xác;**
- 5. Giao tiếp hiệu quả với các thành viên tổ lái khác và chứng tỏ khả năng thực hiện hiệu quả các phương thức đối với việc mất khả năng làm việc của tổ lái, phối hợp tổ bay bao gồm sự phân công nhiệm vụ của của tổ lái, tuân thủ theo các phương thức khai thác tiêu chuẩn và sử dụng danh mục kiểm tra;**

b. Quá trình đạt được các kỹ năng quy định tại khoản a Điều này phải liên tục được đánh giá.

7.200 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI MÁY BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái máy bay - tổ lái nhiều thành viên phải đạt được số giờ bay kinh nghiệm cần thiết theo quy định, bao gồm:
 - (1) Hoàn thành khoá huấn luyện được phê chuẩn không ít hơn 240 giờ bay trên chuyến bay thực tế hoặc giả định;
 - (2) Kinh nghiệm trên chuyến bay thực tế phải bao gồm tối thiểu kinh nghiệm bay theo quy định tại Điều 7.197, huấn luyện phục hồi tình trạng tàu bay (upset recovery), bay đêm và bay chỉ sử dụng tham số đồng hồ.

⁶⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 39 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (3) Ngoài quy định tại mục 2, người làm đơn phải có các kinh nghiệm cần thiết để đạt mức nâng cao năng lực xác định tại Phụ lục 1 của Điều 7.200:
- (i) Trên máy bay tuốc-bin phản lực yêu cầu khai thác tối thiểu 02 thành viên tổ lái theo chứng chỉ của máy bay;
 - (ii) Trên thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được Cục HKVN phê chuẩn cho mục đích đó.

7.203 CÁC HẠN CHẾ KHI CẤP GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN

- (a) Cục HKVN đưa ra các giới hạn trên giấy phép lái tàu bay trên cơ sở của kinh nghiệm hạn chế của người đề nghị cấp giấy phép.
- (b) Quyền người lái tư nhân: được thực hiện các quyền của người có giấy phép lái tàu bay tư nhân trên máy bay tổ lái nhiều thành viên khi hoàn thành các yêu cầu về tích lũy kinh nghiệm quy định tại Điều 7.160.
- (c) ⁶⁷Quyền của người có năng định bay bằng thiết bị: trước khi thực hiện quyền của người có năng định bay bằng thiết bị với phương thức khai thác một người lái trên máy bay, người đó phải thể hiện khả năng của người chỉ huy tàu bay với phương thức khai thác một người lái trên máy bay, chỉ sử dụng tham số đồng hồ và đáp ứng yêu cầu về kỹ năng tại khoản g Điều 7.113 phù hợp với chủng loại máy bay.
- (d) Quyền của người lái thương mại: trước khi thực hiện quyền của người có năng định bay bằng thiết bị với phương thức khai thác một người lái trên máy bay, người đó phải:
 - (1) Thực hiện 70 giờ trên máy bay là người chỉ huy tàu bay hoặc không ít hơn 10 giờ là người chỉ huy tàu bay và thời gian còn lại là người chỉ huy tàu bay dưới sự giám sát;
 - (2) Thực hiện 20 giờ bay đường dài là người chỉ huy tàu bay hoặc không ít hơn 10 giờ là người chỉ huy tàu bay và 10 giờ là người chỉ huy tàu bay dưới sự giám sát, với tổng các chặng bay đường dài không ngắn hơn 540 km (300 dặm) trong khoá huấn luyện với 2 lần hạ cánh dừng lại hẳn tại hai sân bay khác nhau;
 - (3) Đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm đối với giấy phép lái tàu bay thương mại, ngoại trừ yêu cầu về giờ bay PIC;
 - (4) Đáp ứng các yêu cầu kỹ năng bay phù hợp với chủng loại máy bay; và
 - (5) Có xác nhận trong giấy phép lái tàu bay - tổ lái nhiều thành viên quyền thực hiện phương thức khai thác một người lái thương mại.

⁶⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 40 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(e) ⁶⁸Khi người được cấp giấy phép lái máy bay tổ lái nhiều thành viên với năng định máy bay, trực thăng đạt 65 tuổi thì giấy phép phải được giới hạn không được phép khai thác vận tải hàng không thương mại.

Mục VI: Người lái tàu bay vận tải hàng không

7.210 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không và các điều kiện cần thiết theo giấy phép và năng định.

7.211 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP LÁI MÁY BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG⁶⁹

Quyền hạn của người được cấp giấy phép lái máy bay vận tải hàng không quy định tại Chương C Phần 10 Bộ QCATHK.

7.213 ĐIỀU KIỆN LÀ NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đáp ứng các điều kiện của giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không, người làm đơn phải:
- (1) Tối thiểu 21 tuổi;
 - (2) Thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ mức 4 đối với:
 - (i) Ngôn ngữ được sử dụng với trạm liên lạc hàng không và kiểm soát không lưu;
 - (ii) Tiếng Anh khi tham gia hoạt động hàng không quốc tế.
 - (3) Có Giấy chứng nhận sức khỏe loại 1 hoặc tương đương.
 - (4) Đáp ứng được ít nhất một trong các yêu cầu sau:
 - (i) Có giấy phép lái tàu bay thương mại và năng định bay bằng thiết bị còn hiệu lực;
 - (ii) Có kinh nghiệm bay quân sự đáp ứng được yêu cầu đối với việc cấp giấy phép lái tàu bay thương mại và năng định bay bằng thiết bị trong trường hợp người làm đơn đang là phi công quân sự hoặc đã từng là phi công quân sự của Việt Nam;
 - (iii) Có giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không hoặc giấy phép lái tàu bay thương mại do quốc gia thành viên ICAO cấp;
 - (5) Đáp ứng các kinh nghiệm hàng không áp dụng theo yêu cầu của Chương này;
 - (6) Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;

⁶⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 40 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁶⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 41 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (7) Chứng tỏ được mức độ kỹ năng quy định tại Điều 7.218 đối với giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không để đạt bài kiểm tra sát hạch kỹ năng với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại và loại tàu bay đề nghị cấp⁷⁰.

(b) ⁷¹Khi trung tâm huấn luyện hàng không được phê chuẩn theo Phần 9 chứng tỏ với Cục Hàng không Việt Nam các học viên chuẩn bị kiểm tra lý thuyết và thực hành theo quy định của Chương này thì các học viên có thể thực hiện kiểm tra trước khi đáp ứng các quy định về kinh nghiệm. Phi công phải hoàn thành bài kiểm tra lý thuyết và thực hành để được cấp giấy phép lái máy bay vận tải hàng không trước khi đáp ứng các quy định về tuổi và kinh nghiệm quy định tại khoản a Điều này.

7.215 YÊU CẦU KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

- (a) Quy định chung: Cục HKVN tổ chức thực hiện bài kiểm tra sát hạch kiến thức lý thuyết cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không trên cơ sở phạm vi kiến thức theo quy định phù hợp với năng định chủng loại tàu bay và hạng tàu bay đề nghị cấp.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.215 về yêu cầu kiến thức lý thuyết cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không.

- (b) ⁷²Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không phải được huấn luyện các kiến thức hàng không và được giáo viên thể hiện trên hồ sơ huấn luyện theo quy định. Khóa kiến thức lý thuyết phải bao gồm ít nhất là 750 giờ huấn luyện, trong đó các môn học được phân phối tối thiểu là:

1. Luật hàng không dân dụng Việt Nam	40 giờ;
2. Kiến thức chung về tàu bay	80 giờ;
3. Tính năng và kế hoạch bay	90 giờ;
4. Khả năng và hạn chế của con người	50 giờ;
5. Khí tượng	60 giờ;
6. Dẫn đường	150 giờ;
7. Phương thức khai thác	20 giờ;
8. Nguyên lý bay	30 giờ;
9. Liên lạc	30 giờ;

⁷⁰ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản a Mục 42 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷¹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản b Mục 42 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Mục 43 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

(c) ⁷³Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái máy bay vận tải hàng không phải được giáo viên huấn luyện lý thuyết và lưu hồ sơ quá trình huấn luyện hoặc hoàn thành khóa huấn luyện tự học về các kiến thức hàng không theo quy định.

7.217 YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không trên máy bay hoặc thiết bị dùng lực nâng phải được huấn luyện bay theo quy định đáp ứng yêu cầu đối với việc cấp giấy phép lái tàu bay thương mại và năng định bay bằng thiết bị đối với chủng loại tàu bay.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.217 về yêu cầu kỹ năng bay cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không.

- (b) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không trên trực thăng phải được huấn luyện bay theo quy định đáp ứng yêu cầu đối với giấy phép lái tàu bay thương mại.

7.218 CÁC YÊU CẦU VỀ KIỂM TRA KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG⁷⁴

a. Người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay vận tải hàng không phải thể hiện khả năng làm việc ở vị trí lái chính trên loại tàu bay phù hợp, với năng định hạng và năng định loại, thực hiện các phương thức và thao tác theo quy định tại Phụ lục 1 của Điều 7.177 với mức độ tay nghề phù hợp theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam đối với quyền hạn được cấp cho người lái tàu bay vận tải hàng không và:

1. Nhận biết và quản lý đe dọa và rủi ro;
2. Kiểm soát được các tính năng của máy bay như thực hiện tốt các phương thức bay hoặc đảm bảo được tính năng của máy bay;
3. Khai thác máy bay theo phương thức tự động hóa phù hợp với từng giai đoạn của chuyến bay và duy trì được sự nhận biết về phương thức hoạt động tích cực của tự động hóa;
4. Thực hiện các quy trình bình thường, bất thường và khẩn nguy trong tất cả các giai đoạn của chuyến bay bằng phương pháp chính xác;
5. Thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ bay bao gồm năng lực đưa ra quyết định và duy trì việc nhận biết các tình huống;
6. Trao đổi hiệu quả giữa các thành viên tổ lái và chứng tỏ khả năng thực hiện hiệu quả các phương thức đối với việc mất khả năng làm việc của tổ lái, phối hợp tổ bay bao gồm sự phân công nhiệm vụ của của tổ lái, tuân thủ theo các phương thức khai thác tiêu chuẩn và sử dụng danh mục kiểm tra.

b. Khi tàu bay yêu cầu khai thác với lái phụ thì các quy trình và phương thức sau đây phải được thực hiện trong bài kiểm tra kỹ năng:

⁷³ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Mục 43 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁷⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 44 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

1. Phương thức chuẩn bị trước chuyến bay bao gồm việc chuẩn bị kế hoạch bay và lập kế hoạch sử dụng các dịch vụ không lưu;
 2. Các phương thức và quy trình bình thường trong mọi giai đoạn của chuyến bay;
 3. Các quy trình bất thường và khẩn nguy liên quan đến sai lệch và hỏng hóc của thiết bị như động cơ, hệ thống tàu bay, khung sườn;
 4. Các phương thức điều phối tổ bay và tổ bay mất khả năng làm việc, bao gồm việc phân công nhiệm vụ tổ lái, phối hợp tổ bay và sử dụng danh mục kiểm tra;
 5. Đối với máy bay và thiết bị bay bằng lực nâng, các phương thức và quy trình bay bằng thiết bị được quy định tại Điều này, bao gồm động cơ giả định bị hỏng.
- c. Đối với máy bay, người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay vận tải hàng không phải thể hiện khả năng thực hiện các phương thức và quy trình quy định tại Điều 7.113 (thiết bị) ở vị trí lái chính của máy bay nhiều động cơ.

7.220 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG: NĂNG ĐỊNH CHỦNG LOẠI MÁY BAY

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không với:
- (1) Năng định chủng loại máy bay, phải đạt được 1500 giờ bay kinh nghiệm bao gồm cả các kinh nghiệm bổ sung tối thiểu theo quy định.
 - (2) Năng định chủng loại tàu bay cánh quay-trục thẳng, phải đạt được 1000 giờ bay kinh nghiệm bao gồm cả các kinh nghiệm bổ sung tối thiểu theo quy định.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.220 quy định chi tiết về kinh nghiệm hàng không đối với giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không.

7.223 CÁC NĂNG ĐỊNH CHỦNG LOẠI, HẠNG, LOẠI TÀU BAY BỔ SUNG

- (a) Người đã có giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không làm đơn đề nghị cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không với chủng loại tàu bay khác phải:
- (1) Đáp ứng đầy đủ điều kiện liên quan được quy định tại Phần này;
 - (2) Đạt bài kiểm tra sát hạch về các nội dung lý thuyết áp dụng;
 - (3) Đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm hàng không;
 - (4) Đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành về phạm vi khai thác liên quan.
- (b) Người làm đơn đề nghị bổ sung năng định loại tàu bay vào giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không không phải kiểm tra kiến thức lý thuyết nếu giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không đã có năng định chủng loại hoặc hạng tàu bay phù hợp với năng định loại tàu bay đề nghị cấp.

7.225 HẠN CHẾ ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG⁷⁵

⁷⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 45 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Khi người được cấp giấy phép lái tàu bay vận tải hàng không với năng định máy bay, trực thăng hoặc thiết bị bay bằng lực nâng đạt 65 tuổi thì giấy phép phải xác nhận hạn chế “Không phù hợp để khai thác thương mại.

Mục VII: Giáo viên bay

7.230 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép giáo viên bay và các điều kiện cần thiết theo giấy phép và năng định.

7.231 CÁC QUYỀN HẠN CỦA GIẤY PHÉP GIÁO VIÊN BAY⁷⁶

Các quyền hạn cấp cho người có giấy phép giáo viên bay quy định tại Chương C Phần 10 Bộ QCATHK.

7.233 ĐIỀU KIỆN LÀ GIÁO VIÊN BAY – QUY ĐỊNH CHUNG

- (a) Để đáp ứng các điều kiện của giấy phép giáo viên bay, người làm đơn phải:
- (1) Tối thiểu 21 tuổi;
 - (2) Có Giấy chứng nhận sức khoẻ loại 1 hoặc tương đương;
 - (3) Thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ mức 4 đối với:
 - (i) Ngôn ngữ được sử dụng với trạm liên lạc hàng không và kiểm soát không lưu;
 - (ii) Tiếng Anh khi tham gia hoạt động hàng không quốc tế.
 - (4) Có giấy phép lái tàu bay thương mại hoặc vận tải hàng không:
 - (i) Có năng định chủng loại và hạng tàu bay phù hợp với năng định giáo viên bay đề nghị cấp;
 - (ii) Có năng định bay bằng thiết bị, đối với người có giấy phép lái tàu bay thương mại đang đề nghị cấp giấy phép giáo viên bay có:
 - (A) Năng định chủng loại tàu bay và hạng tàu bay loại một động cơ; hoặc
 - (B) Năng định bay thiết bị.
 - (5) Được giáo viên xác nhận trong sổ ghi giờ bay về các nội dung giảng dạy cơ bản theo quy định;
 - (6) Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
 - (7) Được giáo viên xác nhận trong sổ ghi giờ bay về các nội dung khai thác theo quy định đối với năng định giáo viên bay đề nghị cấp;
 - (8) Đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành phù hợp với năng định giáo viên bay đề nghị cấp trên:

⁷⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 46 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (i) Tàu bay đại diện cho chủng loại tàu bay và hạng tàu bay cho năng định giáo viên bay đề nghị cấp;
 - (ii) Buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện bay mô phỏng đại diện cho chủng loại tàu bay và hạng tàu bay cho năng định giáo viên bay đề nghị cấp được phê chuẩn cho ATO sử dụng trong khoá huấn luyện được phê chuẩn.
- (9) Hoàn thiện các năng định sau với giấy phép giáo viên bay:
- (i) Có xác nhận của giáo viên bay trong sổ ghi giờ bay cho thấy người làm đơn có năng lực và kỹ năng hướng dẫn về nhận biết trạng thái thất tốc, phương thức xử lý khi bắt đầu vào tình trạng xoáy, trong tình trạng xoáy và thoát khỏi tình trạng xoáy sau khi người đó được huấn luyện các nội dung đó trên máy bay hoặc tàu lượn được cấp chứng chỉ;
 - (ii) Thể hiện được kỹ năng hướng dẫn các quy trình về nhận biết trạng thái thất tốc, phương thức xử lý khi bắt đầu vào tình trạng xoáy, trong tình trạng xoáy và thoát khỏi tình trạng xoáy.
- (10) Người tiến hành kiểm tra sát hạch có thể chấp nhận xác nhận quy định tại điểm (9i) của Điều này như là bằng chứng về khả năng hướng dẫn nhận biết trạng thái thất tốc, phương thức xử lý khi bắt đầu vào tình trạng xoáy, trong tình trạng xoáy và thoát khỏi tình trạng xoáy với điều kiện người làm đơn trước đó không bị trượt bài kiểm tra sát hạch về kiến thức và kỹ năng;
- (11) Nếu phải thực hiện kiểm tra sát hạch lại vì lý do không đạt về kiến thức và kỹ năng trong bài kiểm tra sát hạch trước, người làm đơn phải chứng tỏ năng lực của mình trước người kiểm tra trên tàu bay hoặc tàu lượn phù hợp được cấp chứng chỉ;
- (12) Có ít nhất 15 giờ ghi trong sổ như là PIC trên chủng loại và hạng tàu bay phù hợp với năng định giáo viên bay đề nghị cấp;
- (13) Tuân thủ các quy định của mục này áp dụng đối với năng định giáo viên bay đề nghị cấp.

7.235 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN BAY

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép giáo viên bay phải thể hiện mức độ kiến thức theo quy định phù hợp với các quyền hạn được cấp.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.235 về kiến thức hàng không cho giáo viên bay.

7.237 QUY ĐỊNH VỀ HUẤN LUYỆN BAY ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN BAY⁷⁷

a. Dưới sự giám sát của giáo viên huấn luyện bay được Cục Hàng không Việt Nam chấp thuận, người đề nghị phải:

1. Được huấn luyện các kỹ năng bao gồm thực hành, nhận biết và sửa chữa các lỗi chung của học viên.

⁷⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 47 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

2. Thực hành các kỹ năng huấn luyện trong điều khiển bay và phương thức bay đề nghị huấn luyện.

b. Người đề nghị cấp giấy phép huấn luyện bay phải:

1. Ghi thời gian bay theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam;

2. Có chứng thực của giáo viên được ủy quyền là đã đạt bài kiểm tra cấp năng định giáo viên huấn luyện bay.

c. Người đề nghị có thể hoàn thành nội dung huấn luyện bay theo quy định của Chương này:

1. Trên tàu bay thuộc chủng loại hoặc hạng tàu bay đề nghị cấp năng định;

2. Trên buồng lái giả định hoặc thiết bị huấn luyện thuộc chủng loại hoặc hạng tàu bay đề nghị cấp và được sử dụng phù hợp với khóa huấn luyện được phê chuẩn tại trung tâm huấn luyện hàng không.

7.238 YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN BAY⁷⁸

Kỹ năng do người làm đơn thể hiện phải được thực hiện trên chủng loại tàu bay của năng định giáo viên bay đề nghị cấp, thể hiện được khả năng hướng dẫn về các nội dung được cho phép theo giấy phép giáo viên bay bao gồm cả nội dung trước và trong khi bay và hướng dẫn dưới mặt đất.

7.240 NĂNG ĐỊNH GIÁO VIÊN BỔ SUNG

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp bổ sung năng định giáo viên bay vào giấy phép giáo viên bay phải đáp ứng đủ các điều kiện áp dụng theo quy định đối với năng định giáo viên bay đề nghị cấp bổ sung.
- (b) Người làm đơn đề nghị cấp bổ sung năng định giáo viên bay vào giấy phép giáo viên bay không cần phải kiểm tra sát hạch kiến thức lý thuyết đối với các nội dung theo quy định.

7.243 GIA HẠN GIẤY PHÉP GIÁO VIÊN BAY

- (a) Giấy phép giáo viên bay có thể được gia hạn tiếp 36 tháng nếu người có giấy phép:
 - (1) Đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành đề:
 - (i) Gia hạn giấy phép giáo viên bay; hoặc
 - (ii) Cấp bổ sung năng định giáo viên bay.
 - (2) Xuất trình cho Cục HKVN:
 - (i) Hồ sơ huấn luyện của học viên liên quan cho thấy trong vòng 36 tháng giáo viên bay đã xác nhận cho ít nhất 5 học viên bay để kiểm tra sát hạch thực hành lấy giấy phép, năng định;
 - (ii) Hồ sơ thể hiện trong vòng 36 tháng trước làm việc như phi công kiểm tra, giáo viên huấn luyện bay chính, giáo viên kiểm tra năng định loại được chỉ định hoặc giáo viên bay theo Phần 12 hoặc

⁷⁸ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 48 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

những vị trí liên quan thường xuyên đến việc đánh giá người lái;
hoặc

- (iii) Chứng chỉ tốt nghiệp cho thấy người đó đã hoàn thành khoá huấn luyện giáo viên bay được phê chuẩn bao gồm huấn luyện mặt đất hoặc huấn luyện bay hoặc cả hai, trong vòng 90 ngày trước tháng hết hạn trên giấy phép.
- (b) Nếu giáo viên bay hoàn thành các yêu cầu về gia hạn giấy phép giáo viên bay trong vòng 90 ngày trước tháng hết hạn trên giấy phép giáo viên bay:
 - (1) Cục HKVN sẽ coi việc hoàn thành các yêu cầu gia hạn giấy phép giáo viên bay vào tháng hết hạn; và
 - (2) Cục HKVN sẽ gia hạn giấy phép giáo viên bay 36 tháng tính từ tháng hết hạn.
- (c) Giáo viên bay có thể hoàn thiện nội dung kiểm tra sát hạch thực hành theo quy định tại điểm (1), khoản (a) của Điều này tại ATO được phê chuẩn.

7.245 HẾT HIỆU LỰC GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH GIÁO VIÊN BAY

- (a) Người có giấy phép giáo viên bay hết hạn có thể được cấp đổi giấy phép mới sau khi đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành theo quy định.

Mục VIII: Cơ giới trên không

7.250 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép cơ giới trên không.

7.251 QUYỀN HẠN CỦA CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG⁷⁹

Quyền hạn của người có giấy phép cơ giới trên không được quy định trong Chương C phần 10 Bộ QCATHK

7.253 ĐIỀU KIỆN LÀ CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG - QUY ĐỊNH CHUNG⁸⁰

- a. Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép cơ giới trên không phải:
 - 1. Tối thiểu 18 tuổi;
 - 2. Có Giấy chứng nhận sức khoẻ loại 1 hoặc tương đương;
 - 3. Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
 - 4. Đáp ứng các yêu cầu về kiến thức hàng không theo quy định của Phần này áp dụng đối với năng định loại tàu bay đề nghị cấp trước khi đề nghị kiểm tra sát hạch thực hành;
 - 5. Đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành về những nội dung theo quy định đối với năng định loại tàu bay đề nghị cấp;
 - 6. Tuân thủ các quy định của Phần này áp dụng cho chủng loại và hạng tàu bay đề nghị cấp.

⁷⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 49 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁸⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 1 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

7.255 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép CGTK phải chứng tỏ trình độ kiến thức lý thuyết phù hợp với quyền hạn theo giấy phép cơ giới trên không được cấp.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.255 về yêu cầu kiến thức lý thuyết của cơ giới trên không.

- (b) Trước khi tiến hành kiểm tra sát hạch lý thuyết theo quy định của khoản (a) và (b) của điều này, người làm đơn đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không xuất trình được bằng chứng về việc đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm hàng không.
- (c) Người làm đơn có thể thực hiện kiểm tra sát hạch lý thuyết trước khi đáp ứng được các yêu cầu về huấn luyện bay theo quy định.
- (d) Ngoại trừ quy định tại khoản (f) dưới đây, người làm đơn đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không hoặc năng định phải đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết trong vòng 24 tháng trước khi tiến hành bài kiểm tra sát hạch thực hành.
- (e) Người làm đơn sau khi đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết trong vòng 24 tháng làm việc như là thành viên tổ lái hoặc kỹ sư bảo dưỡng tàu bay cho người có AOC của Việt Nam không cần phải tuân thủ giới hạn thời gian theo quy định tại khoản (d) nếu người đó:
- (1) Đang làm việc cho người khai thác tàu bay Việt Nam có AOC tại thời điểm thực hiện kiểm tra sát hạch thực hành;
 - (2) Đang làm việc như thành viên tổ lái, phải hoàn thiện khoá huấn luyện ban đầu và khoá huấn luyện chuyển loại, nâng cấp, định kỳ nếu áp dụng;
 - (3) Đang làm việc như AMT.
- (f) Người khai thác tàu bay có AOC có thể được Cục HKVN uỷ quyền thực hiện và tổ chức bài kiểm tra sát hạch thực hành cho các năng định bổ sung như một phần khoá huấn luyện được phê chuẩn theo quy định của Mục này.

7.257 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM BAY ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

- (a) Người làm đơn phải xuất trình được bằng chứng về việc đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm hàng không theo quy định.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.257 về yêu cầu kinh nghiệm hàng không của cơ giới trên không.

- (b) Để đáp ứng các quy định về kinh nghiệm hàng không theo quy định tại khoản (a) của điều này, ngoại trừ quy định khác, người làm đơn phải có và ghi trong sổ giờ bay được sử dụng trên máy bay mà người làm đơn được yêu cầu là thành viên tổ bay.

7.260 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM KHAI THÁC ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

- (a) Người làm đơn phải xuất trình được bằng chứng về việc đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm khai thác theo quy định.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.260 về yêu cầu kinh nghiệm khai thác của cơ giới trên không.

7.263 YÊU CẦU VỀ KIỂM TRA KỸ NĂNG ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG⁸¹

a. Người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không phải chứng tỏ được khả năng thực hiện các quy trình cơ giới trên không quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.260 ở mức khả năng phù hợp với quyền hạn của giấy phép cơ giới trên không:

1. Nhận biết và quản lý đe dọa và rủi ro;
2. Sử dụng hệ thống tàu bay với các khả năng và hạn chế của máy bay;
3. Thực hiện tốt khả năng làm việc nhóm;
4. Áp dụng kiến thức hàng không;
5. Giao tiếp hiệu quả với các thành viên tổ lái khác;

b. Người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải đạt bài kiểm tra kỹ năng về các nhiệm vụ cơ giới trên không theo quy định của Cục Hàng không Việt Nam:

1. Trên loại máy bay đề nghị cấp năng định;
2. Chỉ trên máy bay hoặc trên buồng lái mô phỏng của loại tàu bay đề nghị cấp năng định.

c. Việc sử dụng thiết bị huấn luyện mô phỏng để thực hiện bất kỳ một quy trình nào trong khi thực hiện kỹ năng quy định tại khoản a phải được Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn và phải đảm bảo thiết bị huấn luyện giả định phù hợp với nhiệm vụ.

7.265 CÁC NĂNG ĐỊNH TÀU BAY BỔ SUNG VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

- (a) Để bổ sung năng định hạng hoặc loại tàu bay vào giấy phép cơ giới trên không, người làm đơn phải:
- (1) Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết và thực hành phù hợp với hạng tàu bay đề nghị cấp năng định;
 - (2) Hoàn thành chương trình huấn luyện cơ giới trên không được phê chuẩn phù hợp với năng định hạng tàu bay đề nghị cấp bổ sung.

Mục IX: Dẫn đường trên không

7.270 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép dẫn đường trên không

7.271 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG⁸²

⁸¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 50 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Người có giấy phép dẫn đường trên không có thể hoạt động như Người dẫn đường trên không đối với tình huống yêu cầu dẫn đường trên không đặc biệt.

7.273 ĐIỀU KIỆN LÀ DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

- (a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép dẫn đường trên không phải:
 - (1) Tối thiểu 18 tuổi;
 - (2) Có Giấy chứng nhận sức khoẻ loại 2 hoặc tương đương;
 - (3) Thể hiện khả năng thông thạo ngôn ngữ tiếng Anh mức 4;
 - (4) Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
 - (5) Đáp ứng các yêu cầu về kiến thức hàng không theo quy định của Phần này;
 - (6) Đạt bài kiểm tra sát hạch thực hành về những nội dung khai thác đối với dẫn đường trên không.

7.275 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép DĐTK phải chứng tỏ trình độ kiến thức lý thuyết phù hợp với quyền theo giấy phép DĐTK được cấp.
Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.275 về yêu cầu kiến thức lý thuyết của DĐTK;
- (b) Trước khi tiến hành kiểm tra sát hạch lý thuyết theo quy định của khoản (a) và (b) của Điều này, người làm đơn đề nghị cấp giấy phép DĐTK phải xuất trình được bằng chứng về việc đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm hàng không.
- (c) Người làm đơn có thể thực hiện kiểm tra sát hạch lý thuyết trước khi đáp ứng được các yêu cầu về huấn luyện bay theo quy định.
- (d) Ngoại trừ quy định tại khoản (e) dưới đây, người làm đơn đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không phải đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết theo quy định của khoản (a) và (b) trong vòng 24 tháng trước khi tiến hành bài kiểm tra sát hạch thực hành.
- (e) Người làm đơn sau khi đạt bài kiểm tra trong vòng 24 tháng làm việc như là thành viên tổ lái hoặc kỹ sư bảo dưỡng tàu bay cho người có AOC của Việt Nam không cần phải tuân thủ giới hạn thời gian theo quy định tại khoản (b).

7.277 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép dẫn đường trên không phải xuất trình được bằng chứng về việc đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm khai thác, bao gồm cả năng lực của dẫn đường trên không không ít hơn 200 giờ bay trên tàu bay thực hiện bay đường dài và có không ít hơn 30 giờ bay đêm.
- (b) Giờ bay là người lái được tính giảm cho giờ bay nêu tại khoản (a) của Điều này.

⁸² Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 51 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (c) Người làm đơn phải xuất trình bằng chứng đã thoả mãn việc xác định vị trí của tàu bay trong chuyến bay và sử dụng các thông tin để dẫn đường tàu bay như sau:
- (1) Ban đêm - không ít hơn 25 lần bằng quan sát trên bầu trời;
 - (2) Ban ngày - không ít hơn 25 lần bằng quan sát trên bầu trời kết hợp với các hệ thống dẫn đường sẵn có hoặc hệ thống dẫn đường tham chiếu bên ngoài.

7.280 YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép DĐTK phải đạt bài kiểm tra kỹ năng thực hành về nhiệm vụ và kỹ năng của DĐTK với mức độ năng lực phù hợp với quyền cấp cho người có giấy phép DĐTK đề:
- (1) Nhận biết và quản lý được mối đe dọa và lỗi vi phạm;
 - (2) Thực hiện tốt việc quyết đoán trong xử lý tình huống và quan hệ tổ bay;
 - (3) Sử dụng được các kiến thức hàng không;
 - (4) Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên tổ lái; và
 - (5) Liên lạc hiệu quả với các thành viên tổ lái khác.

CHƯƠNG G: CẤP GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG KHÁC THÀNH VIÊN TỔ LÁI

7.290 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) ⁸³Phần này quy định các yêu cầu để cấp các loại giấy phép, năng định, chứng chỉ và phép kiểm tra cấp cho:

- 1. Tiếp viên hàng không;**
- 2. Giáo viên mặt đất;**
- 3. Nhân viên điều độ khai thác bay;**
- 4. Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay;**
- 5. Nhân viên gấp dù;**
- 6. Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không;**
- 7. Nhân viên điện đàm mặt đất.**

- (b) Đối với đề nghị cấp giấy phép, năng định nhân viên hàng không khác thành viên tổ lái nêu tại khoản (a) của Điều này:
- (1) Người làm đơn đề nghị phải nộp hồ sơ 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Cục HKVN; nội dung hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định theo từng lĩnh vực giấy phép và năng định cụ thể của Chương này và phải được xác nhận bởi Người khai thác sử dụng;
 - (2) Trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ và thông báo với người làm đơn. Nếu hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ theo quy

⁸³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 52 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

định, thời gian đối với thủ tục cấp giấy phép, năng định sẽ được tính kể từ khi hồ sơ đã được bổ sung đầy đủ và đáp ứng yêu cầu;

- (3) Trong vòng 10 ngày, kể từ khi thông báo về tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ, Cục HKVN tổ chức sát hạch theo quy định đối với loại giấy phép và năng định tương ứng;
- (4) Cục HKVN cấp giấy phép, năng định theo đề nghị trong vòng 5 ngày làm việc, kể từ khi người làm đơn đạt được kết quả sát hạch theo quy định.

Mục I: Tiếp viên hàng không

7.300 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Chương này quy định các tiêu chuẩn đối với tiếp viên hàng không.

7.301 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI CÓ GIẤY PHÉP TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG⁸⁴

Quyền hạn của người có Giấy phép tiếp viên hàng không được quy định trong Chương B Phần 13 Bộ QCATHK.

7.303 ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

- (a) Tiếp viên hàng không phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - (1) Tối thiểu 18 tuổi;
 - (2) Có chứng chỉ tốt nghiệp khoá huấn luyện tiếp viên hàng không tại ATO được Cục HKVN phê chuẩn hoặc công nhận;
 - (3) Có Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực do trung tâm y tế có thẩm quyền cấp;
 - (4) Được hãng hàng không tuyển dụng làm tiếp viên hàng không.
 - (5) Đáp ứng các yêu cầu tương ứng tại Mục này.

7.305 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

- (a) Tiếp viên hàng không phải hoàn thành các yêu cầu về huấn luyện của Phần 14 với người có AOC.

7.307 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

- (a) Tiếp viên hàng không phải hoàn thành các yêu cầu về kinh nghiệm của Phần 14 với người có AOC.

7.310 YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI TIẾP VIÊN HÀNG KHÔNG

- (a) Tiếp viên hàng không phải hoàn thành các yêu cầu về kiểm tra sự thành thạo và năng lực nêu tại Phần 14 với người có AOC.

⁸⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 53 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Mục II: Giáo viên mặt đất

7.320 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Chương này quy định các điều kiện để cấp giấy phép giáo viên mặt đất và các điều kiện cần thiết và các hạn chế theo giấy phép và năng định.

7.321 QUYỀN HẠN CỦA GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT⁸⁵

- a. Người có năng định giáo viên mặt đất cơ bản được phép:
1. Huấn luyện các kiến thức lý thuyết quy định để cấp giấy phép lái máy bay tư nhân hoặc các năng định kèm theo;
 2. Huấn luyện kiến thức lý thuyết quy định để cấp giấy phép lái máy bay tư nhân;
 3. Kiến nghị kiểm tra kiến thức để cấp giấy phép lái máy bay tư nhân.
- b. Người có năng định giáo viên mặt đất nâng cao được phép:
1. Huấn luyện các kiến thức lý thuyết để cấp bất kỳ loại giấy phép hoặc năng định;
 2. Huấn luyện mặt đất đối với thành viên tổ bay;
 3. Kiến nghị kiểm tra kiến thức để cấp giấy phép.
- c. Giáo viên lý thuyết năng định, người có năng định giáo viên lý thuyết năng định được phép:
1. Huấn luyện lý thuyết yêu cầu để cấp năng định thiết bị;
 2. Huấn luyện lý thuyết đối với kiểm tra kỹ năng thiết bị;
 3. Kiến nghị kiểm tra kiến thức để cấp năng định thiết bị.
- d. Người có giấy phép giáo viên huấn luyện mặt đất, trong giới hạn năng định được cấp được phép chứng thực vào nhật ký bay hoặc hồ sơ huấn luyện khác cho người được huấn luyện hoặc kiến nghị.

7.323 ĐIỀU KIỆN LÀ GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT

- (a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép giáo viên mặt đất phải:
- (1) Tối thiểu 18 tuổi;
 - (2) Thông thạo ngôn ngữ tiếng Anh mức 4 trở lên;
 - (3) Có kinh nghiệm 5 năm làm việc và 3 tháng thực tập như giáo viên mặt đất trong 12 tháng trước đó trong lĩnh vực chuyên môn tương ứng với lĩnh vực giảng dạy;
 - (4) Đạt bài kiểm tra sát hạch kiến thức về kiến thức chuyên môn phù hợp với lĩnh vực giảng dạy theo quy định của Cục HKVN.
- (b) Đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:
- (1) Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

⁸⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 54 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (2) Có giấy phép giáo viên mặt đất hoặc giáo viên bay được cấp theo quy định của Phần này;
 - (3) Có chứng chỉ tốt nghiệp khoá huấn luyện giáo viên mặt đất hoặc giáo viên bay tại ATO được Cục HKVN công nhận;
- (c) Bài kiểm tra sát hạch kiến thức theo quy định tại điểm (a), khoản (3) của Điều này không áp dụng đối với các ứng viên là giáo viên bay hoặc có chứng chỉ tốt nghiệp khoá huấn luyện giáo viên mặt đất hoặc giáo viên bay tương ứng với lĩnh vực giảng dạy tại ATO được Cục HKVN công nhận.

Mục III: Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay

7.350 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Mục này thiết lập yêu cầu cho việc cấp giấy phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT) và điều kiện duy trì hiệu lực giấy phép sử dụng cho tàu bay và trực thăng với các mức như sau:
- (1) Mức A;
 - (2) Mức B1;
 - (3) Mức B2;
 - (4) Mức C.
- (b) Mức A và B1 được chia ra các tiểu mức liên quan đến cấu hình kết hợp giữa tàu bay, trực thăng, động cơ tuốc-bin hoặc động cơ pit-tông theo như sau:
- (1) Tiểu mức A1 và B1.1: tàu bay động cơ tuốc-bin;
 - (2) Tiểu mức A2 và B1.2: tàu bay động cơ pit-tông;
 - (3) Tiểu mức A3 và B1.3: trực thăng động cơ tuốc-bin;
 - (4) Tiểu mức A4 và B1.4: trực thăng động cơ pit-tông.

Phụ lục 1 Điều 7.350 về thủ tục cấp/cấp lại giấy phép và năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay.

7.351 QUYỀN HẠN CỦA GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY⁸⁶

Quyền hạn của giấy phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay quy định trong Chương G Phần 4 Bộ QCATHK.

7.353 CÁC YÊU CẦU VÀ QUYỀN HẠN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY

- (a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép AMT phải:
- (1) Tối thiểu 18 tuổi;

⁸⁶ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 55 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (2) Thể hiện khả năng đọc, nói, viết và hiểu tiếng Anh qua việc đọc và giải thích các tài liệu bảo dưỡng phù hợp và viết các câu về hỏng hóc và sửa chữa khắc phục;
 - (3) Tuân thủ được yêu cầu về kiến thức, kinh nghiệm và năng lực phù hợp với năng định đề nghị cấp;
 - (4) Đạt các bài kiểm tra sát hạch liên quan tới năng định đề nghị cấp.
- (b) ⁸⁷Người có giấy phép AMT làm đơn đề nghị cấp năng định bổ sung phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định và trong thời hạn 24 tháng, đạt bài kiểm tra sát hạch của năng định đề nghị cấp.
- (c) Các quyền hạn sau đây sẽ được áp dụng đối với nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay nếu đảm bảo việc tuân thủ với các điều kiện của khoản (d) của Điều này:
- (1) Giấy chứng nhận AMT mức A cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng cho các công việc bảo dưỡng ngoại trường dạng nhỏ theo kế hoạch hoặc sửa chữa các hỏng hóc đơn giản trong phạm vi công việc được ghi cụ thể trong giấy phép. Quyền hạn ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng bị hạn chế trong phạm vi các công việc mà người có Giấy chứng nhận đã trực tiếp thực hiện tại tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5;
 - (2) Giấy chứng nhận AMT mức B1 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên cấu trúc tàu bay, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống cơ giới và điện. Năng định của nhân viên B1 còn bao gồm cả việc thay thế các khối máy điện tử yêu cầu thực hiện các công việc kiểm tra đơn giản để khẳng định trạng thái làm việc tốt của khối máy đó. Năng định B1 sẽ tự động bao gồm cả các tiêu mức A tương ứng;
 - (3) Giấy chứng nhận AMT mức B2 cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng trên các hệ thống điện và điện tử của tàu bay;
 - (4) Giấy chứng nhận AMT mức C cho phép nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ký xác nhận hoàn thành bảo dưỡng sau khi thực hiện công việc bảo dưỡng nội trường theo kế hoạch trên tàu bay. Năng định này áp dụng cho toàn bộ tàu bay trong tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5.
- (d) Người có giấy phép AMT sẽ không được thực hiện các năng định trong giấy phép, trừ khi:
- (1) Tuân thủ với các yêu cầu được quy định đối với tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 ;
 - (2) Trong khoảng thời gian 2 năm trước đó phải có tối thiểu 6 tháng kinh nghiệm bảo dưỡng trực tiếp theo các năng định đã được cấp trong giấy phép AMT hoặc chứng minh đã đáp ứng các điều kiện để cấp giấy phép liên quan.

⁸⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 56 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.353 về quyền hạn của việc huấn luyện trên loại/ công việc cụ thể và các năng định.

7.355 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY⁸⁸

- a. Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT hoặc bổ sung năng định cho giấy phép AMT phải chứng minh mức kiến thức liên quan tới năng định xin cấp và kiến thức đó phù hợp với với trách nhiệm công việc của người có giấy phép. Yêu cầu về mức kiến thức cơ bản được quy định trong Phụ lục 1 Điều 7.355
- b. Mỗi người làm đơn xin cấp giấy phép hoặc năng định AMT sau khi đáp ứng các quy định áp dụng về kinh nghiệm phải đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết theo các nội dung do Cục Hàng không Việt Nam tổ chức phù hợp với năng định của giấy phép AMT và các điều khoản trong Phần 4 Bộ QCATHK;
- c. Người làm đơn sẽ phải đạt bài kiểm tra lý thuyết trước khi tham gia bài kiểm tra thực hành.

7.357 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM VÀ HUẤN LUYỆN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định AMT phải có đầy đủ:
 - (1) Chứng chỉ tốt nghiệp khoá huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận; hoặc
 - (2) Tài liệu là bằng chứng về kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp nhận áp dụng cho khoảng thời gian và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp.

Ghi chú: Xem Phụ lục 1 Điều 7.357 về yêu cầu kinh nghiệm của nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay.

7.360 YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp phép hoặc năng định AMT phải thể hiện khả năng để thực hiện nhiệm vụ của các chức năng được cấp sau khi thoả mãn bài kiểm tra vấn đáp và thực hành đối với năng định đề nghị cấp.
- (b) Bài kiểm tra phải bao gồm các kỹ năng cơ bản của người làm đơn trong quá trình thực hành và các nội dung trong bài kiểm tra viết cho năng định đề nghị cấp.
- (c) Người làm đơn đề nghị cấp năng định đối với hệ thống tạo lực đẩy phải chứng tỏ được khả năng của mình để thực hiện sửa chữa nhỏ và thực hiện thay đổi nhỏ đối với cánh quạt.
- (d) Bài kiểm tra vấn đáp và thực hành đối với năng định đề nghị cấp phải do Cục HKVN hoặc tổ chức huấn luyện được Cục HKVN uỷ quyền thực hiện.

⁸⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 57 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.363 TỐT NGHIỆP TỔ CHỨC ĐÀO TẠO ĐƯỢC PHÊ CHUẨN⁸⁹

Học viên có thể đề nghị Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thi cấp Giấy phép trước khi đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm theo quy định tại Phần này nếu đã tốt nghiệp và được cơ sở huấn luyện do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn phù hợp với Phần 9 Bộ QCATHK xác nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng.

Mục IV: Nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay được Cục HKVN cấp ủy quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng (AMT-IA)

7.370 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Chương này quy định các điều kiện để cấp AMT-IA và các giới hạn của AMT-IA

7.371 QUYỀN HẠN CỦA NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY ĐƯỢC CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM CẤP ỦY QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA⁹⁰

Quyền hạn của nhân viên AMT được Cục Hàng không Việt Nam cấp ủy quyền giám sát kiểm tra có trong chương G phần 4 Bộ QCATHK.

7.373 ĐIỀU KIỆN LÀ NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY ĐƯỢC CỤC HKVN CẤP ỦY QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA

- (a) Người đề nghị cấp AMT-IA phải tuân thủ các yêu cầu về điều kiện sau đây:
- (1) Có giấy phép AMT còn hiệu lực với năng định tối thiểu ở mức B1 hoặc B2 đối với loại tàu bay liên quan; hoặc
 - (2) Có tối thiểu 8 năm kinh nghiệm thực tế trong công tác bảo dưỡng tàu bay, trong đó phải có ít nhất 2 năm trước thời điểm được ủy quyền đã tham gia vào công việc ký xác nhận hoàn thành công việc bảo dưỡng loại tàu bay liên quan;
 - (3) Là người được Người khai thác hoặc cơ sở bảo dưỡng được phê chuẩn sử dụng và đề nghị Cục HKVN ủy quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng, đối với loại tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg, hoặc có cơ sở làm việc cố định để người đề nghị cấp có thể thực hiện quyền giám sát đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg;
 - (4) Có trang thiết bị, dữ liệu giám sát phù hợp để thực hiện việc kiểm tra giám sát tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt và các khối máy lẻ khác liên quan;
 - (5) Đã hoàn thành khoá huấn luyện chuyển loại đối với loại tàu bay liên quan và các quy trình bảo dưỡng nêu trong tài liệu giải trình điều hành bảo dưỡng của Người khai thác, tài liệu giải trình tổ chức bảo dưỡng của tổ chức bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn, đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg;

⁸⁹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 58 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

⁹⁰ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 59 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (6) Đạt kỳ kiểm tra sát hạch lý thuyết thể hiện được khả năng của người làm đơn đề kiểm tra giám sát theo các tiêu chuẩn về an toàn để cho phép tàu bay vào khai thác sau các dạng bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và lớn, cải tiến, kiểm tra định kỳ hàng năm, kiểm tra tăng dần theo quy định của Phần 4 đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg.
- (b) Người làm đơn không đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết theo quy định tại điểm (5) và (6) khoản (a) của Điều này có thể làm đơn đề nghị kiểm tra sát hạch lại sau tối thiểu 60 ngày kể từ ngày không đạt bài kiểm tra lần trước.

7.375 THỜI HẠN ỦY QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY

- (a) Ủy quyền cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng thực hiện kiểm tra và rà soát bảo dưỡng (IA) có giá trị 24 tháng.
- (b) Người có IA chỉ được thực hiện quyền khi có AMT và có chứng chỉ phù hợp do tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn cấp, đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg hoặc có cả 2 năng định tàu bay và hệ thống tạo lực đẩy còn hiệu lực đối với tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg.
- (c) IA sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:
- (1) IA bị đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ;
 - (2) Người có IA không còn làm việc cho Người khai thác hoặc tổ chức bảo dưỡng hoặc không có cơ sở làm việc cố định;
 - (3) Người có IA không còn trang thiết bị và dữ liệu cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ theo IA;
 - (4) Theo đề nghị của Người khai thác hoặc tổ chức bảo dưỡng.
- (d) IA bị đình chỉ, thu hồi hoặc hủy bỏ trong trường hợp người được ủy quyền không còn đủ điều kiện để được cấp AMT hoặc IA, không thực hiện nhiệm vụ theo IA, thực hiện hành vi vi phạm khác uy hiếp an toàn, an ninh hàng không, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của đơn vị.
- (e) Người được cấp IA có trách nhiệm nộp lại giấy ủy quyền cho Cục HKVN khi được yêu cầu, bị thu hồi, đình chỉ hoặc hủy bỏ.

7.377 GIA HẠN NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY CÓ QUYỀN GIÁM SÁT KIỂM TRA

- (a) Để đủ điều kiện gia hạn IA cho thời hạn 2 năm, người làm đơn trong vòng 90 ngày trước ngày hết hạn phải xuất trình cho cơ quan được Cục HKVN chỉ định bằng chứng người đó vẫn đáp ứng được các yêu cầu cho thấy trong thời gian có hiệu lực của IA người đó:
- (1) Thực hiện dạng kiểm tra năm ít nhất 1 lần/mỗi 3 tháng trong khoảng thời gian có hiệu lực của IA;
 - (2) Thực hiện kiểm tra sửa chữa hoặc cải tiến lớn ít nhất 1 lần/12 tháng trong khoảng thời gian có hiệu lực của IA;
 - (3) Thực hiện hoặc giám sát và phê chuẩn ít nhất 1 lần kiểm tra tiếp tục theo tiêu chuẩn hàng năm trong khoảng thời gian có hiệu lực của IA. Các yêu cầu từ điểm (1) đến điểm (3), khoản (a) áp dụng cho nhân viên được ủy

quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa nhỏ hơn 2730 kg;

- (4) Nhân viên kỹ thuật được ủy quyền kiểm tra, rà soát bảo dưỡng tàu bay có tải trọng cất cánh tối đa lớn hơn 2730 kg phải thực hiện kiểm tra và ký xác nhận tối thiểu 3 Giấy chứng nhận rà soát bảo dưỡng theo quy định tại Phần 20 trong vòng 24 tháng;
- (5) Hoàn thành khoá huấn luyện hồi phục IA có không ít hơn 16 giờ huấn luyện trong khoảng thời gian 12 tháng trước khi làm đơn gia hạn.

Mục V: Nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)

7.380 PHẠM VI ÁP DỤNG

- (a) Chương này quy định các điều kiện để cấp giấy phép và năng định ARS và các điều kiện cần thiết theo giấy phép và năng định

7.381 QUYỀN HẠN CỦA NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG⁹¹

a. Quyền hạn của nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không quy định trong chương G của Phần 4 Bộ QCATHK.

7.383 ĐIỀU KIỆN LÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG

- (a) Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép ARS phải:
 - (1) Tối thiểu 18 tuổi;
 - (2) Thể hiện khả năng đọc, nói viết và hiểu tiếng Anh qua việc đọc và giải thích các tài liệu bảo dưỡng phù hợp và viết các câu về hỏng hóc và sửa chữa khắc phục;
 - (3) Đạt trình độ chuyên môn để thực hiện bảo dưỡng tàu bay, khối máy lẻ tàu bay phù hợp với công việc của người đó;
 - (4) Làm một công việc cụ thể yêu cầu phải có trình độ chuyên môn tại một cơ sở sửa chữa tàu bay theo Phần 5 hoặc người có AOC theo Phần 12 mà theo yêu cầu trong tài liệu khai thác phải thực hiện bảo dưỡng, bảo dưỡng phòng ngừa hoặc cải tiến tàu bay được phê chuẩn với chương trình bảo dưỡng theo MCM;
 - (5) Được tổ chức sử dụng đề nghị và được Cục HKVN chấp nhận có đủ khả năng bảo dưỡng tàu bay hoặc khối máy lẻ phù hợp với công việc;
 - (6) Có một trong hai điều kiện sau:
 - (i) 18 tháng kinh nghiệm thực hành quy trình, việc tiến hành, phương pháp kiểm tra, tài liệu, dụng cụ, dụng cụ máy móc, và các thiết bị

⁹¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 60 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

khác được sử dụng phổ biến trong công việc bảo dưỡng hoặc công việc đặc thù mà người đó thực hiện;

(ii) Hoàn thành khoá huấn luyện chính thức được thiết kế đặc biệt cho trình độ của công việc của người làm đơn và được Cục HKVN chấp thuận.

(7) Đạt kỳ kiểm tra sát hạch kiến thức và kỹ năng do ATO được Cục HKVN công nhận thực hiện.

(b) Các quy định của Mục này không áp dụng đối với việc cấp giấy phép ARS – lắp ráp tàu bay thử nghiệm.

7.385 NĂNG ĐỊNH ARS TRONG TỔ CHỨC BẢO DƯỠNG

(a) Năng định cấp cho người đề nghị cấp thuộc tổ chức bảo dưỡng phải phù hợp với năng định được cấp cho tổ chức bảo dưỡng tàu bay, được giới hạn tới công việc cụ thể mà người đó thực hiện, giám sát hoặc phê chuẩn đưa vào sử dụng.

(b) Năng định cấp cho người đề nghị cấp thuộc Người khai thác tàu bay có tổ chức bảo dưỡng tàu bay phải phù hợp với năng định được cấp cho Người khai thác tàu bay, được giới hạn tới công việc cụ thể mà người đó thực hiện, giám sát hoặc phê chuẩn đưa vào sử dụng.

7.387 GIẤY PHÉP ARS: LẮP RÁP TÀU BAY THỬ NGHIỆM - ĐỦ ĐIỀU KIỆN

(a) Người có đủ điều kiện để được cấp giấy phép ARS phải:

(1) Tối thiểu 18 tuổi;

(2) Là người lắp ráp tàu bay sơ cấp của loại tàu bay phù hợp với giấy phép đề nghị cấp;

(3) Thể hiện được với Cục HKVN khả năng xác định tàu bay trong điều kiện hoạt động an toàn; và

(4) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có quyền cư trú hợp pháp lâu dài tại Việt Nam.

(b) Người có giấy phép ARS (lắp ráp tàu bay thử nghiệm) có thể thực hiện việc kiểm tra các điều kiện đối với tàu bay được tự lắp ráp theo các giới hạn khai thác của tàu bay đó.

7.390 GIẤY PHÉP ARS: LẮP RÁP TÀU BAY THỬ NGHIỆM

(a) Các thông tin sau đây phải được cung cấp để bổ sung cho năng định được cấp:

(1) Kiểu tàu bay;

(2) Loại tàu bay;

(3) Số xuất xưởng;

(4) Ngày phê chuẩn tàu bay.

Mục VI: NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY⁹²

⁹² Mục này được bổ sung theo quy định Mục 61 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

7.393 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Mục này quy định các yêu cầu để cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay. Thủ tục cấp, cấp lại giấy phép và năng định cho nhân viên điều độ khai thác bay được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.393 Bộ QCATHK.

7.395 QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY

Quyền hạn của người được cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay quy định tại Chương B Phần 16 Bộ QCATHK.

7.397 QUY ĐỊNH CHUNG ĐIỀU KIỆN NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY⁹³

a. Người có đủ điều kiện để cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay phải:

1. Tối thiểu 21 tuổi;
2. Có tài liệu chứng minh kinh nghiệm hoặc huấn luyện theo quy định;
3. Đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
4. Đạt bài kiểm tra sát hạch kỹ năng về những nội dung khai thác đối với năng

định đề nghị cấp.

7.399 YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY

a. Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay phải chứng tỏ trình độ kiến thức lý thuyết phù hợp với quyền hạn theo giấy phép điều độ khai thác bay được cấp. Yêu cầu kiến thức lý thuyết của nhân viên điều độ khai thác bay được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.399.

b. Cục Hàng không Việt Nam công nhận việc đã đạt bài kiểm tra sát hạch lý thuyết trong vòng 24 tháng sau khi bài kiểm tra sát hạch kỹ năng được thực hiện.

7.401 YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM HOẶC HUẤN LUYỆN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY

a. Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay phải xuất trình được bằng chứng về việc đã đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm hoặc huấn luyện hàng không theo quy định. Yêu cầu kinh nghiệm hàng không của nhân viên điều độ khai thác được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.401.

b. Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay được phép sử dụng thời gian huấn luyện khi tham gia khóa học được phê chuẩn để làm cơ sở cho việc đáp ứng yêu cầu kinh nghiệm phải đạt bài kiểm tra kỹ năng trong vòng 90 ngày sau khi hoàn thành bài kiểm tra lý thuyết.

7.403 YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY

Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay phải đạt bài kiểm tra kỹ năng thực hành về nhiệm vụ của nhân viên điều độ khai thác bay. Yêu cầu kỹ năng của nhân viên điều độ khai thác bay được quy định tại Phụ lục 1 Điều 7.403.

7.405 CÁC HẠN CHẾ KHI CẤP GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY

⁹³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 2 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều độ khai thác bay sẽ bị cấp giấy phép hạn chế với nội dung “không có giá trị đối với điều độ tàu bay lớn không được giám sát trong vận chuyển hàng không thương mại” nếu không làm việc ít nhất 90 ngày làm việc trong thời gian 6 tháng trước khi nộp đơn dưới sự giám sát của một nhân viên điều độ khai thác đã được cấp giấy phép. Hạn chế này sẽ được loại bỏ khi người làm đơn trình Cục Hàng không Việt Nam bằng chứng đã đáp ứng quy định này.

Mục VII: NHÂN VIÊN ĐIỆN ĐÀM MẶT ĐẤT⁹⁴

7.420 PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Chương này quy định đối với việc cấp giấy phép nhân viên điện đàm mặt đất và các điều kiện cấp giấy phép và năng định nhân viên điện đàm mặt đất nếu cần thiết.

7.421 CÁC QUYỀN HẠN CỦA GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN ĐIỆN ĐÀM MẶT ĐẤT

Người được cấp Giấy phép nhân viên điện đàm mặt đất được phép làm việc trong các đài trạm mặt đất. Trước khi được thực hiện các quyền trong giấy phép, người làm đơn phải quen với các thông tin hiện tại và phù hợp liên quan đến các loại thiết bị và phương thức khai thác tại trạm hàng không đó.

7.423 CÁC YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KHAI THÁC THIẾT BỊ ĐÀI HÀNG KHÔNG

a. Để được cấp giấy phép nhân viên điện đàm mặt đất, người làm đơn phải:

1. Ít nhất là 18 tuổi;
2. Chứng tỏ được trình độ ngôn ngữ tiếng Anh sử dụng để liên lạc điện đài ở Việt Nam tối thiểu ở mức 4;
3. Đáp ứng các quy định về kiến thức lý thuyết, kinh nghiệm và kỹ năng theo quy định của Chương này.

b. Những người được cấp giấy phép nhân viên điện đàm trên không có thể khai thác các thiết bị đài trạm hàng không dưới mặt đất mà không cần đáp ứng các quy định của Điều này.

7.425 CÁC QUY ĐỊNH VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KHAI THÁC THIẾT BỊ ĐÀI HÀNG KHÔNG

Người đề nghị cấp giấy phép khai thác thiết bị đài hàng không phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với quyền hạn được cấp theo quy định.

7.427 CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KHAI THÁC THIẾT BỊ ĐÀI HÀNG KHÔNG

Người đề nghị cấp giấy phép nhân viên điện đàm mặt đất phải cung cấp hồ sơ chứng tỏ rằng họ đáp ứng được các quy định tối thiểu về kinh nghiệm khai thác thiết bị đài hàng không theo quy định.

7.430 CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KHAI THÁC THIẾT BỊ ĐÀI HÀNG KHÔNG

Người đề nghị cấp giấy phép nhân viên điện đàm mặt đất phải chứng tỏ được kỹ năng khai thác nhân viên điện đàm mặt đất theo quy định.

⁹⁴ Mục này được bổ sung theo quy định Mục 62 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.016: QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG⁹⁵

a. Các thông tin sau đây phải được thể hiện trên giấy phép nhân viên hàng không:

1. Tên quốc gia (chữ đậm);
2. Loại giấy phép (chữ rất đậm);
3. Số giấy phép do Cục Hàng không Việt Nam cấp;
4. Tên đầy đủ của người được cấp giấy phép (chữ in hoa);
5. Ngày sinh;
6. Địa chỉ của người được cấp giấy phép (chi tiết địa chỉ hiện tại sẽ ghi trên giấy chứng nhận);
7. Quốc tịch của người được cấp giấy phép;
8. Chữ ký của người được cấp giấy phép;
9. Cục Hàng không Việt Nam;
10. Chứng nhận liên quan đến hiệu lực và quyền hạn phù hợp với giấy phép của người được cấp;
11. Chữ ký của người có thẩm quyền và ngày cấp giấy phép;
12. Dấu của Cục Hàng không Việt Nam;
13. Năng định (chủng loại, hạng, loại tàu bay, khung sườn, kiểm soát tại sân...);
14. Ghi chú (chứng nhận đặc biệt liên quan đến các hạn chế và các chứng nhận quyền hạn bao gồm cả trình độ thông thạo ngôn ngữ.);
15. Bất kỳ thông tin nào khác mà Cục Hàng không Việt Nam muốn.

b. Chất liệu của giấy phép: giấy loại một hoặc chất liệu phù hợp khác bao gồm các loại thẻ nhựa phải được sử dụng và các nội dung ở khoản a Điều này phải được thể hiện rõ ràng.

c. Ngôn ngữ: khi các giấy phép được in bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh thì giấy phép phải bao gồm cả phần dịch sang tiếng Anh ít nhất là các điểm 1, 2, 7, 10, 13, 14, 15 khoản a Điều này. Khi giấy phép được in bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh thì các năng định được cấp phù hợp với Mục 1.2.2.1 Phụ ước 1 của ICAO phải dịch sang tiếng Anh tên quốc gia cấp giấy phép, giới hạn hiệu lực năng định và bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào.

d. In giấy phép: các mục ghi trên giấy phép phải được đánh số đồng bộ bằng chữ số La Mã theo quy định tại khoản b Điều này. Các đầu mục có thể in theo thứ tự sao cho thuận lợi nhất đối với Cục Hàng không Việt Nam.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.095: CÁC ĐIỀU KIỆN ĐỂ KIỂM TRA THỰC HÀNH

- (a) Ngoại trừ các qui định ở khoản (b), các năng định người lái tàu bay khác để được kiểm tra thực hành lấy giấy phép và năng định theo qui định ở Phần này, người đề nghị phải:

⁹⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định Mục 63 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- (1) Qua kiểm tra lý thuyết trong vòng 12 tháng trước tháng hoàn thành kiểm tra thực hành, nếu có yêu cầu;
 - (2) Có kết quả kiểm tra lý thuyết vào thời điểm nộp đơn đề nghị kiểm tra thực hành, nếu có yêu cầu kiểm tra lý thuyết
 - (3) Hoàn thành huấn luyện theo qui định và đạt được kinh nghiệm khai thác theo qui định của Phần này để cấp giấy phép và năng định;
 - (4) Đáp ứng được yêu cầu về tuổi được cấp giấy phép và năng định của Chương này; và
 - (5) Nhật ký bay, hồ sơ huấn luyện có chứng nhận của giáo viên hướng dẫn được uỷ quyền xác nhận người đề nghị cấp:
 - (i) Được huấn luyện để cấp giấy phép trong thời hạn 60 ngày trước ngày làm đơn đề nghị kiểm tra thực hành;
 - (ii) Sẵn sàng để kiểm tra thực hành theo qui định;
 - (iii) Hoàn thiện được kiến thức còn thiếu về các lĩnh vực trong kỳ thi kiểm tra lý thuyết dành cho người lái.
- (b) Người đề nghị cấp ATPL hoặc năng định bổ sung vào giấy phép ATPL có thể kiểm tra thực hành với chứng chỉ lý thuyết đã hết hạn miễn là người đó:
- (1) Được sử dụng làm thành viên tổ lái do có chứng chỉ theo qui định của Phần 12 vào thời điểm kiểm tra thực hành và hoàn thành:
 - (i) Chương trình huấn luyện người chỉ huy tàu bay được phê chuẩn phù hợp với giấy phép và năng định được cấp; và
 - (ii) Các qui định về huấn luyện phù hợp với giấy phép và năng định.
 - (2) Được sử dụng làm thành viên tổ lái trong khai thác vận tải hàng không quân sự của Việt Nam vào thời gian kiểm tra thực hành, và hoàn thành chương trình huấn luyện người chỉ huy tàu bay phù hợp với giấy phép và năng định đề nghị cấp.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.100: KIỂM TRA THỰC HÀNH: TRANG THIẾT BỊ, BUỒNG LÁI MÔ PHỎNG, TÀU BAY THEO YÊU CẦU

- (a) Tổng quát: Ngoại trừ qui định tại điểm (2) khoản (a), hoặc khi cho phép tiến hành kiểm tra thực hành trên buồng lái giả định hoặc thiết bị giả định huấn luyện bay được phê chuẩn, người đề nghị cấp giấy phép hoặc năng định theo qui định tại Phần này phải cung cấp:
- (1) Tàu bay, mang đăng ký quốc tịch Việt Nam, đối với mỗi bài kiểm tra:
 - (i) Là loại, hạng tàu bay (nếu áp dụng) áp dụng với giấy phép hoặc năng định đề nghị cấp; và
 - (ii) Đạt tiêu chuẩn đang áp dụng, giới hạn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay ban đầu.
 - (2) Đối với giáo viên thực hiện kiểm tra thực hành, người đề nghị cấp có thể cung cấp:

- (i) Tàu bay có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay hiện hành ngoài tiêu chuẩn, hạn chế hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay ban đầu nhưng đáp ứng được các yêu cầu tại điểm (1) khoản (a);
 - (ii) Tàu bay cùng loại, hạng nếu áp dụng, đăng ký nước ngoài được quốc gia đăng ký cấp Giấy chứng nhận; hoặc
 - (iii) Tàu bay quân sự cùng loại, hạng, nếu áp dụng được người đề nghị xin cấp giấy phép hoặc năng định.
- (b) Yêu cầu về thiết bị (không phải các thiết bị điều khiển): người đề nghị kiểm tra thực hành phải sử dụng tàu bay có:
- (1) Thiết bị phù hợp đối với mỗi giai đoạn kiểm tra thực hành theo qui định
 - (2) Không có các hạn chế về khai thác gây cản trở việc sử dụng tàu bay trong bất kỳ giai đoạn kiểm tra nào của bài kiểm tra thực hành
 - (3) Ngoại trừ qui định ở khoản (e), tàu bay phải có ít nhất hai vị trí lái với tầm nhìn thích hợp để khai thác tàu bay an toàn; và
 - (4) Buồng lái và tầm nhìn bên ngoài thích hợp để đánh giá các thao tác của người được kiểm tra khi có ghế phụ bổ sung cho giáo viên.
- (c) Kiểm soát theo qui định: mỗi người đề nghị kiểm tra thực hành phải sử dụng tàu bay (không phải tàu bay nhẹ hơn không khí) có kiểm soát công suất động cơ và cần lái để sử dụng và cả hai người lái có thể cùng sử dụng được, trừ khi giáo viên kiểm tra quyết định bài kiểm tra thực hành có thể được tiến hành một cách an toàn trên tàu bay mà không cần có hệ thống kiểm soát để sử dụng.
- (d) Thiết bị bay mô phỏng: người đề nghị kiểm tra thực hành liên quan đến vận hành tàu bay chủ yếu bằng thiết bị phải cung cấp:
- (1) Thiết bị trên tàu bay cho phép người được kiểm tra thực hiện các giai đoạn kiểm tra cấp năng định; và
 - (2) Thiết bị cản trở người được kiểm tra nhìn ra bên ngoài tàu bay nhưng không cản trở giáo viên kiểm tra nhìn ra ngoài tàu bay.
- (e) Tàu bay với hệ thống điều khiển đơn: Người được kiểm tra có thể hoàn thành bài kiểm tra thực hành trên tàu bay với hệ thống điều khiển đơn, miễn là:
- (1) Giáo viên đồng ý cho tiến hành kiểm tra;
 - (2) Bài kiểm tra không liên quan đến các kỹ năng điều khiển tàu bay bằng thiết bị; và
 - (3) Giáo viên ngồi ở vị trí quan sát có thể quan sát khả năng của người được kiểm tra.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.103: SỬ DỤNG BUỒNG LÁI GIẢ ĐỊNH ĐƯỢC PHÊ CHUẨN HOẶC THIẾT BỊ HUẤN LUYỆN BAY ĐƯỢC PHÊ CHUẨN

- (a) Tổng quát: Nếu buồng lái mô phỏng được phê chuẩn hoặc thiết bị huấn luyện bay được phê chuẩn sử dụng cho việc thực hiện huấn luyện và kiểm tra thực hành lấy giấy phép hoặc năng định loại, hạng theo qui định (nếu áp dụng), thì buồng lái giả định hoặc thiết bị huấn luyện bay phải được sử dụng phù hợp với khoá huấn luyện được phê chuẩn của ATO;
- (b) Kiểm tra trước khi bay: việc kiểm tra trước khi bay phải được tiến hành theo quy trình đã được phê chuẩn.
- (c) Kiểm tra thực hành.
 - (1) Người đề nghị kiểm tra có thể được cấp năng định sau khi hoàn thành các bài kiểm tra thực hành theo qui định của Cục HKVN, nếu buồng lái giả định ở mức C hoặc D; hoặc
 - (2) Nếu buồng lái giả định không ở mức C hoặc D, thì trong chuyến bay phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây theo qui định:
 - (i) Cất cánh bình thường;
 - (ii) Tiếp cận ILS bình thường;
 - (iii) Tiếp cận hệt; và
 - (iv) Hạ cánh bình thường.

Phụ lục 1 Điều 7.107: BẢNG PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ THÔNG THẠO NGÔN NGỮ CỦA ICAO⁹⁶

⁹⁶ Phụ lục Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 3 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

1.1 Mức độ chuyên gia, mở rộng và khai thác

MỨC ĐỘ	PHÁT ÂM	CẤU TRÚC CÂU	TỪ VỰNG	TRÔI CHẢY	MỨC ĐỘ HIỂU	PHẢN ỨNG
	<i>Sử dụng ngôn ngữ của người bản địa và giọng phát âm dễ hiểu đối với cộng đồng Hàng không</i>	<i>Cấu trúc ngữ pháp riêng liên quan và các mẫu câu được định dạng bởi các chức năng ngôn ngữ phù hợp với nhiệm vụ</i>				
MỨC ĐỘ 6 (Chuyên gia)	Cách phát âm, nhấn mạnh, thanh điệu, ngữ điệu mặc dù có thể bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ thứ nhất hoặc tiếng địa phương nhưng hầu như không làm cho người nghe khó hiểu.	Các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phức hợp và các mẫu câu liên tục được kiểm soát chặt chẽ.	Vốn từ và độ chính xác của từ đủ để trao đổi thông tin một cách hiệu quả về các chủ đề đa dạng thông thường hoặc không thông thường. Từ vựng cần có tính thành ngữ, biểu cảm và dễ cảm nhận.	Có khả năng nói dài, trôi chảy một cách tự nhiên, không gượng ép. Diễn đạt có âm điệu khác nhau với phong cách riêng. Tạo và kết nối các từ ngữ hợp lý một cách tự nhiên.	Hiểu chính xác liên tục gần như tất cả các ngữ cảnh và bao gồm cả việc hiểu được những tinh tế của ngôn ngữ và văn hoá.	Giao tiếp dễ dàng tất cả tình huống. Nhạy bén với những ám hiệu bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, trả lời một cách thích đáng.
MỨC ĐỘ 5	Cách phát âm, nhấn mạnh,	Các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và	Vốn từ và độ chính xác của	Có khả năng nói dài về	Hiểu chính xác các chủ	Trả lời ngay lập tức thích

(Mở rộng)	thanh điệu, ngữ điệu mặc dù có thể bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ thứ nhất hoặc tiếng địa phương nhưng hiếm khi làm cho người nghe khó hiểu.	phức hợp và các mẫu câu liên tục được kiểm soát chặt chẽ. Các cấu trúc phức hợp được sử dụng nhưng bị lỗi đôi khi ảnh hưởng tới nghĩa của câu.	từ đủ để trao đổi thông tin một cách hiệu quả về các chủ đề chung, cụ thể liên quan tới công việc. Cách diễn đạt nhất quán và thành công. Từ vựng đôi khi có tính thành ngữ.	những chủ đề thông thường nhưng có thể và không sử dụng âm điệu khác nhau theo phong cách riêng. Có thể tận dụng việc tạo và kết nối các từ hợp lý.	đề chung, cụ thể và liên quan tới công việc. Hiểu chính xác hầu hết khi người nói gặp phải sự rắc rối về ngôn ngữ và tình huống hoặc các sự kiện thay đổi bất ngờ. Có thể hiểu nhiều dạng phát biểu (bằng tiếng thổ ngữ, giọng phát âm riêng).	đáng về có thông tin. Kiểm soát mối quan hệ giữa người nói và người nghe một cách hiệu quả.
MỨC ĐỘ 4 (Khai thác)	Cách phát âm, nhấn mạnh, thanh điệu và ngữ điệu dù có thể bị ảnh hưởng bởi ngôn ngữ thứ nhất hoặc tiếng địa phương	Các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và các mẫu câu liên tục được sử dụng một cách sáng tạo và thường được kiểm soát chặt chẽ, có thể mắc lỗi, đặc	Vốn từ và độ chính xác của từ thường đủ để trao đổi một cách hiệu quả về các chủ đề chung, cụ thể và liên quan tới	Tạo ra những chuỗi từ với một thông tin âm vực thích hợp khi có thể mất đi tính trôi chảy trong việc chuyển từ	Hiểu chính xác hầu hết các chủ đề chung, cụ thể và liên quan tới công việc khi trọng âm và các giọng	Thường trả lời ngay lập tức, hợp lý và có thông tin. Tạo và duy trì sự trao đổi, thậm chí khi gặp phải sự thay

	nhưng đôi khi ảnh hưởng tới việc dễ hiểu.	biệt là trong những tình huống không thông thường hay bất ngờ nhưng hiếm khi ảnh hưởng tới nghĩa của câu.	công việc. Có khả năng diễn đạt thành công khi thiếu từ trong những tình huống không thông thường hoặc bất ngờ.	giọng văn tường thuật hay văn phong phát biểu sang giao tiếp tự nhiên, nhưng điều này không làm cản trở việc trao đổi thông tin hiệu quả.	điều trao đổi khác nhau được dự dụng dễ hiểu cho cộng đồng người sử dụng quốc tế. Khi người nói gặp phải sự phức tạp về ngôn ngữ và tình huống hoặc những sự kiện thay đổi bất ngờ, việc hiểu có thể chậm hơn hoặc đòi hỏi phải có chiến lược rõ ràng.	đôi bất ngờ. Giải quyết hợp lý những hiểu nhầm hiển nhiên bằng cách kiểm tra, xác nhận và làm rõ.
--	---	---	---	---	--	---

1.2 Mức độ tiên khai thác, sơ cấp và tiền sơ cấp

MỨC ĐỘ 3 (Tiên khai thác)	Cách phát âm, nhấn mạnh thanh điệu và ngữ điệu bị ảnh hưởng bởi ngôn	Các cấu trúc ngữ pháp cơ bản và các mẫu câu đi kèm với tình huống có thể đoán trước	Vốn từ và độ chính xác của những từ thường đủ để trao đổi thông	Tạo ra được hàng chuỗi từ, cụm từ và ngắt câu không hợp lý, chậm chạp	Hiểu chính xác các chủ đề chung, cụ thể và liên quan tới công	Đôi khi trả lời ngay lập tức chính xác và có thông tin. Có khả năng tạo và
--------------------------------------	--	---	---	---	---	--

	ngữ thứ nhất hoặc tiếng địa phương và thường ảnh hưởng tới việc dễ hiểu.	thường xuyên không được kiểm soát chặt chẽ. Lỗi xuất hiện thường ảnh hưởng tới nghĩa của câu.	tin về các chủ đề cụ thể và liên quan đến công việc, nhưng vốn từ hạn chế và việc chọn từ thường không chính xác và thường không thể diễn đạt thành công khi thiếu từ.	hoặc do dự trong diễn đạt có thể ngăn cản hiệu quả của việc trao đổi thông tin. Đôi khi quên mất việc nói đủ câu	việc khi trọng âm và các giọng điệu khác nhau được sử dụng dễ hiểu cho cộng đồng người sử dụng Quốc tế. Có thể hiểu sai khi gặp phải sự phức tạp về ngôn ngữ và tình huống hoặc những sự kiện thay đổi bất ngờ.	duy trì sự trao đổi dễ dàng các chủ đề quen thuộc và những tình huống có thể đoán trước. Thường trả lời không hợp lý khi gặp phải một sự kiện thay đổi bất ngờ.
MỨC ĐỘ 2 (Sơ cấp)	Cách phát âm, nhấn mạnh thanh điệu và ngữ điệu bị ảnh hưởng nặng nề bởi ngôn ngữ thứ nhất hoặc tiếng địa phương và thường ảnh hưởng tới việc	Chỉ thể hiện ở sự kiểm soát hạn chế trong một vài cấu trúc ngữ pháp và mẫu câu đơn giản, dễ nhớ.	Vốn từ hạn chế, kể cả những từ đơn lẻ và cụm từ dễ nhớ.	Chỉ có thể diễn đạt ngắn bằng những từ đơn lẻ, dễ nhớ bằng cách ngắt quãng và không đủ câu để tìm ra cách diễn đạt và phát âm rõ	Hiểu hạn chế các cụm từ dễ nhớ, đơn lẻ khi chúng được phát âm một cách chậm chạp và cẩn thận.	Thời gian trả lời chậm và thường không hợp lý. Phản ứng hạn chế với các thói quen trao đổi đơn giản.

	dễ hiểu.			ràng những từ không quen thuộc.		
MỨC ĐỘ 1 (Tiền sơ cấp)	Thể hiện ở mức thấp hơn mức sơ cấp	Thể hiện ở mức thấp hơn mức sơ cấp	Thể hiện ở mức thấp hơn mức sơ cấp	Thể hiện ở mức thấp hơn mức sơ cấp	Thể hiện ở mức thấp hơn mức sơ cấp	Thể hiện ở mức thấp hơn mức sơ cấp

Chú ý: *Mức khai thác (Mức 4) là mức độ thành thạo yêu cầu tối thiểu để trao đổi thông tin liên lạc vô tuyến. Mức từ 1 đến 3 thể hiện các mức độ Tiền sơ cấp. Sơ cấp và Tiền khai thác của việc sử dụng thành thạo ngôn ngữ, tất cả các mức này thể hiện mức độ thông thạo dưới mức yêu cầu về sử dụng thông thạo ngôn ngữ của ICAO. Mức 5 và 6 là các mức mở rộng và chuyên gia, đây là mức độ thông thạo trên tiêu chuẩn tối thiểu. Nói chung, bảng phân loại này sẽ được xem như là tiêu chí để đào tạo, kiểm tra và hỗ trợ cho các học viên đạt được mức khai thác của ICAO (Mức 4).”*

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.110: VỀ THỦ TỤC CẤP, CÔNG NHẬN, CẤP LẠI GIẤY PHÉP, NĂNG ĐỊNH NGƯỜI LÁI TÀU BAY

- (a) Người đề nghị cấp, công nhận giấy phép và năng định người lái tàu bay phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:
- (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép người lái tàu bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Điều 7.110 của Bộ quy chế này;
 - (2) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;
 - (3) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không;
 - (4) Sổ ghi giờ bay huấn luyện và xác nhận của giáo viên xác nhận người đó đã sẵn sàng cho kiểm tra sát hạch thực hành;
 - (5) Kết quả bài kiểm tra sát hạch trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;
 - (6) Bản sao chứng chỉ đủ trình độ ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo quy định tại Phụ ước 1 của Công ước về hàng không dân dụng quốc tế của cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không được Cục HKVN cấp hoặc công nhận.
- (b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc cấp giấy phép người lái tàu bay cho những người đề nghị đáp ứng được các yêu cầu của Bộ quy chế an toàn hàng không này.
- (c) Giấy phép và năng định người lái tàu bay được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp hết thời hạn hiệu lực, bị mất, hư hỏng. Người đề nghị phải hoàn thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.
- (d) Người làm đơn đề nghị cấp lại giấy phép người lái tàu bay phải nộp hồ sơ tối thiểu 30 ngày trước ngày hết hạn của giấy phép đã được cấp. Hồ sơ bao gồm:
- (1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;
 - (2) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không còn hiệu lực;
 - (3) Kết quả kiểm tra sát hạch trình độ, kinh nghiệm trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;
 - (4) Bản sao chứng chỉ đủ trình độ ngôn ngữ tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo quy định tại Phụ ước 1 của Công ước về hàng không dân dụng

quốc tế của cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không được Cục HKVN cấp hoặc công nhận còn hiệu lực.

- (e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép người lái tàu bay trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN tối thiểu 7 ngày làm việc. Hồ sơ bao gồm:
- (1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;
 - (2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có).


PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 7.110: THỦ TỤC GIA HẠN CÁC LOẠI NĂNG ĐỊNH – THÀNH VIÊN TỔ BAY

- (a) Người đề nghị gia hạn năng định – thành viên tổ lái phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:
- (1) Đơn đề nghị gia hạn năng định – thành viên tổ lái (theo Phụ lục 3 Điều 7.110);
 - (2) Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;
 - (3) Bản sao giấy phép lái tàu bay còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;
 - (4) Kết quả kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;
 - (5) Kết quả kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại tàu bay và năng định hạng tàu bay phù hợp của người đề nghị.
- (b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc gia hạn năng định phù hợp.

PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 7.110: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CÔNG NHẬN, GIA HẠN/PHỤC HỒI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH NGƯỜI LÁI TÀU BAY⁹⁷

⁹⁷ Phụ lục Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Mục 4 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

	<p>ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (APPLICATION FOR) GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG (ORIGINAL AIRMAN LICENSE) THÀNH VIÊN TỒ BAY [FLIGHT CREW MEMBER]</p>	<p>HƯỚNG DẪN (INSTRUCTIONS) In hoặc đánh máy. Không viết vào phần bôi đen, phần này chỉ dành cho Cục HKVN. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Tiêu chuẩn An toàn bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ dính kèm (Print or type. Do not write in shaded areas, these are for CAAV use only. Submit original only to the Flight Safety Standards Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment)</p>													
<p>A. TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ (APPLICATION IS HEREBY MADE FOR) <input type="checkbox"/> CẤP MỚI (ISSUANCE) <input type="checkbox"/> CẤP LẠI CÁC GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM SAU (REISSUANCE OF THE FOLLOWING VIETNAM AIRMAN LICENSE):</p>															
<p>1. <input type="checkbox"/> HỌC VIÊN BAY (STUDENT PILOT) 3. <input type="checkbox"/> NGƯỜI LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI (COMMERCIAL PILOT) 5. <input type="checkbox"/> CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG (FLIGHT ENGINEER) 7. <input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY (FLIGHT DISPATCHER)</p> <p>2. <input type="checkbox"/> NGƯỜI LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN (PRIVATE PILOT) 4. <input type="checkbox"/> NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG (AIRLINE TRANSPORT PILOT) 6. <input type="checkbox"/> GIÁO VIÊN BAY (FLIGHT INSTRUCTOR) 8. <input type="checkbox"/> LOẠI KHÁC (OTHER):</p>															
<p>B. GIẤY PHÉP HOẶC NĂNG ĐÌNH ĐỀ NGHỊ (LICENSE OR RATING APPLIED FOR ON BASIS OF):</p>															
<p><input type="checkbox"/> 1. HOÀN THIÊN YÊU CẦU KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG (COMPLETION OF REQUIRED KNOWLEDGE AND SKILL TEST)</p>	<p><input type="checkbox"/> 2. LOẠI TÀU BAY ĐƯỢC SỬ DỤNG (AIRCRAFT TO BE USED) (Nếu có yêu cầu kiểm tra bay -if flight test required)</p>	<p><input type="checkbox"/> 3. TỔNG GIỜ BAY TRÊN LOẠI TÀU BAY / SIM /FTD (TOTAL TIME IN THIS AIRCRAFT/SIM/FTD) Hours</p>	<p><input type="checkbox"/> 4. GIỜ BAY LÁI CHÍNH (PILOT-IN-COMMAND) Hours</p>												
<p>C. CHŨNG LOẠI VÀ/ HOẶC HẠNG TÀU BAY CÓ LIÊN QUAN (THE FOLLOWING CATEGORY AND/OR CLASS IS INVOLVED):</p>															
<p>1. <input type="checkbox"/> TÀU BAY MỘT ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – SINGLE ENGINE LAND) 5. <input type="checkbox"/> TÀU LƯỢN (GLIDER.....(SPECIFY TOW)→</p> <p>2. <input type="checkbox"/> TÀU BAY NHIỀU ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – MULTIENGINE LAND) 6. <input type="checkbox"/> MÁY BAY LÊN THĂNG (ROTORCRAFT.....(SPECIFY CLASS)→</p> <p>3. <input type="checkbox"/> TÀU BAY MỘT ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – SINGLE ENGINE SEA) 7. <input type="checkbox"/> NHE HƠN KHÔNG KHÍ (LIGHTER THAN AIR.....(SPECIFY CLASS))→</p> <p>4. <input type="checkbox"/> TÀU BAY NHIỀU ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – MULTIENGINE SEA) 8. <input type="checkbox"/> POWERED LIFT</p>															
<p>D. NĂNG ĐÌNH CÓ LIÊN QUAN (THE FOLLOWING RATING IS INVOLVED):</p>															
<p>1. <input type="checkbox"/> THIẾT BỊ (INSTRUMENT) 3. <input type="checkbox"/> NĂNG ĐÌNH LOẠI BỔ SUNG (ADDED TYPE RATING.....(SPECIFY)→</p> <p>2. <input type="checkbox"/> CHŨNG LOẠI II HOẶC III (CATEGORY II OR III APPROACHES.) 4. <input type="checkbox"/> NĂNG ĐÌNH KHÁC (OTHER RATING.....(SPECIFY)→</p>															
<p>E. THÔNG TIN CÁ NHÂN (AIRMAN PERSONAL INFORMATION):</p>															
<p>1. TÊN (Họ, tên, tên lót) - NAME (Last, First, Middle)</p>		<p>2. ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ (Đường phố hoặc Hòm thư)-PERMANENT ADDRESS (Street or PO Box Number)</p>													
<p>3. ĐIỆN THOẠI VÀ FAX (TELEPHONE AND FAX)</p>		<p>4. CITY THÀNH PHỐ/STATE/PROVINCE TỈNH MAIL CODE COUNTRY QUỐC GIA</p>													
<p>5. NGÀY THÁNG NĂM SINH (THÁNG, NGÀY, NĂM) DATE OF BIRTH (MONTH, DAY, YEAR)</p>		<p>6. NƠI SINH (PLACE OF BIRTH)</p>	<p>7. QUỐC TỊCH NATIONALITY (CITIZENSHIP)</p>	<p>8. TRÌNH ĐỘ NGÔN NGỮ Language Proficiency Level 4/+? <input type="checkbox"/> Có (Yes) <input type="checkbox"/> Không (No)</p>											
<p>9. CHIỀU CAO (HEIGHT)</p>	<p>10. CÂN NẶNG (WEIGHT)</p>	<p>11. TÓC (HAIR)</p>	<p>12. MẮT (EYES)</p>	<p>13. GIỚI TÍNH (SEX)</p>	<p>14. ĐỊA CHỈ HÒM THƯ ĐIỆN TỬ (E-MAIL ADDRESS)</p>	<p>15. For FSI Use</p>									
<p>F. GHI CHÉP GIỜ BAY (RECORD OF PILOT TIME) (Không viết vào phần tô bóng -Do Not Write In The Shaded Areas):</p>															
Tổng (Total)	Bay dưới sự hướng dẫn <u>theo</u> <u>giấy</u> <u>hướng</u> <u>dẫn</u> <u>Instruction</u> <u>Received</u>	Bay đơn (Solo)	Lái chính - Pilot in Command (PIC)	Bay đường dài dưới sự hướng dẫn (Cross Country Instruction Received)	Bay đơn đường dài (Cross Country Solo)	Bay lái chính đường dài (Cross Country PIC)	Bay bằng thiết bị (Instrument)	Bay đêm dưới sự hướng dẫn (Night Instruction Received)	Cất/hạ cánh đêm (Night Take-Off Landing)	Lái chính đêm (Night PIC)	Lái chính cất/hạ cánh đêm (Night Take-Off Landing PIC)	Số chuyến bay (Number Of Flights)	Number Of Aero-Tows	Number Of Ground Launches	Number Of Power Launches
Tàu lượn (Gliders)															
(Free Balloon)															
Khi cầu (Airship)															
Tàu bay (Aeroplane)			Lái chính (PIC) Lái phụ (SIC)			Lái chính (PIC) Lái phụ (SIC)				Lái chính (PIC) Lái phụ (SIC)	Lái chính (PIC) Lái phụ (SIC)				

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

Máy bay lên thẳng (Rotorcraft)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)	Lái chính (PIC)
			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)	Lái phụ (SIC)
Năng bằng lực (Powered Lift)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)	Lái chính (PIC)
			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)	Lái phụ (SIC)
Buồng lái mô phỏng (Simulator)										
Thiết bị huấn luyện (Training Device)										
PCATD										

G. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE (MEDICAL EVALUATION INFORMATION):

1. HẠNG CHỨNG CHỈ (CLASS OF CERTIFICATE)	2. QUỐC GIA CẤP (STATE OF ISSUE)	3. NGÀY CẤP (DATE OF ISSUE)	4. GIÁM ĐỊNH VIÊN (MEDICAL EXAMINER)
--	----------------------------------	-----------------------------	--------------------------------------

H. BẠN ĐÃ BỊ KIỂM TRA KHÔNG ĐẠT CHO GIẤY PHÉP HOẶC NĂNG ĐỊNH NÀY CHƯA (HAVE YOU FAILED A TEST FOR THIS LICENSE OR RATING?)

1. Có (Yes) 2. Không (No)

I. CHỨNG THỰC (APPLICANT'S CERTIFICATION)— Tôi Cam đoan rằng tất cả những thông tin cung cấp ở trên là chính xác và đúng sự thật, và tôi đồng ý rằng đó là cơ sở để cấp giấy phép cho tôi (I certify that all statements and answers provided by me on this application form are complete and true to the best of my knowledge and I agree that they are to be considered as part of the basis for issuance of any CAAV license to me).

A person shall not with intent to deceive: (a) make any false representation for the purpose of procuring for himself or any other person the grant, issue, renewal or variation of any such license...

1. NGÀY (DATE)

2. CHỮ KÝ CỦA ỨNG VIÊN (APPLICANT SIGNATURE):

J. Ý KIẾN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN (INSTRUCTOR'S RECOMMENDATION)

Tôi đã hướng dẫn cho ứng viên và xem xét cho cá nhân này thực hiện bài kiểm tra (I have personally instructed the applicant and consider this person ready to take the test).

1. Ngày (Date)	2. Chữ ký của người hướng dẫn (Instructor's Signature) (Tên và chữ ký -Print Name and Sign)	3. Số giấy phép (License Number)	4. Thời hạn giấy phép (License Expires)
----------------	---	----------------------------------	---

K. DESIGNATED EXAMINER'S OR AIRMAN CERTIFICATION REPRESENTATIVE REPORT

- Giấy phép học viên bay (Student Pilot License Issued) (bản chụp -Copy Attached)
- Tôi đã kiểm tra sổ ghi giờ bay và/ hoặc hồ sơ huấn luyện, và xác nhận cá nhân phù hợp với yêu cầu của Bộ quy chế An toàn Hàng không Phần 7 cho việc cấp giấy phép hoặc năng định (I have personally reviewed this applicant's pilot logbook and/or training record, and certify that the individual meets the pertinent requirements of VAR Part 7 for the license or rating sought).
- Tôi đã kiểm tra kiến thức (I have personally tested this applicant's knowledge).
- Tôi đã kiểm tra và / hoặc I have personally tested and/or verified this applicant in accordance with pertinent procedures and standards with the results indicated below.
- Đồng ý (Approved) – Giấy phép được cấp (License Issued) (bản gốc -Original Attached)
- Không đồng ý (Disapproved) – Báo cáo không đồng ý (Disapproval Notice Issued) (Bản gốc- Original Attached)

7. Địa điểm kiểm tra (Location of Test) (Thiết bị, Thành phố, đảo/bang/tỉnh - Facility, City, Island/State/Province)		8. Thời gian kiểm tra (Duration of Test)		
		(a) Mặt đất (Ground)	(b) Buồng lái giá định / Thiết bị huấn luyện (Simulator/FTD)	(c) Bay (Flight)
9. Giấy phép hoặc năng định kiểm tra (License or Rating for Which Tested)	10. Loại tàu bay (Type of Aircraft Used)	11. Số đăng ký (Registration No)		
12. Ngày (Date)	13. Chữ ký của giáo viên kiểm tra (Examiner's Signature) (Tên & chữ ký - Print Name & Sign)	14. Số giấy phép (License No).	15. Số ủy quyền (Designation No).	16. Thời hạn ủy quyền (Designation Expires)

L. ĐÁNH GIÁ (EVALUATOR'S RECORD) (Dùng cho giấy phép lái máy bay vận tải hàng không và / hoặc năng định loại -Use For ATP License And/Or Type Ratings):

	GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN (INSPECTOR)	GIÁO VIÊN KIỂM TRA (EXAMINER)	Ký tên và số giấy phép (Signature and License Number)	Ngày (Date)
1. Phỏng vấn (Oral)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
2. Buồng lái mô phỏng được phê chuẩn / Thiết bị huấn luyện (Approved Simulator/Training Device Check)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		
3. Kiểm tra bay (Aircraft Flight Check)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		

M. BÁO CÁO CẦU GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN HOẶC CHUYÊN VIÊN CẤP PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG (AVIATION SAFETY INSPECTOR OR PEL LICENSING OFFICER REPORT)

I have personally tested this applicant in accordance with or have otherwise verified that this applicant complies with pertinent procedures, standards, policies, and/or necessary requirements with the result indicated below

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

1. <input type="checkbox"/> Đồng ý (Approved) — Cấp giấy phép tạm thời (Temporary License Issued (Bản gốc -Original Attached))		2. <input type="checkbox"/> Không đồng ý -Disapproved – Báo cáo không đồng ý (Disapproved Notice <u>Issued</u>) (Bản gốc -Original Attached)	
3. Địa điểm kiểm tra (Location of Test) (Thiết bị, Thành phố, đảo/bang/tỉnh -Facility, City, Island/State/Province)		4. Thời gian kiểm tra (Duration of Test)	
		(a) Mặt đất (Ground)	(b) Buồng lái mô phỏng/thiết bị huấn luyện (Simulator/FTD)
		(c) Bay (Flight)	
5. Giấy phép hoặc năng định kiểm tra (License or Rating for Which Tested)		6. Loại tàu bay (Type(s) of Aircraft Used)	
7. Số đăng ký (Registration No.(s))			
8. <input type="checkbox"/> Giấy phép học viên bay (Student Pilot License <u>Issued</u>)		13. <input type="checkbox"/> Giấy phép hoặc năng định cơ bản (License or Rating Based)	
9. <input type="checkbox"/> Ý kiến của giáo viên kiểm tra (Examiner's Recommendation)		(a) <input type="checkbox"/> Trình độ khóa học được phê chuẩn (Approved Course Graduate)	
(a) <input type="checkbox"/> Đồng ý (Accepted)		(b) <input type="checkbox"/> Tiêu chuẩn khác được Cục HKVN phê chuẩn (Other Approved CAAV Qualification Criteria)	
(b) <input type="checkbox"/> Không đồng ý (Rejected)			
10. <input type="checkbox"/> Cấp lại hoặc đổi giấy phép người lái tàu bay (Reissue or Exchange of Pilot License)		14. <input type="checkbox"/> Giáo viên hướng dẫn bay (Flight Instructor)	
11. <input type="checkbox"/> Hướng dẫn kiểm tra sức khỏe đặc biệt (Special Medical test <u>conducted</u>)		(a) <input type="checkbox"/> Cấp lại (Renewal)	
12. <input type="checkbox"/> Hướng dẫn kiểm tra trình độ ngoại ngữ (Language Proficiency test conducted)		(b) <input type="checkbox"/> Hồi phục (Reinstatement)	
		15. Instructor Renewal Based On	
		(a) <input type="checkbox"/> Hoạt động (Activity)	(c) <input type="checkbox"/> Khóa huấn luyện (Training Course)
		(b) <input type="checkbox"/> Kiểm tra (Test)	(d) <input type="checkbox"/> Nhiệm vụ và trách nhiệm (Duties and Responsibilities)
17. Tên khóa huấn luyện (Training Course (FIRC) Name)		18. Số chứng chỉ trung tâm huấn luyện được phê chuẩn (ATO Certificate No.)	
		19. Ngày kết thúc (Graduation Date)	
20. Ngày (Date)	21. Chữ ký của giáo viên kiểm tra (Inspector's Signature) (Tên & chữ ký - Print Name & Sign)	22. Số kiểm soát (Control Number)	23. CASORT-PEL Entry

N. HỒ SƠ ĐÍNH KÈM (ATTACHMENTS):		6. <input type="checkbox"/> Thông tin cá nhân được kiểm tra (Airman's Identification (ID) checked-----)		ID: _____
1. <input type="checkbox"/> Giấy phép học viên bay (Student Pilot License) (bản chụp -copy)	7. _____	Mẫu của ID (Form of ID)	11. _____	Tên (Name)
2. <input type="checkbox"/> Báo cáo kiểm tra (Knowledge Test Report)	8. _____	Số (Number)	12. _____	Ngày sinh (Date of Birth)
3. <input type="checkbox"/> Giấy phép tạm thời (Temporary Airman License)	9. _____	Thời hạn hiệu lực (Expiration Date)	13. _____	Số giấy phép (License Number)
4. <input type="checkbox"/> Báo cáo không đồng ý (Notice of Disapproval)	10. _____	Số điện thoại (Telephone Number)	14. _____	Địa chỉ hình thư điện tử (E-Mail Address)
5. <input type="checkbox"/> Giấy phép thay thế (Superseded Airman License)				

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.113: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ

(a) Ngoài các qui định tại Điều 7.113, người đề nghị cấp năng định bay bằng thiết bị phải được huấn luyện mặt đất do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các lĩnh vực kiến thức hàng không áp dụng với năng định bay bằng thiết bị, sau đây :

- (1) Các qui tắc và qui định liên quan đến IFR; liên quan đến thực hành và các qui tắc dịch vụ không lưu;
- (2) Việc sử dụng, các hạn chế và trạng thái hoạt động tốt của thiết bị điện tử và các thiết bị cần thiết để kiểm soát và dẫn đường máy bay và trực thăng theo IFR và trong điều kiện khí tượng bay bằng thiết bị; cách sử dụng và các hạn chế của lái tự động;

- (3) Các sai số của la bàn, lượn vòng và gia tốc; các hạn chế trong khai thác và thiết bị con quay hồi chuyển và các hiệu ứng tiến động; thực hành và các qui trình trong trường hợp sai khi bay bằng thiết bị;
- (4) Chuẩn bị và kiểm tra trước khi bay phù hợp với bay theo IFR;
- (5) Kế hoạch bay; chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch bay dịch vụ không lưu theo IFR; qui trình đặt lại đồng hồ đo;
- (6) Tính năng con người liên quan đến bay bằng thiết bị trên máy bay hoặc trực thăng;
- (7) Sự suy xét và đưa ra quyết định;
- (8) Chương trình phối hợp tổ bay, bao gồm liên lạc và hợp tác của tổ bay;
- (9) Việc áp dụng thông tin khí tượng hàng không; đọc, hiểu và sử dụng các báo cáo, bảng biểu và các bản dự báo khí tượng; mã cài đặt và chữ viết tắt; qui trình thu nhận thông tin khí tượng; đồng hồ đo;
- (10) Nhận và sử dụng các báo cáo, dự báo khí tượng và các xu hướng thời tiết dựa trên các thông tin đó;
- (11) Quan sát các điều kiện thời tiết.
- (12) Nguyên nhân, nhân biết và ảnh hưởng của động cơ, cánh quạt hoặc rotor và khung bị đóng băng; qui trình thăm thấu bề mặt tiết diện; tránh thời tiết xấu;
- (13) Nhận biết tình huống thời tiết xấu và tránh gió cạnh;
- (14) Thực hành dẫn đường sử dụng hỗ trợ của đài dẫn đường;
- (15) Sử dụng hệ thống dẫn đường trong các giai đoạn của chuyến bay: khởi hành, trong khi bay, tiếp cận và hạ cánh; nhận biết hỗ trợ của đài dẫn đường;
- (16) Dịch và sử dụng các tài liệu như AIP, NOTAM, các mã cài đặt và chữ viết tắt hàng không; các bảng biểu qui trình bay bằng thiết bị khi khởi hành, trong khi bay, hạ độ cao và tiếp cận;
- (17) Các qui trình khẩn nguy và đề phòng, thực hành an toàn với sự hỗ trợ bay theo IFR;
- (18) Các qui trình điện đài và sắp xếp từ ngữ áp dụng khi khai thác tàu bay theo IFR; xử lý trong trường hợp liên lạc nhầm;
- (19) Các thông tin phù hợp trong tài liệu hướng dẫn do Cục HKVN công bố áp dụng đối với khai thác bay theo IFR;
- (20) Hệ thống và qui trình KSKL đối với khai thác bay bằng thiết bị;
- (21) Dẫn đường IFR và tiếp cận sử dụng hệ thống dẫn đường;

- (22) Sử dụng IFR trong khi bay và qui trình tiếp cận bằng thiết bị;
- (23) Khai thác an toàn và hiệu quả tàu bay theo qui tắc và điều kiện bay bằng thiết bị.

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 7.113: CÁC YÊU CẦU HƯỚNG DẪN BAY CẤP NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ

- (a) Ngoài các qui định của Điều 7.113, người đề nghị cấp năng định thiết bị phải được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm huấn luyện trên tàu bay có ghi giờ bay, hoặc trên buồng lái mô phỏng hoặc các thiết bị huấn luyện bay được Cục HKVN phê chuẩn bao gồm các giai đoạn huấn luyện sau:
 - (1) Các thủ tục trước khi bay gồm có sử dụng tài liệu hướng dẫn bay hoặc các tài liệu tương đương, và tài liệu về dịch vụ không lưu phù hợp khi chuẩn bị kế hoạch bay IFR;
 - (2) Kiểm tra trước khi bay, sử dụng danh mục kiểm tra, lăn và kiểm tra trước khi cất cánh;
 - (3) Các phương thức và thao tác khai thác IFR trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy gồm có ít nhất là:
 - (i) Chuyển sang bay bằng thiết bị khi cất cánh;
 - (ii) Khởi hành và hạ cánh bằng thiết bị tiêu chuẩn;
 - (iii) Các phương thức IFR trong khi bay;
 - (iv) Giữ nguyên các phương thức bay;
 - (v) Tiếp cận bằng thiết bị tới tiêu chuẩn tối thiểu theo qui định;
 - (vi) Các phương thức tiếp cận hệt;
 - (vii) Hạ cánh sau khi tiếp cận bằng thiết bị
 - (viii) Các thao tác trong khi bay và các tính năng bay đặc biệt.
 - (4) Các phương thức và kiểm soát tĩnh không;
 - (5) Bay bằng thiết bị;
 - (6) Hệ thống dẫn đường;
 - (7) Các phương thức tiếp cận bằng thiết bị;
 - (8) Khai thác khẩn nguy; và
 - (9) Các phương thức sau chuyến bay.
- (b) Ngoài ra, đối với máy bay nhiều động cơ:

- (1) Áp dụng tất cả các qui định trong điểm (3) khoản (a) của Phụ lục này; và
- (2) Khai thác máy bay hoặc trực thăng chủ yếu bằng thiết bị với một động cơ không hoạt động hoặc giả định không hoạt động.

PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 7.113: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM CẤP NĂNG ĐỊNH THIẾT BỊ

- (a) Ngoài các qui định trong Điều 7.113, người đề nghị cấp năng định thiết bị phải có số giờ bay sau đây ghi trong nhật ký bay:
 - (1) Ít nhất là 50 giờ bay đường dài ở vị trí Người chỉ huy tàu bay, trong đó ít nhất là 10 giờ bay trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định;
 - (2) Có tổng giờ bay là 40 giờ bay thiết bị thật hoặc thiết bị mô phỏng các giai đoạn khai thác theo các qui định tại Mục I của Chương F, bao gồm:
 - (i) Ít nhất là 10 giờ huấn luyện bay bằng thiết bị dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn bay do Cục HKVN bổ nhiệm trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định;
 - (ii) Ít nhất là 3 giờ huấn luyện thiết bị phù hợp với năng định đề nghị cấp dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn bay do Cục HKVN bổ nhiệm khi chuẩn bị kiểm tra thực hành trong thời hạn 60 ngày trước ngày kiểm tra;
- (b) Huấn luyện thiết bị theo qui tắc bay đường dài trên loại tàu bay ít nhất là một chuyến bay đường dài theo IFR bao gồm:
 - (1) Khoảng cách theo đường hàng không hoặc hành trình theo chỉ dẫn của ATC ít nhất:
 - (i) Đối với năng định thiết bị - máy bay: 250 dặm; hoặc
 - (ii) Đối với năng định thiết bị - trực thăng: 100 dặm; và
 - (2) Tiếp cận thiết bị tại mỗi sân bay; và
 - (3) Ba loại tiếp cận khác nhau sử dụng hệ thống dẫn đường.

Phụ lục 1 Điều 7.120: Nội dung huấn luyện cho tổ lái nhiều thành viên⁹⁸

a. Mục tiêu của khóa huấn luyện là để người lái thành thạo trong công tác phối hợp tổ lái nhiều thành viên (MCC) để khai thác an toàn trên các máy bay nhiều động cơ nhiều người lái theo quy tắc bay bằng thiết bị và đảm bảo rằng:

1. Lái chính thực hiện các chức năng quản lý và đưa ra quyết định cho dù anh ta là phi công bay hay là phi công không bay.

2. Các nhiệm vụ của phi công bay và phi công không bay được quy định rõ ràng và phân công theo cách phi công bay có thể hướng sự chú ý của anh ta vào việc vận hành và kiểm soát tàu bay.

3. Có sự phối hợp hiệu quả một cách có trật tự phù hợp khi gặp phải các tình huống bình thường, bất thường và khẩn nguy.

4. Sự giám sát, thông tin và hỗ trợ qua lại lẫn nhau luôn luôn được đảm bảo.

b. Các giáo viên huấn luyện Phối hợp tổ lái nhiều thành viên phải rất thành thạo với vấn đề nhân tố con người và quản lý nguồn nhân lực tổ bay. Họ phải được cập nhật với sự phát triển mới nhất của việc huấn luyện nhân tố con người và các kỹ năng CRM.

c. Giáo trình huấn luyện kiến thức lý thuyết được xây dựng theo quy định của Cục HKVN.

d. Giáo trình huấn luyện bay được quy định tại Hướng dẫn 07-016 (AC 07-016) của Cục HKVN.

đ. Khi kết thúc khóa học, người đề nghị có thể được cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học.

e. Người có Giấy chứng nhận đã hoàn thành huấn luyện MCC về trực thăng sẽ được miễn trừ qui định hoàn thành chương trình kiến thức lý thuyết qui định tại Hướng dẫn 07-016 (AC 07-016) của Cục HKVN.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.123: CÁC YÊU CẦU CHUNG VỀ CHO PHÉP KHAI THÁC CATII HOẶC CATIII

(a) Người đề nghị cho phép khai thác CATII hoặc CATIII phải qua kiểm tra thực hành để:

(1) Cấp hoặc gia hạn cho phép khai thác CATII hoặc CATIII;

(2) Bổ sung tàu bay loại khác vào cho phép khai thác CATII hoặc CATIII.

⁹⁸ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 5 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

- (b) Đề được kiểm tra thực hành cấp phép theo qui định của mục này, người đề nghị phải:
 - (1) Đáp ứng các yêu cầu đã nêu; và
 - (2) Nếu người đề nghị cấp không qua được bài kiểm tra thực hành trong vòng 12 tháng trước tháng kiểm tra:
 - (i) Đáp ứng được các yêu cầu đã nêu; và
 - (ii) Thực hiện ít nhất 6 lần tiếp cận ILS trong vòng 6 tháng trước tháng kiểm tra trong số đó ít nhất 3 lần phải được thực hiện không sử dụng coupler tiếp cận.
- (c) Người đề nghị phải hoàn thành tiếp cận theo qui định:
 - (1) Dưới điều kiện bay bằng thiết bị thật hoặc mô phỏng;
 - (2) Tại độ cao quyết định tối thiểu để tiếp cận ILS trên loại tàu bay sử dụng để kiểm tra thực hành trừ khi việc tiếp cận không được thực hiện tại độ cao quyết định cho phép khai thác CATII;
 - (3) Khai thác CATII chỉ được cho phép tại độ cao quyết định nếu được tiến hành trong buồng lái mô phỏng hoặc thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được phê chuẩn; và
 - (4) Trên tàu bay cùng loại và hạng, áp dụng, như tàu bay hoặc buồng lái mô phỏng được phê chuẩn dùng để thực hiện kiểm tra thực hành:
 - (i) Đại diện tàu bay cùng loại và hạng áp dụng như tàu bay đề nghị cho phép phê chuẩn; và
 - (ii) Được cấp phê chuẩn phù hợp với khoá huấn luyện được phê chuẩn do Trung tâm huấn luyện bay tiến hành.
- (d) Thời gian bay đạt được đáp ứng các qui định có thể được sử dụng.

PHỤ LỤC 2 ĐIỀU 7.123: KIỂM TRA VẤN ĐÁP TRONG KHI THỰC HÀNH CATII HOẶC CATIII

- (a) Trong khi kiểm tra thực hành, người đề nghị phải chứng tỏ các yêu cầu về kiến thức tại Bảng 1 -7.123 qua các câu hỏi vấn đáp.
- (b) Thanh tra bay và giáo viên kiểm tra bay có thể hỏi vấn đáp bất kỳ lúc nào trong khi kiểm tra thực hành.

BẢNG 1 - 7.123 CHỨNG TỎ CÁC KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG	CAT II	CAT III
1. Độ dài theo yêu cầu để hạ cánh	X	X
2. Sử dụng và hạn chế của tầm nhìn trên đường CHC, bao gồm xác định việc kiểm soát RVR và thiết bị đo theo qui định	X	X
3. Các đặc tính và hạn chế của ILS và hệ thống chiếu sáng đường băng	X	X
4. Các đặc tính và hạn chế của hệ thống chỉ dẫn bay, cài tiếp cận tự động (bao gồm chia loại trực nếu được trang bị), hệ thống tay ga tự động (nếu trang bị), và thiết bị khác yêu cầu đối với CATII, CATIII	X	X
5. Hệ thống cảnh báo hồng thiết bị và trang thiết bị	X	X
6. Sử dụng các điểm mốc thực tế nếu có hoặc các giới hạn và độ cao mà ở đó thông thường có thể cảm nhận được với số liệu tầm nhìn đường cất hạ cánh (RVR) bị	X	X
7. Thứ tự các điểm mốc quan sát thực tế trong quá trình tiếp cận trong điều kiện tầm nhìn bằng hoặc cao hơn điều kiện hạ cánh tối thiểu.	X	X
8. Địa tiêu trong điều kiện thời tiết tối thiểu	X	X
9. Nhận dạng độ cao quyết định hoặc độ cao được cảnh báo nếu áp dụng, sử dụng đồng hồ đo độ cao vô tuyến	X	X
10. Các phương thức tiếp cận hụt và các kỹ thuật sử dụng thiết bị hiển thị trạng thái tàu bay theo chế độ tính toán hoặc cố định.	X	X
11. Các phương thức và kỹ thuật liên quan đến chuyển từ bay thiết bị sang bay bằng mắt trong tiếp cận cuối cùng khi giảm RVR	X	X
12. Nhận biết và có hành động chính xác đối với những hồng học lớn trước và sau khi đạt độ cao quyết định hoặc độ cao cảnh báo giới hạn, nếu áp dụng	X	X
13. Nhận biết các giới hạn của vị trí chấp nhận được đối với tàu bay và đường bay khi tiếp cận, bay bằng, và nếu áp dụng, xả đà		X

14. Nhận biết và có phản ứng đối với hỏng hóc hệ thống trên không và dưới mặt đất hoặc tình trạng bất thường, đặc biệt sau khi qua độ cao quyết định hoặc độ cao cảnh		X
15. Sự hỏng hóc không mong muốn đối với các điều kiện ít hơn RVR tối thiểu trong tiếp cận, bay bằng và xả		X
16. Thực hiện nhiệm vụ của F/O trong khai thác CATII, CATIII, trừ khi tàu bay đề nghị cấp năng định không yêu cầu F/O	X	X
17. Các ảnh hưởng của gió cắt theo phương thẳng đứng và nằm ngang	X	X

PHỤ LỤC 3 ĐIỀU 7.123: KIỂM TRA BAY THỰC HÀNH CAT II VÀ CAT III

- (a) Bài kiểm tra bay thực hành phải được tiến hành trên tàu bay cùng loại và hạng áp dụng như tàu bay đề nghị cho phép hoặc trên buồng lái giả định được phê chuẩn:
 - (1) Đại diện tàu bay cùng loại và hạng áp dụng như tàu bay đề nghị cho phép phê chuẩn; và
 - (2) Được cấp phê chuẩn phù hợp với khoá huấn luyện được phê chuẩn do ATO tiến hành.
- (b) Tất cả các lần tiếp cận được thực hiện trong khi bay phải sử dụng hệ thống hướng dẫn kiểm soát được phê chuẩn, ngoại trừ các qui định như đã nói trong bảng của mục này.
- (c) Đối với việc cấp phép cho tàu bay yêu cầu năng định loại, người đề nghị phải qua kiểm tra thực hành với F/O có năng định loại tàu bay cho phép thực hiện
- (d) Thanh tra bay và giáo viên kiểm tra bay có thể hỏi vấn đáp bất kỳ lúc nào trong khi kiểm tra thực hành.
- (e) Các bài kiểm tra thực hành phải gồm có các thao tác và phương thức theo qui định:
 - (1) Trong điều kiện bay bằng thiết bị thật hoặc mô phỏng thể hiện các điều kiện thời tiết tối thiểu cho tiếp cận, hạ cánh và xả đà trong suốt bài kiểm tra thực hành;
 - (2) Tại độ cao tối thiểu đối với loại hoặc tiếp cận ILS của loại tàu bay kiểm tra thực hành.

Ghi chú: Nếu bài kiểm tra thực hành được tiến hành trên tàu bay, giáo viên kiểm tra có thể giới hạn độ cao tối thiểu cao hơn phù hợp với điều kiện kiểm tra.

BẢNG 2 - 7.123 CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG	CAT II	CAT III
1. Tiếp cận có cài ILS (chuyển sang hạ cánh)	X	X
2. Tiếp cận có cài ILS (chuyển sang tiếp cận hệt)	X	X
3. Tiếp cận ILS bằng tay, sử dụng chỉ huy hướng bay	X	
4. Hạ cánh và xả đà tự động bình thường		X
5. Hạ cánh tự động bình thường với xả đà bằng tay (IIIb) sau khi hỏng mode xả đà tại điểm tiếp cận		X
6. Hạ cánh bình thường bằng tay	X	
7. Tiếp cận hệt	X	X
8. Tiếp cận hệt với một động cơ không hoạt động (nếu tàu bay vẫn có khả năng hoạt động)	X	X

PHỤ LỤC 4 ĐIỀU 7.123: CÁC YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI PHÊ CHUẨN NGƯỜI LÁI KHAI THÁC CATII VÀ CATIII

- (a) Cục HKVN phê chuẩn khai thác CATII và CATIII cho người lái như một phần của năng định thiết bị hoặc giấy phép lái máy bay vận tải hàng không. Phê chuẩn CAT II và III sẽ bao gồm các hạn chế sau đây:
 - (1) Đối với khai thác CATII, 1,600 bộ (ft) RVR và 150 bộ (ft) độ cao quyết định; và
 - (2) Đối với khai thác CATIII, theo qui định trong tài liệu cho phép.
- (b) Để xoá bỏ các hạn chế đối với việc cho phép khai thác CATII III:
 - (1) Người được Cục HKVN cho phép khai thác CATII có thể xoá bỏ hạn chế bằng cách chứng minh được là bắt đầu từ 6 tháng trước đến khi hạ cánh trong các điều kiện khai thác bằng thiết bị mô phỏng hoặc thiết bị thật, Người khai thác loại hình này thực hiện 3 lần tiếp cận ILS CATII với độ cao quyết định là 150 ft; hoặc
 - (2) Người được Cục HKVN cho phép khai thác CATIII có thể xoá bỏ hạn chế bằng cách chứng tỏ đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm theo qui định.
- (c) Người được phép hoặc người đề nghị cho phép khai thác CATII, CATIII có thể sử dụng buồng lái giả định hoặc thiết bị huấn luyện mô phỏng nếu được Cục HKVN phê chuẩn đáp ứng được các yêu cầu về kinh nghiệm theo qui định hoặc về kiểm tra thực hành theo qui định của Phần này về cho phép khai thác CATII, CATIII như áp dụng.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.133 QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ NỘI DUNG MÔN HỌC⁹⁹


- a. Lịch sử ngành hàng không Việt Nam và thế giới;**
- b. Kỹ thuật làm việc đặc thù trong môi trường hàng không;**
- c. Yếu tố tâm lý con người trong hoạt động khai thác hàng không.**

⁹⁹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định Mục 64 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Phụ lục 1 Điều 7.135: Mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép học viên bay¹⁰⁰

¹⁰⁰ Phụ lục Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục 6 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

	<p>ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP (APPLICATION FOR) GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG (ORIGINAL AIRMAN LICENSE) THÀNH VIÊN TỒ BAY [FLIGHT CREW MEMBER]</p>	<p>HƯỚNG DẪN (INSTRUCTIONS) In hoặc đánh máy. Không viết vào phần bôi đen, phần này chỉ dành cho Cục HKVN. Chỉ nộp đơn bản gốc cho phòng Tiêu chuẩn An toàn bay hoặc người được Cục Hàng không ủy quyền, nếu thiếu chỗ thì dùng tờ dính kèm (Print or type. Do not write in shaded areas, these are for CAAV use only. Submit original only to the Flight Safety Standards Department or a CAAV Authorized Person. If additional space is required, use an attachment)</p>														
<p>A. TÔI LÀM ĐƠN NÀY ĐỀ NGHỊ (APPLICATION IS HEREBY MADE FOR) <input type="checkbox"/> CẤP MỚI (ISSUANCE) <input type="checkbox"/> CẤP LẠI CÁC GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM SAU (REISSUANCE OF THE FOLLOWING VIETNAM AIRMAN LICENSE):</p>																
<p>1. <input type="checkbox"/> HỌC VIÊN BAY (STUDENT PILOT) 3. <input type="checkbox"/> NGƯỜI LÁI TÀU BAY THƯƠNG MẠI (COMMERCIAL PILOT) 5. <input type="checkbox"/> CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG (FLIGHT ENGINEER) 7. <input type="checkbox"/> NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY (FLIGHT DISPATCHER)</p> <p>2. <input type="checkbox"/> NGƯỜI LÁI TÀU BAY TƯ NHÂN (PRIVATE PILOT) 4. <input type="checkbox"/> NGƯỜI LÁI TÀU BAY VẬN TẢI HÀNG KHÔNG (AIRLINE TRANSPORT PILOT) 6. <input type="checkbox"/> GIÁO VIÊN BAY (FLIGHT INSTRUCTOR) 8. <input type="checkbox"/> LOẠI KHÁC (OTHER):</p>																
<p>B. GIẤY PHÉP HOẶC NĂNG ĐỊNH ĐỀ NGHỊ (LICENSE OR RATING APPLIED FOR ON BASIS OF):</p>																
<p><input type="checkbox"/> 1. HOÀN THIÊN YÊU CẦU KIỂM TRA KIẾN THỨC VÀ KỸ NĂNG (COMPLETION OF REQUIRED KNOWLEDGE AND SKILL TEST)</p>	<p><input type="checkbox"/> 2. LOẠI TÀU BAY ĐƯỢC SỬ DỤNG (AIRCRAFT TO BE USED) (Nếu có yêu cầu kiểm tra bay -if flight test required)</p>	<p><input type="checkbox"/> 3. TỔNG GIỜ BAY TRÊN LOẠI TÀU BAY / SIM /FTD (TOTAL TIME IN THIS AIRCRAFT/SIM/FTD Hours)</p>	<p><input type="checkbox"/> 4. GIỜ BAY LÁI CHÍNH (PILOT-IN-COMMAND Hours)</p>													
<p>C. CHUNG LOẠI VÀ/ HOẶC HẠNG TÀU BAY CÓ LIÊN QUAN (THE FOLLOWING CATEGORY AND/OR CLASS IS INVOLVED):</p>																
<p>1. <input type="checkbox"/> TÀU BAY MỘT ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – SINGLE ENGINE LAND) 5. <input type="checkbox"/> TÀU LƯỢN (GLIDER.....(SPECIFY TOW)→</p> <p>2. <input type="checkbox"/> TÀU BAY NHIỀU ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – MULTIENGINE LAND) 6. <input type="checkbox"/> MÁY BAY LÊN THĂNG (ROTORCRAFT.....(SPECIFY CLASS)→</p> <p>3. <input type="checkbox"/> TÀU BAY MỘT ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – SINGLE ENGINE SEA) 7. <input type="checkbox"/> NHE HƠN KHÔNG KHÍ (LIGHTER THAN AIR.(SPECIFY CLASS))→</p> <p>4. <input type="checkbox"/> TÀU BAY NHIỀU ĐỘNG CƠ (AEROPLANE – MULTIENGINE SEA) 8. <input type="checkbox"/> POWERED LIFT</p>																
<p>D. NĂNG ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN (THE FOLLOWING RATING IS INVOLVED):</p>																
<p>1. <input type="checkbox"/> THIẾT BỊ (INSTRUMENT) 3. <input type="checkbox"/> NĂNG ĐỊNH LOẠI BỔ SUNG (ADDED TYPE RATING.....(SPECIFY)→</p> <p>2. <input type="checkbox"/> CHUNG LOẠI II HOẶC III (CATEGORY II OR III APPROACHES.) 4. <input type="checkbox"/> NĂNG ĐỊNH KHÁC (OTHER RATING.....(SPECIFY)→</p>																
<p>E. THÔNG TIN CÁ NHÂN (AIRMAN PERSONAL INFORMATION):</p>																
<p>1. TÊN (Họ, tên, tên lót) - NAME (Last, First, Middle)</p>		<p>2. ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ (Đường phố hoặc Hòm thư)-PERMANENT ADDRESS (Street or PO Box Number)</p>														
<p>3. ĐIỆN THOẠI VÀ FAX (TELEPHONE AND FAX)</p>		<p>4. CITY THÀNH PHỐ/STATE/PROVINCE TỈNH MAIL CODE COUNTRY QUỐC GIA</p>														
<p>5. NGÀY THÁNG NĂM SINH (THÁNG, NGÀY, NĂM) DATE OF BIRTH (MONTH, DAY, YEAR)</p>		<p>6. NƠI SINH (PLACE OF BIRTH)</p>	<p>7. QUỐC TỊCH NATIONALITY (CITIZENSHIP)</p>													
<p>8. TRÌNH ĐỘ NGÔN NGỮ Language Proficiency Level 4/+? <input type="checkbox"/> Có (Yes) <input type="checkbox"/> Không (No)</p>																
<p>9. CHIỀU CAO (HEIGHT)</p>	<p>10. CÂN NẶNG (WEIGHT)</p>	<p>11. TÓC (HAIR)</p>	<p>12. MẮT (EYES)</p>													
<p>13. GIỚI TÍNH (SEX)</p>	<p>14. ĐỊA CHỈ HỒM THƯ ĐIỆN TỬ (E-MAIL ADDRESS)</p>		<p>15. For FSI Use</p>													
<p>F. GHI CHÉP GIỜ BAY (RECORD OF PILOT TIME) (Không viết vào phần tô bóng -Do Not Write In The Shaded Areas):</p>																
	Tổng (Total)	Bay dưới sự hướng dẫn (Instruction Received)	Bay đơn (Solo)	Lái chính - Pilot In Command (PIC)	Bay đường dài dưới sự hướng dẫn (Cross Country Instruction Received)	Bay đơn đường dài (Cross Country Solo)	Bay tài chính đường dài (Cross Country PIC)	Bay bằng thiết bị (Instrument)	Bay đêm dưới sự hướng dẫn (Night Instruction Received)	Cấp/ hạ cánh đêm (Night Take-Off/ Landing)	Lái chính đêm (Night PIC)	Lái chính cất/ hạ cánh đêm (Night Take-Off/ Landing PIC)	Số chuyến bay (Number Of Flights)	Number Of Aero-Tows	Number Of Ground Launches	Number Of Power Launches
													<p>DANH ẢNH TÀI DẠY BẮT BUỘC APPLICANT PHOTO HERE (Kích thước hộ chiếu -Passport Size)</p>			
Tàu lượn (Gliders)																
(Free Balloon)																
Khí cầu (Airsip)																
Tàu bay (Aeroplane)				Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)				Lái chính (PIC)	Lái chính (PIC)				
				Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)				Lái phụ (SIC)	Lái phụ (SIC)				

CAAV-FSSD Form 541 [2]2015

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

Máy bay lên thẳng (Rotorcraft)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)	Lái chính (PIC)
			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)	Lái phụ (SIC)
Nâng bằng lực (Powered Lift)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)			Lái chính (PIC)	Lái chính (PIC)
			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)			Lái phụ (SIC)	Lái phụ (SIC)
Buồng lái mô phỏng (Simulator)										
Thiết bị huấn luyện (Training Device)										
PCATD										

G. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ SỨC KHỎE (MEDICAL EVALUATION INFORMATION):

1. HẠNG CHỨNG CHỈ (CLASS OF CERTIFICATE)	2. QUỐC GIA CẤP (STATE OF ISSUE)	3. NGÀY CẤP (DATE OF ISSUE)	4. GIÁM ĐỊNH VIÊN (MEDICAL EXAMINER)
--	----------------------------------	-----------------------------	--------------------------------------

H. BẠN ĐÃ BỊ KIỂM TRA KHÔNG ĐẠT CHO GIẤY PHÉP HOẶC NĂNG ĐỊNH NÀY CHƯA (HAVE YOU FAILED A TEST FOR THIS LICENSE OR RATING?) 1. Có (Yes) 2. Không (No)

I. CHỨNG THỰC (APPLICANT'S CERTIFICATION)— Tôi Cam đồng ý tất cả những thông tin cung cấp ở trên là chính xác và đúng sự thật, và tôi đồng ý rằng đó là cơ sở để cấp giấy phép cho tôi (I certify that all statements and answers provided by me on this application form are complete and true to the best of my knowledge and I agree that they are to be considered as part of the basis for issuance of any CAAV license to me).

A person shall not with intent to deceive: (c) make any false representation for the purpose of procuring for himself or any other person the grant, issue, renewal or variation of any such license...

1. NGÀY (DATE)	2. CHỮ KÝ CỦA ỨNG VIÊN (APPLICANT SIGNATURE):
----------------	---

J. Ý KIẾN CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN (INSTRUCTOR'S RECOMMENDATION)
 Tôi đã hướng dẫn cho ứng viên và xem xét cho cá nhân này thực hiện bài kiểm tra (I have personally instructed the applicant and consider this person ready to take the test).

1. Ngày (Date)	2. Chữ ký của người hướng dẫn (Instructor's Signature) (Tên và chữ ký -Print Name and Sign)	3. Số giấy phép (License Number)	4. Thời hạn giấy phép (License Expires)
----------------	---	----------------------------------	---

K. DESIGNATED EXAMINER'S OR AIRMAN CERTIFICATION REPRESENTATIVE REPORT

1. Giấy phép học viên bay (Student Pilot License Issued) (bản chụp -Copy Attached)

2. Tôi đã kiểm tra sổ ghi giờ bay và/ hoặc hồ sơ huấn luyện, và xác nhận cá nhân phù hợp với yêu cầu của Bộ quy chế An toàn Hàng không Phần 7 cho việc cấp giấy phép hoặc năng định (I have personally reviewed this applicant's pilot logbook and/or training record, and certify that the individual meets the pertinent requirements of VAR Part 7 for the license or rating sought).

3. Tôi đã kiểm tra kiến thức (I have personally tested this applicant's knowledge).

4. Tôi đã kiểm tra và / hoặc I have personally tested and/or verified this applicant in accordance with pertinent procedures and standards with the results indicated below.

5. Đồng ý (Approved) – Giấy phép được cấp (License Issued) (bản gốc -Original Attached)

6. Không đồng ý (Disapproved) – Báo cáo không đồng ý (Disapproval Notice Issued) (Bản gốc- Original Attached)

7. Địa điểm kiểm tra (Location of Test) (Thiết bị, Thành phố, đảo/bang/hình - Facility, City, Island/State/Province)	8. Thời gian kiểm tra (Duration of Test)		
	(a) Mặt đất (Ground)	(b) Buồng lái giả định / Thiết bị huấn luyện (Simulator/FTD)	(c) Bay (Flight)
9. Giấy phép hoặc năng định kiểm tra (License or Rating for Which Tested)	10. Loại tàu bay (Type of Aircraft Used)	11. Số đăng ký (Registration No)	
12. Ngày (Date)	13. Chữ ký của giáo viên kiểm tra (Examiner's Signature) (Tên và chữ ký - Print Name & Sign)	14. Số giấy phép (License No).	15. Số ủy quyền (Designation No).
			16. Thời hạn ủy quyền (Designation Expires)

L. ĐÁNH GIÁ (EVALUATOR'S RECORD) (Dùng cho giấy phép lái máy bay vận tải hàng không và / hoặc năng định loại -Use For ATP License And/Or Type Ratings):

	GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN (INSPECTOR)	GIÁO VIÊN KIỂM TRA (EXAMINER)	Ký tên và số giấy phép (Signature and License Number)	Ngày (Date)
1. Phỏng vấn (Oral)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	_____	_____
2. Buồng lái mô phỏng được phê chuẩn / Thiết bị huấn luyện (Approved Simulator/Training Device Check)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	_____	_____
3. Kiểm tra bay (Aircraft Flight Check)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	_____	_____

M. BÁO CÁO CẦU GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN HOẶC CHUYÊN VIÊN CẤP PHÉP NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG (AVIATION SAFETY INSPECTOR OR PEL LICENSING OFFICER REPORT)
 I have personally tested this applicant in accordance with or have otherwise verified that this applicant complies with pertinent procedures, standards, policies, and/or necessary requirements with the result indicated below

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

1. <input type="checkbox"/> Đồng ý (Approved) — Cấp giấy phép tạm thời (Temporary License Issued (Bản gốc -Original Attached))		2. <input type="checkbox"/> Không đồng ý -Disapproved – Báo cáo không đồng ý (Disapproved Notice Issued) (Bản gốc -Original Attached)	
3. Địa điểm kiểm tra (Location of Test) (Thiết bị, Thành phố, đảo/bang/tỉnh -Facility, City, Island/State/Province)		4. Thời gian kiểm tra (Duration of Test)	
		(a) Mặt đất (Ground)	(b) Buồng lái mô phỏng/thiết bị huấn luyện (Simulator/FTD)
		(c) Bay (Flight)	
5. Giấy phép hoặc năng định kiểm tra (License or Rating for Which Tested)	6. Loại tàu bay (Type(s) of Aircraft Used)	7. Số đăng ký (Registration No.(s))	
8. <input type="checkbox"/> Giấy phép học viên bay (Student Pilot License Issued)	13. <input type="checkbox"/> Giấy phép hoặc năng định cơ bản (License or Rating Based)	14. <input type="checkbox"/> Giáo viên hướng dẫn bay (Flight Instructor)	16. <input type="checkbox"/> Giáo viên mặt đất (Ground Instructor)
9. <input type="checkbox"/> Ý kiến của giáo viên kiểm tra (Examiner's Recommendation)	(a) <input type="checkbox"/> Trình độ khóa học được phê chuẩn (Approved Course Graduate)	(a) <input type="checkbox"/> Cấp lại (Renewal)	(b) <input type="checkbox"/> Hồi phục (Reinstatement)
(a) <input type="checkbox"/> Đồng ý (Accepted)	(b) <input type="checkbox"/> Tiêu chuẩn khác được Cục HKVN phê chuẩn (Other Approved CAAV Qualification Criteria)	15. Instructor Renewal Based On	
10. <input type="checkbox"/> Cấp lại hoặc đổi giấy phép người lái tàu bay (Reissue or Exchange of Pilot License)		(a) <input type="checkbox"/> Hoạt động (Activity)	(c) <input type="checkbox"/> Khóa huấn luyện (Training Course)
11. <input type="checkbox"/> Hướng dẫn kiểm tra sức khỏe đặc biệt (Special Medical test conducted)		(b) <input type="checkbox"/> Kiểm tra (Test)	(d) <input type="checkbox"/> Nhiệm vụ và trách nhiệm (Duties and Responsibilities)
12. <input type="checkbox"/> Hướng dẫn kiểm tra trình độ ngoại ngữ (Language Proficiency test conducted)		19. Ngày kết thúc (Graduation Date)	
17. Tên khóa huấn luyện (Training Course (FIRC) Name)	18. Số chứng chỉ trung tâm huấn luyện được phê chuẩn (ATO Certificate No.)	23. CASORT-PEL Entry	
20. Ngày (Date)	21. Chữ ký của giáo viên kiểm tra (Inspector's Signature) (Tên & chữ ký - Print Name & Sign)	22. Số kiểm soát (Control Number)	

N. HỒ SƠ ĐÍNH KÈM (ATTACHMENTS):		6. <input type="checkbox"/> Thông tin cá nhân được kiểm tra (Airman's Identification (ID) checked) ID-_____
1. <input type="checkbox"/> Giấy phép học viên bay (Student Pilot License) (bản chụp -copy)	7. _____	11. _____
2. <input type="checkbox"/> Báo cáo kiểm tra (Knowledge Test Report)	Mẫu của ID (Form of ID)	Tên (Name)
3. <input type="checkbox"/> Giấy phép tạm thời (Temporary Airman License)	8. _____	12. _____
4. <input type="checkbox"/> Báo cáo không đồng ý (Notice of Disapproval)	9. _____	13. _____
5. <input type="checkbox"/> Giấy phép thay thế (Superseded Airman License)	10. _____	14. _____
	Số điện thoại (Telephone Number)	Số giấy phép (License Number)
		Địa chỉ hộp thư điện tử (E-Mail Address)

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.137: CÁC THAO TÁC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN HỌC VIÊN TRƯỚC KHI BAY ĐƠN.

- (a) Ngoài các yêu cầu ở mục 7.137, người lái học viên được huấn luyện bay đơn phải được huấn luyện bay có ghi nhật ký theo qui định tại Bảng 1-7.137 về các thao tác và các phương thức, như áp dụng, đối với mỗi năng định hạng và loại:

Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau:

A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trục thẳng; RG= Tàu bay động cơ Rotor-Gyroplane; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.137 CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC CỤ THỂ	A	RH	RG	G	LA	FB
(1) Các qui trình chuẩn bị bay cụ thể, bao gồm chuẩn bị và kế hoạch trước khi bay, khởi động hệ thống tạo lực và các hệ thống của tàu bay	X	X	X	X	X	X
(2) Bố trí và các phương thức lắp đặt						X
(3) Các qui trình lắp đặt và tháo rời tàu lượn				X		
(4) Lăn hoặc khai thác trên bề mặt, gồm cả	X	X	X	X	X	X

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(5) Kiểm tra việc chỉnh hướng kéo và xem lại hệ thống tín hiệu và các phương thức đưa vào khai thác				X		
(6) Kéo đẩy trên không, kéo đẩy dưới mặt đất, hoặc các phương thức tự vận hành				X		
(7) Bay chờ và các vòng lượn bay chờ		X				
(8) Cất cánh và hạ cánh, bao gồm CHC bình thường và có gió cạnh	X	X	X	X	X	X
(9) Khởi hành: bình thường và có gió cạnh				X		
(10) Phương thức bay tại sân bay bao gồm cả đi và đến.	X	X	X	X	X	
(11) Chông va chạm, tránh gió cắt và tránh nhiễu động không khí	X	X	X	X	X	X
(12) Lấy độ cao và hạ độ cao						X
(13) Lấy độ cao và vòng lượn lấy độ cao	X	X	X	X	X	X
(14) Bay thẳng và theo mức độ, vòng lượn theo	X	X	X	X	X	X
(15) Các phương thức và kỹ thuật bay cao				X		
(16) Căn chỉnh, cân bằng và kiểm soát áp suất trong ballonets và superheating					X	
(17) Vận hành nguồn khí nóng hoặc gas, cân bằng, van, thông gió và kênh rip như áp dụng						X
(18) Hạ độ cao với vòng lượn và không vòng lượn sử dụng cấu hình lực cản cao và thấp	X	X	X	X	X	X
(19) Bay với các vận tốc khác nhau từ bay đường dài đến bay chậm	X	X	X	X	X	
(20) Vào thất tốc từ các trạng thái bay khác nhau và tổng hợp của công suất với khả năng phục hồi được bắt đầu ngay khi có dấu hiệu chỉ báo thất tốc đầu tiên, và sự phục hồi từ thất tốc	X	X		X		
(21) Các phương thức khẩn nguy và sai chức năng thiết bị	X	X	X	X	X	X
(22) Cơ động trên mặt đất	X	X	X			
(23) Tiếp cận khu vực hạ cánh	X	X	X	X	X	X
(24) Ảnh hưởng của gió khi lấy độ cao và đối với các góc tiếp cận						X
(25) Phát hiện các trở ngại và các kỹ thuật tránh						X

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(26) Tiếp cận khu vực hạ cánh với động cơ giả định thực hiện sai chức năng	X	X	X		X	
(27) Tiếp cận với một động cơ giả định không hoạt động và hạ cánh đối với tàu bay nhiều động cơ		X				
(28) Trượt đến điểm hạ cánh	X			X		
(29) Hạ cánh với tình hình tĩnh tích cực và bất					X	
(30) Hạ cánh với các phương thức khôi phục						X
(31) Giảm tốc độ nhanh		X				
(32) Bay vòng lượn	X	X	X		X	
(33) Các phương thức khẩn nguy giả định, bao gồm giảm độ cao với cánh quay trực thăng ở chế độ làm việc tự xoay và khôi phục lại công suất động cơ		X				
(34) Các phương thức khẩn nguy giả định, bao gồm cả việc hạ cánh với tất cả động cơ bị mất công suất và cất cánh giả định với việc hỏng hệ			X			
(35) Giảm độ cao nhanh với động cơ hoạt động và với động cơ giả định không hoạt động và khôi phục từ các tình trạng này			X			
(36) Khai thác khẩn nguy, bao gồm các phương thức khai thác khi break towline				X		
(37) Sử dụng van xả áp hoặc cửa xả áp bảo vệ đối với giả định tình huống khẩn nguy						X

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.140: CÁC THAO TÁC VÀ CÁC PHƯƠNG THỨC ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN HỌC VIÊN BAY ĐƯỜNG DÀI

- (a) Học viên người lái được huấn luyện bay đường dài phải được huấn luyện có ghi nhật ký với các thao tác và phương thức theo qui định tại Bảng 1-7.140.

Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ hạng hoặc/ và loại tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; PL=Nâng bằng công suất (Powered Lift; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.140						
CÁC THAO TÁC VÀ PHƯƠNG THỨC	A	RH	PL	G	LA	FB
(1) Sử dụng các sơ đồ hàng không đối với dẫn đường VFR sử dụng với sự hỗ trợ của la bàn từ	X	X	X	X	X	
(2) Sử dụng sơ đồ về tính năng của tàu bay liên quan đến bay đường dài	X	X	X		X	

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(3) Lấy và phân tích các báo cáo và dự báo thời tiết hàng không bao gồm nhận biết các tình huống khí hậu đặc biệt và dự đoán tầm nhìn	X	X	X	X	X	
(4) Nhận biết thời tiết và các điều kiện khí quyển cao hơn thuận lợi cho việc bay cao lên, hạ độ cao và kiểm soát độ cao trong bay đường				X		
(5) Nhận biết thời tiết và các điều kiện khí quyển cao hơn khi tiến hành hướng bay đường					X	
(6) Nhận biết, tránh và các hạn chế trong khai thác khi vào khu vực địa hình hiểm trở nơi học viên tiến hành chuyến bay huấn luyện đường	X	X	X	X	X	
(7) Sử dụng đài dẫn đường VFR và liên lạc hai chiều	X	X	X		X	
(8) Lấy độ cao tại góc tốt nhất và tỉ lệ tốt nhất	X	X	X			
(9) Kiểm soát áp suất không khí liên quan đến lấy độ cao và hạ độ cao chuyến bay và kiểm					X	
(10) Kiểm soát và hành động chủ yếu theo phương thức bay bằng thiết bị, bao gồm bay thẳng và bay level, vòng lượn, hạ độ cao, lấy độ cao sử dụng hỗ trợ của đài dẫn đường và các	X	X	X		X	
(11) Hạ cánh không sử dụng đồng hồ đo độ cao từ ít nhất 2000 bộ (ft) so với mặt đất				X		

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.155: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TU NHÂN

- (a) Ngoài các yêu cầu ở mục 7.155, các yêu cầu về kiến thức hàng không đối với người lái tu nhân phù hợp với năng định loại và hạng đề nghị cấp qui định trong bảng sau:

Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau:

A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor-Gyroplane; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.153 CÁC MÔN HỌC CU THỂ	A	RH	RG	PL	G	LA	FB
(a) Áp dụng luật và các qui định về hàng không, qui trình lấy dụng cụ đo; các phương thức và thực hành dịch vụ không lưu phù hợp	X	X	X	X	X	X	X

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(b) Các qui tắc khai thác (và lập chức năng của hệ thống tạo lực, nếu áp dụng), hệ thống và thiết bị bao gồm các giới hạn liên quan đến năng định loại tàu bay đề nghị cấp	X	X	X	X	X	X	X
(c) Các hạn chế trong khai thác của loại tàu bay có liên quan (và hệ thống tạo lực nếu áp dụng), thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn khai thác bay và tài liệu phù hợp	X	X	X	X	X	X	X
(d) Các phương thức chuyển đổi (truyền dẫn		X		X			
(e) Các đặc tính vật lý và áp dụng thực hành						X	X
(f) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải dựa trên các đặc tính bay, trọng tải và tính toán cân bằng.	X	X	X	X	X	X	X
(g) Sử dụng và thực hành áp dụng cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu khác, bao gồm ảnh hưởng của nhiệt độ;	X	X	X	X	X	X	X
(h) Lập kế hoạch trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân bằng VFR	X	X	X	X		X	
(1) Lập kế hoạch trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân bằng VFR; chuẩn bị và thực hiện lập kế hoạch bay dịch vụ không lưu	X	X	X	X		X	
(2) Các phương thức bay dịch vụ không lưu phù	X	X	X	X	X	X	X
(3) Các phương thức báo cáo vị trí	X	X	X	X		X	
(4) Các phương thức chỉnh thiết bị đo độ cao	X	X	X	X	X	X	X
(5) Khai thác trong khu vực bay với mật độ cao, tránh va chạm	X	X	X	X	X	X	X
(6) Thu lượm thông tin trên độ dài đường CHC tại sân bay có ý định sử dụng, dữ liệu về khoảng cách cất cánh và hạ cánh	X	X	X	X	X		
(7) Xác định các yêu cầu tối thiểu về nhiên liệu	X	X	X	X		X	X
(8) Lập kế hoạch chuyển đổi nếu chuyến bay theo kế hoạch không thể thực hiện hoặc trì	X	X	X	X	X	X	X
(9) Khai thác trong khu vực bay với mật độ cao	X	X	X	X	X	X	X
(i) Đặc điểm của con người liên quan đến loại tàu bay bao gồm các qui tắc quản lý rủi ro và đ	X	X	X	X	X	X	X
(j) Áp dụng khí tượng hàng không	X	X	X	X	X	X	X
(1) Các phương thức tiếp nhận thông tin thời tiết; thiết bị đo	X	X	X	X	X	X	X

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(2) Lấy và sử dụng các báo cáo và dự báo thời tiết	X	X	X	X	X	X	X
(k) Các phương diện thực hành về dẫn đường trên không và kỹ thuật dead-reckoning; sử dụng sơ đồ hàng không đối với dẫn đường VFR;	X	X	X	X	X	X	X
(l) Áp dụng quản lý đe dọa và rủi ro trong khai thác	X	X	X	X		X	X
(m) Các phương thức chỉnh thiết bị đo độ cao	X	X	X	X	X	X	X
(n) Sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các code và chữ viết tắt	X	X	X	X	X	X	X
(o) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng và các hành động liên quan đến loại tàu bay; bao						X	X
(1) Tránh khu vực thời tiết xấu, nhiễu động và các đe dọa khác đối với khai thác:						X	X
(p) Các hành động tránh đe dọa đối với khai thác như ổn định động cơ, sự cộng hưởng trên mặt đất, mất điều khiển lá quét lùi, quay động lực học và các đe dọa khác đối với khai thác; các phương thức khai thác an toàn gắn với bay		X	X				
(q) Các qui tắc bay liên quan đến loại tàu bay	X	X	X	X	X	X	X
(r) Các phương thức liên lạc vô tuyến điện và thoại như áp dụng với khai thác VFR; hành động khi hỏng thiết bị liên lạc	X	X	X	X	X	X	X
(u) Các phương thức khởi hành khác nhau và các phương thức kết hợp					X	X	X
(v) Qui trình báo cáo sự cố	X	X	X	X	X	X	X

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.157: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY PHI CÔNG TU NHÂN

- (a) Ngoài các yêu cầu ở mục 7.157, người đề nghị cấp giấy phép lái máy bay tư nhân phải được huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm phù hợp với năng định loại và hạng tàu bay hướng dẫn theo qui định tại bảng sau:

Ghi chú: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trục thẳng; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.157 HUẤN LUYỆN CU THỂ	AS	RH	PL	G	LA	FB
(a) Nhận biết và quản lý đe dọa và rủi ro;	X	X	X		X	

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(b) Khai thác trước khi bay bao gồm	X	X	X	X	X	X
(1) Xác định trọng tải và cân bằng	X	X	X	X	X	X
(2) Kiểm tra và chuẩn bị đưa tàu bay vào khai	X	X	X	X	X	X
(3) Lắp đặt, căn chỉnh và kiểm tra tàu bay				X		X
(4) Bơm và căng tàu bay					X	X
(c) Khai thác sân bay và không lưu, bao gồm:	X	X	X	X	X	X
(1) Các phương thức và đề phòng tránh nhiễu	X	X	X	X	X	
(2) Khai thác đến và đi và chuyên sân bay kiểm soát, tuân thủ các phương thức dịch vụ không lưu:	X	X	X	X	X	
(3) Khai thác không lưu,	X	X	X	X	X	
(4) Khai thác đi và đến các sân bay;	X	X	X	X	X	
(5) Khai thác đi và đến điểm đỗ của thủy phi	X					
(6) Khai thác đi và đến sân bay trực thăng		X				
(7) Khai thác đi và đến điểm đỗ của tàu lượn				X		
(d) Kiểm soát tàu bay bằng mắt thường;	X	X	X	X	X	X
(e) Các thao tác trên mặt đất	X	X	X			
(f) Kiểm soát tàu bay trong mọi trạng thái bay và các chế độ đặc biệt của chuyến bay, bao gồm:						
(1) Bay với tốc độ rất chậm; nhận biết và hồi phục từ các giai đoạn đầu của thất tốc và thất	X		X	X		
(2) Bay với tốc độ tối đa cho phép	X		X	X		
(3) Phục hồi thất tốc trong giai đoạn đầu bằng việc điều chỉnh công suất, kỹ thuật phục hồi thất tốc do chế độ vòng quay thấp trong dải vòng quay bình thường của động cơ.		X	X			
(4) Nhận biết và phục hồi ở chế độ giảm độ cao quá nhanh.						X
(g) Cát cánh và hạ cánh bao gồm:						
(1) CHC bình thường	X			X	X	
(2) CHC có gió cắt	X			X	X	
(3) Cát cánh với các đặc tính tối đa (có chướng ngại vật hoặc đường cát hạ cánh ngắn)	X				X	
(4) Hạ cánh ngắn	X			X		
(5) Bay vòng lượn	X				X	
(6) Vận chuyển trên mặt đất và nổ máy động cơ, cất và hạ cánh treo, có gió mạnh bất thường hoặc mặt đất có độ dốc.		X	X			

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(7) CHC với lực cần thiết tối thiểu; trong lượng cất cánh tối đa và các kỹ thuật hạ cánh; khai thác tại khu vực cấm; dừng nhanh;		X	X			
(8) Các kỹ thuật và phương thức sử dụng phương pháp cất cánh (khởi hành và lấy độ cao) bao gồm giới hạn tốc độ phù hợp, các phương thức khẩn nguy và các tín hiệu được sử dụng;				X	X	X
(9) Các phương thức tiếp cận và hạ cánh, bao					X	X
(h) Bay đường dài sử dụng	X	X	X	X	X	X
(1) Mất thường;	X	X	X	X	X	X
(2) Dead reckoning;	X	X	X	X	X	
(3) Hỗ trợ của đài dẫn đường, nơi có đài dẫn	X	X	X	X	X	
(4) Bao gồm bay ít nhất là 1h.		X	X	X	X	
(i) Bay chủ yếu bằng thiết bị, bao gồm thực hiện vòng lượn 180°	X	X	X		X	
(j) Khai thác khẩn nguy bao gồm:						
(1) Thiết bị giả định thực hiện sai chức năng đối với loại tàu bay cụ thể	X	X	X	X	X	
(2) Tiếp cận tự động		X	X			
(3) Công suất liên quan đến xoay tự động và tiếp cận xoay tự động, nếu áp dụng; truyền động và driveshaft bị hỏng, nếu áp dụng			X			
(5) Nhận biết rò rỉ	X	X	X	X	X	X
(k) Các phương thức liên lạc và thoại	X	X	X	X	X	
(l) Kỹ thuật bay trời lên và ở các tốc độ thuộc đặc tính của tàu bay				X		
(1) Bay đường dài hơn 250 dặm biển, với CHC tại ba điểm riêng biệt	X	X	X			
(2) Bay đường dài hơn 1h hoặc 100 dặm biển, với CHC tại ba điểm riêng biệt		X	X			
(3) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường	X	X	X		X	
(4) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường, nếu có năng định bay đêm				X		X
(5) Các phương thức khai thác sau khi bay	X	X	X	X	X	X

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.160: CÁC QUI ĐỊNH VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI PHI CÔNG TỰ NHÂN

(a) Các yêu cầu nêu trong bảng này bổ sung vào các yêu cầu của mục 7.160

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau:

A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trục thẳng; RG= Tàu bay động cơ Rotor-Gyroplane; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

Ghi chú 2: TR= Chuyển từ A sang Rotocraft; TG= Chuyển từ A sang G; TA= Chuyển từ A hoặc R sang Airship; TP= Chuyển từ A sang PL.

BẢNG 1 – 7.160	AS	T	R	TG	RH	RG	G	TA	LA	FB
KINH NGHIỆM CỤ THỂ										
SỐ GIỜ BAY TỐI THIỂU										
(1) Tổng giờ bay	40				40	40			40	
(2) Tổng giờ bay- Khoá học được phê chuẩn	35				35	40			40	
(3) Hướng dẫn bay- Hạng tàu bay	20	20	2	20	20	10	20	20	16	
(4) Hướng dẫn bay- Bay đường dài	3			3	3			3		
(5) Hướng dẫn bay- Thiết bị	3	1		2	3			1	3	
(6) Hướng dẫn bay- Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trước 60 ngày)	3	3			3	3		3	3	
(7) Thời gian bay đơn dưới sự giám sát của giáo viên hướng dẫn bay	10	5	2	10	10	2	5	10		
(8) Thời gian bay đơn- Bay đường	5			5	5			5		
CÁC QUI ĐỊNH CỤ THỂ										
(9) Số lần cất hạ cánh đơn đến điểm dừng hoàn toàn {với mỗi lần hạ cánh liên quan đến chuyến bay theo phương thức vòng lượn} tại sân bay với đài kiểm soát đang hoạt động	5				5	5			5	
(10) Bay đơn đường dài (theo qui định tối thiểu là 300 dặm), trong hành trình được thực hiện với hai điểm hạ cánh khác nhau.										
(11) Kinh khí cầu tự do lấy độ cao, nếu dùng gas, đến 2000ft AGL										1
(12) Kinh khí cầu tự do lấy độ cao, nếu dùng bộ làm nóng, đến 3000 ft AGL										2
SỐ CHUYẾN BAY										

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(13) Các chuyến bay huấn luyện (Khởi hành và hạ cánh)			10			20			8
(14) Các chuyến bay đơn			5			10			3
(15) Các chuyến bay huấn luyện- Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trong vòng 60 ngày)			3			3			1

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.163: CÁC HẠN CHẾ TRONG GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI TƯ NHÂN CÓ NĂNG ĐỊNH KÍNH KHÍ CẦU

- (a) Các yêu cầu trong Phụ lục này bổ sung cho Điều 7.163.
- (b) Nếu người đề nghị cấp giấy phép người lái tư nhân với năng định kính khí cầu kiểm tra thực hành trên kính khí cầu dùng hơi nóng thì:
- (1) Cục HKVN phải giới hạn trong giấy phép là năng định kính khí cầu dùng hơi nóng; và
 - (2) Người lái có thể xoá bỏ hạn chế bằng cách đạt được kinh nghiệm lái kính khí cầu gas và được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm xác nhận trong nhật ký bay là anh ta có đầy đủ kinh nghiệm theo qui định và có khả năng khai thác kính khí cầu gas.
- (c) Nếu người đề nghị cấp giấy phép tư nhân với năng định kính khí cầu kiểm tra thực hành trên kính khí cầu gas thì:
- (1) Cục HKVN phải giới hạn trong giấy phép là năng định kính khí cầu gas; và
 - (2) Người lái có thể xoá bỏ hạn chế bằng cách đạt được kinh nghiệm lái kính khí cầu có bộ đốt trong khi bay (airborne heater) và được giáo viên hướng dẫn do Cục HKVN bổ nhiệm chứng thực vào nhật ký bay là anh ta có đầy đủ kinh nghiệm theo qui định và có khả năng khai thác kính khí cầu airborne heater.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.175: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC LÝ THUYẾT ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THƯƠNG MẠI

- (a) Ngoài các qui định tại mục 7.175, người đề nghị cấp giấy phép thương mại phải được huấn luyện trên mặt đất có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các lĩnh vực kiến thức tại khoản (b) của mục này áp dụng đối với năng định loại và hạng tàu bay đề nghị cấp.

Ghi chú 1; Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kính khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.175							
-----------------------	--	--	--	--	--	--	--

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

CÁC MÔN CU THỂ	A	RH	PL	G	LA	FB
(a) Áp dụng luật và các qui định liên quan đến người có CPL, các qui tắc không lưu và các phương thức và thực hành dịch vụ không lưu	X	X	X	X	X	X
(b) Các qui tắc khai thác và hoạt động của hệ thống tạo lực, các hệ thống và thiết bị bao gồm các giới hạn liên quan đến năng định tàu bay đề nghị cấp	X	X	X	X	X	X
(c) Các hạn chế trong khai thác của loại tàu bay và hệ thống tạo lực có liên quan; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay hoặc tài liệu phù hợp khác;	X	X	X	X	X	X
(d) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và hệ thống tàu bay phù hợp;	X	X	X	X	X	X
(e) Các qui trình bảo dưỡng khung sườn, hệ thống và hệ thống tạo lực của tàu bay phù hợp;	X	X	X	X	X	X
(f) Truyền động;		X	X			
(g) Các đặc tính vật lý và áp dụng đối với gas;					X	X
(h) Các ảnh hưởng của chất tải và phân phối trọng lượng đối với các đặc tính và tính năng; tính tải và cân bằng	X	X	X	X	X	X
(i) Sử dụng và áp dụng thực tế CHC và các dữ liệu về tính năng khác,	X	X	X	X	X	X
(j) Lập kế hoạch bay trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác thương mại theo VFR; bao gồm:	X	X	X	X	X	X
(1) Lập kế hoạch bay trước khi bay và trong chuyến bay phù hợp với khai thác tư nhân theo VFR; chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch bay dịch vụ không lưu;	X	X	X		X	
(2) Các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp	X	X	X	X	X	X
(3) Các phương thức báo cáo vị trí của tàu bay	X	X	X		X	
(4) Các qui trình đặt đồng hồ đo độ cao;	X	X	X	X	X	X
(5) Khai thác trong khu vực có mật độ không lưu cao; tránh va chạm	X	X	X	X	X	X
(6) Thu thập thông tin về độ dài đường CHC tại sân bay dự kiến sử dụng, dữ liệu về khoảng cách CHC;	X	X	X	X		

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(7) Xác định các yêu cầu tối thiểu về nhiên	X	X	X		X	X
(8) Lập kế hoạch thay thế nếu chuyến bay theo kế hoạch không thể thực hiện hoặc bị trì hoãn	X	X	X	X	X	X
(k) Các ảnh hưởng của việc chất tải bên ngoài đối với việc điều khiển;		X	X			
(l) Đặc điểm của con người bao gồm các qui tắc quản lý đe dọa và rủi ro;	X	X	X	X	X	X
(m) Dịch và áp dụng các báo cáo, sơ đồ và dự báo khí tượng; sử dụng và các phương thức thu thập thông tin khí tượng trước và trong chuyến bay; đồng hồ đo độ cao;	X	X	X	X	X	X
(n) Khí tượng hàng không; khí hậu tại các khu vực liên quan đối với các yếu tố có ảnh hưởng đến hàng không; sự chuyển động của hệ thống áp suất, cấu trúc phía trước; và đặc điểm và các đặc tính của hiện tượng thời tiết điển hình có ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh,	X	X	X	X	X	X
(o) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của sự đóng băng; các phương thức đưa vào ở phía trước; tránh khu vực thời tiết xấu;	X	X	X	X	X	X
(p) Không lưu, bao gồm việc sử dụng các sơ đồ, thiết bị và hỗ trợ dẫn đường, sự am hiểu các qui tắc và các đặc tính của hệ thống dẫn	X	X	X	X	X	X
(q)(i) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của hệ thống điện điện tử và các thiết bị cần thiết đối với kiểm soát và dẫn					X	
(q)(ii) Sử dụng, độ chính xác và độ tin cậy của hệ thống dẫn đường được sử dụng trong các giai đoạn cất cánh, bay hành trình và hạ					X	
(q)(iii) Các nguyên lý và đặc tính của hệ thống dẫn đường của tàu bay và hệ thống thống dẫn đường và tham chiếu bên ngoài, sự hoạt động của các thiết bị trên tàu bay.					X	
(r) Áp dụng quản lý rủi ro và đe dọa đối với tính năng khai thác;	X	X	X	X	X	X
(s) Sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các mã cài đặt và chữ viết tắt	X	X	X	X	X	X

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(t) Qui trình đặt đồng hồ	X	X	X	X	X	X
(u) Qui trình đề phòng và khẩn nguy phù hợp,	X	X	X	X	X	X
(v) Các phương thức khai thác vận chuyển thẳng (bao gồm chất tải bên ngoài), các nguy cơ nguy hiểm liên quan đến hàng nguy hiểm;						
(w) Các yêu cầu và thực hành giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm đề phòng khi đưa hành khách lên tàu bay và rời khỏi tàu	X	X	X	X	X	X
(x) Các hành động khẩn nguy và đề phòng để tránh rủi ro trong khai thác, như ổn định động		X	X			
(y) Các qui tắc bay;	X	X	X	X	X	X
(z) Các phương thức liên lạc điện đài và thoại như áp dụng khai thác VFR; hoạt động trong trường hợp liên lạc hỏng.	X	X	X	X	X	X

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.177: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP CPL

- (a) Tổng quát: Ngoài các qui định tại mục 7.177, người đề nghị cấp CPL phải được huấn luyện trên mặt đất và huấn luyện bay có ghi nhật ký do giáo viên được Cục HKVN bổ nhiệm hướng dẫn về các giai đoạn bay khai thác áp dụng đối với năng định hạng và loại đề nghị cấp theo qui định tại bảng dưới đây.

Ghi chú 1; Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.177 CÁC YÊU CẦU HUẤN LUYỆN CỤ THỂ	A	RH	PL	G	LA	FB
(1) Nhận biết và quản lý rủi ro và đe dọa;	X	X	X	X	X	X
(2) Cân bằng khai thác trước khi bay, xác định trọng tải, kiểm tra và phục vụ tàu bay.	X	X	X	X	X	X
(3) Sân bay và khai thác bay vòng lượn bao gồm:	X	X	X	X	X	X
(a) Các phương thức cảnh báo tránh va chạm.	X	X	X	X	X	
(b) Khai thác đi, đến và bay qua sân bay có kiểm soát phù hợp với các phương thức dịch vụ không lưu	X	X	X	X	X	
(c) Khai thác bay vòng lượn,	X	X	X	X	X	

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(d) Khai thác đi và đến các sân bay	X	X	X	X	X	
(4) Kiểm soát tàu bay bằng địa tiêu	X	X	X	X	X	X
(5) Kiểm soát tàu bay trong các giai đoạn bay xung yếu, bao gồm:						
(a) Bay với tốc độ chậm đặc biệt; nhận dạng và hồi phục từ giai đoạn chòng chành ban đầu.	X		X	X		
(b) Bay với công suất lệch đối với năng định hạng hoặc loại tàu bay nhiều động cơ	X		X	X		
(c) Bay ở độ cao tối đa cho phép	X		X	X		
(d) Hồi phục ở giai đoạn đầu bằng cách ổn định công suất; kỹ thuật		X	X			
(e) Bay treo ngoài tác động của các ảnh hưởng từ mặt đất, khai thác với tải treo ngoài nếu áp dụng; bay ở độ cao cao.		X	X			
(6) CHC, bao gồm:						
(a) CHC bình thường	X			X	X	
(b) CHC có gió cắt	X			X	X	
(c) Tính năng tối đa	X				X	
(d) Hạ cánh ngắn	X			X		
(e) Bay vòng lượn	X				X	
(f) Vận hành trên mặt đất và nổ máy động cơ, cất và hạ cánh treo, trong trường hợp bình thường, gió mạnh hoặc mặt đất bị dốc, hoặc tiếp cận thẳng đứng hoặc độ dốc lớn.		X	X			
(g) Cất cánh, lấy độ cao và tiếp cận theo phương thức Rolling.		X	X			
(h) CHC với công suất động cơ tối thiểu cần thiết; các kỹ thuật CHC sử dụng tính năng tối đa; khai thác tại khu vực cấm, dừng nhanh;		X	X			
(i) Các kỹ thuật và phương thức cất cánh (phương pháp rời đất và lấy độ cao được sử dụng, bao gồm cả các giới hạn tốc độ phù hợp và phương thức cũng như tín hiệu sử dụng.				X	X	X
(j) Tiếp cận và hạ cánh bao gồm kiểm soát trên mặt đất					X	X
(7) Bay theo phương thức bay bằng thiết bị (IFR)	X	X	X		X	
(8) Các thao tác bay cơ bản và khả năng phục hồi từ các tình huống bất thường.	X	X	X		X	

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(9) Bay đường dài sử dụng địa tiêu, có điều khiển dead reckoning và các phương tiện hỗ trợ dẫn đường; các phương thức bay đến sân bay dự	X	X	X	X	X	X
(10) Các phương thức và thao tác bay bất thường và khẩn cấp.	X	X	X		X	
(a) Hạ cánh xoay tự động;		X	X			
(b) Công suất được chuyển đổi sang chế độ quay tự động và tiếp cận với chế độ tự quay khi cần thiết; hỏng hóc của bộ truyền động hoặc trục ngắt bị hỏng trong trường hợp cần thiết	X	X	X		X	
(c) Nhận biết rò rỉ;	X	X	X		X	
(11) Các phương thức liên lạc và liên lạc thoại					X	X
(12) Bơm lốp và chằng néo máy bay					X	X
(13) Cơ động trên mặt đất, cất cánh và đứng yên		X				
(14) Khai thác từ sân bay	X	X	X	X	X	
(a) Khai thác đi và đến nơi đỗ thủy phi cơ	X					
(b) Khai thác đi và đến sân bay trực thăng		X				
(c) Khai thác bay vòng lượn,	X	X	X	X	X	
(d) Khai thác đi, đến và quá cảnh qua sân bay kiểm soát, tuân thủ các phương thức dịch vụ không lưu, liên lạc thoại	X	X	X		X	
(15) Lập kế hoạch trước khi bay bao gồm tính tải và cân bằng	X	X	X	X	X	X
(16) Các kỹ thuật và phương thức cất cánh và lấy độ cao bao gồm hạn chế tốc độ phù hợp, các phương thức và tín hiệu khẩn nguy				X		X
(17) Cất cánh bình thường và có gió cắt	X	X	X	X	X	
(18) Tính năng cất cánh tối đa (đường băng ngắn và không có vật cản)	X	X	X			
(19) Cất cánh với công suất cất cánh tối thiểu cần thiết, không có gió và có độ dốc;		X				
(20) Cất cánh ở sân bay có độ cao cao	X	X	X			
(21) Hạ cánh bình thường và có gió cắt	X	X	X	X	X	
(22) Tính năng hạ cánh tối	X	X	X			
(23) Hạ cánh với công suất cần thiết; không có gió, đất dốc;		X				
(24) Hạ cánh ở độ cao cao	X	X	X			
(25) Vòng lượn khi tiếp cận hạ cánh	X	X	X		X	
(26) Lắp đặt, căn chỉnh và kiểm tra tàu bay				X		X

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(27) Khai thác trong khu vực hạn chế, dừng		X				
(28) Tiếp cận dốc		X				
(29) Tiếp cận và hạ cánh xoay tự động		X	X			
(30) Tiếp cận và hạ cánh, bao gồm giữ tàu bay trên mặt đất					X	X
(31) Bay với tốc độ chậm tối đa cho phép	X	X	X	X		
(32) Bay ở độ cao cao	X	X	X			
(33) Bay chờ		X				
(34) Tránh xoay; hồi phục từ giai đoạn chòng chành ban đầu và đầy đủ.	X			X		
(35) Bay với các tính năng của máy bay bao gồm cả tốc độ tối đa cho phép	X	X	X	X		
(36) Cơ động trên mặt đất	X	X	X			
(37) Khai thác tời cầu, nếu áp dụng		X			X	
(38) Các tính năng cơ động bao gồm lượn vòng cơ động, bay vọt lên và cua gấp.	X					
(39) Kỹ thuật tăng tốc và tốc độ				X		
(40) Hồi phục tại giai đoạn ban đầu từ việc ổn định công suất; kỹ thuật hồi phục từ rotor.rpm thấp trong tầm động cơ rpm bình thường.		X				
(41) Bay đường dài với hơn 250 dặm, CHC tại 3 điểm riêng biệt	X	X	X			
(42) Bay đường dài hơn 1h hoặc 100 dặm CHC tại 3 điểm riêng biệt		X	X			
(43) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường	X	X	X			
(44) Bay đêm, bao gồm CHC và dẫn đường, nếu trong giấy phép có năng định bay đêm				X	X	X
(45) Các phương thức sau khi bay						

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.180: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP CPL

Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.180 người đề nghị cấp CPL phải ghi nhật ký thời gian bay với tư cách người lái trên mỗi loại hoặc hạng đề nghị cấp ít nhất như sau:

**BẢNG 1 – 7. 180
KINH NGHIỆM CỤ THỂ**

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(1) Người lái - Tất cả các loại tàu bay	200			150	150			150	
(2) Người lái- Tàu bay	100			100	100			100	
(3) Người lái – Chung loại tàu bay	50					25			
(4) Người lái – Hạng tàu bay	50	25	20	50	25		25	25	
(5) Người lái – Bay đêm	10			10	10		5	5	
(6) Người chỉ huy tàu bay – Tất cả các loại tàu bay	100			100	100			100	
(7) Người chỉ huy tàu bay – Hạng tàu	35	5		35	35	30	5	30	2
(8) Người chỉ huy tàu bay – Bay đường dài –Chung loại tàu bay	50			20	20			20	
(9) Người chỉ huy tàu bay – Bay đường dài –Hạng tàu bay	10			10	10	10		10	
(10) GVHDB – Hạng tàu bay	20	20	2	20	20	10	20	20	16
(11) GVHDB- Bay đường dài	3			3	3			3	
(12) GVHDB	10			10					
(13) CHC ban đêm đến khi dừng lại hẳn (với mỗi lần hạ cánh liên quan đến bay vòng kín) tại sân bay	10		5	5			5	5	
(14) Bay đơn đường dài (qui định tối thiểu), trong khoá huấn luyện có hai lần hạ cánh tại 2 điểm riêng biệt	5		3	3			3	3	
(15) GVHDB- Chuẩn bị kiểm tra thực hành (trước 60 ngày)	3	3		3	3		3	3	
(16) Lấy độ cao kính khí cầu (nếu dùng gas) đến 5000 ft									
(17) Lấy độ cao kính khí cầu (nếu dùng khí đốt) đến độ cao trên mực nước biển đến 3000 ft.									
SỐ CHUYẾN BAY									
(18) Các chuyến bay đường dài						10			05
(19) Huấn luyện bay (Khởi hành và hạ cánh)			10			10			10
(20) Các chuyến bay đơn- Chuẩn bị cấp năng định			5			10			2
(21) Các chuyến bay huấn luyện- Thực hành (Trong vòng 60 ngày			3			3			2

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.200: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI CỦA TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN

1. Huấn luyện:

- (a) Để đáp ứng các yêu cầu về giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên, người đề nghị cấp giấy phép phải hoàn thành khoá huấn luyện được phê chuẩn.
- (b) Việc huấn luyện phải được dựa trên năng lực của người lái và tiến hành trong môi trường khai thác tổ lái nhiều thành viên
- (c) Trong quá trình huấn luyện, người đề nghị cấp phải có được đầy đủ kiến thức, kỹ năng và kỹ luật cơ bản theo quy định đối với lái phụ trên loại máy bay vận tải động cơ tua-bin có Giấy chứng nhận loại quy định việc khai thác với tổ lái tối thiểu ít nhất là hai thành viên.

2. Mức đánh giá:

- (a) Người đề nghị cấp giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên phải chứng tỏ được kỹ năng thực hiện đạt yêu cầu theo 9 đơn vị năng lực được quy định tại điểm (3) dưới đây.
- (b) Kế hoạch huấn luyện cấp giấy phép người lái của tổ lái nhiều thành viên bao gồm một số mức qui định về năng lực người lái sẽ được Cục HKVN qui định.

3. Các giai đoạn huấn luyện

- (a) Chín giai đoạn huấn luyện mà người đề nghị phải thực hiện như sau:
 - (1) Áp dụng các qui tắc quản lý đe dọa và rủi ro (TEM);
 - (2) Thực hiện khai thác máy bay trên mặt đất;
 - (3) Thực hiện cất cánh;
 - (4) Thực hiện lấy độ cao;
 - (5) Thực hiện bay bằng;
 - (6) Thực hiện hạ độ cao;
 - (7) Thực hiện tiếp cận;
 - (8) Thực hiện hạ cánh; và
 - (9) Thực hiện sau khi hạ cánh và khai thác máy bay sau chuyến bay;
- (10) Các giai đoạn huấn luyện được phân chia nhỏ tới các chi tiết cấu thành mà các yêu cầu về tính năng đã được xác định cụ thể. Các giai đoạn huấn luyện và các yêu cầu về tính năng cụ thể do Cục HKVN quy định.
- (b) Đơn đề nghị cấp phê chuẩn các qui tắc quản lý đe dọa và rủi ro là một giai đoạn huấn luyện đặc thù được hợp nhất với mỗi giai đoạn huấn luyện khác cho các mục đích huấn luyện và kiểm tra.

4. Thiết bị huấn luyện mô phỏng

- (a) Các thiết bị huấn luyện bay mô phỏng được sử dụng để tích lũy kinh nghiệm cho người lái đề nghị cấp giấy phép tổ lái nhiều thành viên phải được Cục HKVN phê chuẩn.
- (b) Các thiết bị huấn luyện mô phỏng được phân loại như sau:
 - (1) **Loại 1:** Huấn luyện từ xa (E-training) và các thiết bị mô phỏng công việc (part tasking devices) do Cục HKVN phê chuẩn có các đặc tính sau:
 - (i) Liên quan đến các phụ kiện khác với các phụ kiện thường liên quan tới máy tính bàn như bộ điều khiển đúp của cần tay ga, cần điều khiển máy bay hoặc bàn phím của FMS;
 - (ii) Liên quan đến hoạt động tâm lý lượng học khi áp dụng lực và thời gian phản hồi thích hợp.
 - (2) **Loại 2:** Thiết bị mô phỏng bay đại diện cho loại tàu bay lắp động cơ tuốc-bin được phê chuẩn cho tổ bay hai thành viên và có hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường và có trang bị hệ thống tự động lái.
 - (i) Yêu cầu này có thể được đáp ứng bằng thiết bị huấn luyện mô phỏng bay được trang bị bay ban ngày bằng mắt;
 - (ii) Phải đáp ứng, ở mức tối thiểu, các tính năng tương đương với quy định của FAA đối với FTD mức 5 hoặc JAA FNPT II MCC.
 - (3) **Loại 3:** Thiết bị mô phỏng bay đại diện cho loại tàu bay lắp nhiều động cơ tuốc-bin được phê chuẩn cho tổ bay hai thành viên và có hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường và có trang bị hệ thống tự động lái.
 - (i) Yêu cầu này có thể được đáp ứng bằng thiết bị huấn luyện mô phỏng bay được trang bị bay ban ngày bằng mắt;
 - (ii) Phải đáp ứng, ở mức tối thiểu, các tính năng tương đương như thiết bị mô phỏng bay mức B được quy định tại JAR-STD 1A hiện hành; và tại FAA AC120-40B hiện hành, bao gồm cả phương pháp áp dụng thay thế (alternative mean of compliance) cho phép tại AC120-40B;
 - (iii) Một số buồng tập mô phỏng bay đầy đủ (full flight simulator) mức A đã được đánh giá trước đây mà đã được phê chuẩn để sử dụng cho việc huấn luyện và kiểm tra thao tác bay vẫn có thể được sử dụng.
 - (4) **Loại 4:** Thiết bị mô phỏng bay hoàn toàn tương đương với thiết bị mô phỏng mức D và C có trang bị hệ thống bay ban ngày bằng mắt tăng cường.

Ghi chú: Yêu cầu này có thể được đáp ứng bởi thiết bị mô phỏng bay đáp ứng, tối thiểu, các tính năng tương đương quy định cho buồng tập mô phỏng bay mức C và D được quy định tại JAR-STD 1A hiện hành và tại FAA AC120-40B hiện hành, bao gồm cả phương pháp áp dụng thay thế cho phép tại AC120-40B.

**PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.215: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐÈ
NGHỊ CẤP ATPL**

- (a) Đối với cả trực thăng và máy bay: Ngoài các qui định tại Điều 7.215, người đề nghị cấp ATPL phải chứng tỏ mức kiến thức phù hợp với quyền được cấp của người có ATPL (máy bay hoặc trực thăng), ít nhất là trong các môn học sau đây:
- (1) Các qui định và qui tắc liên quan đến ATPL: các qui tắc về không phận; thực hành và các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp;
 - (2) Các thiết bị bay: các hồng học của la bàn, nút và gia tốc; thiết bị con quay, các giới hạn trong khai thác và hiệu ứng chuyển động chậm của một vật thể quay xung quanh một trục; thực hành và các phương thức khi các thiết bị bay thực hiện sai chức năng;
 - (3) Kế hoạch bay khai thác trước chuyến bay và trong chuyến bay; chuẩn bị và ghi đủ vào kế hoạch bay không lưu; các phương thức cung cấp dịch vụ không lưu phù hợp; qui trình đặt đồng hồ đo độ cao;
 - (4) Năng lực con người liên quan đến vận tải hàng không;
 - (5) Dịch và áp dụng các báo cáo khí tượng hàng không, các biểu đồ và dự báo khí tượng; mã và các chữ viết tắt; sử dụng và các qui trình nắm bắt các thông tin khí tượng, trước và trong chuyến bay; đo độ cao;
 - (6) Khí tượng hàng không; khí hậu các vùng liên quan trên phương diện các yếu tố có ảnh hưởng đến hàng không; sự thay đổi của hệ thống áp suất; cấu trúc dải không khí, nguồn gốc và các đặc điểm của hiện tượng thời tiết đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;
 - (7) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của việc đóng băng trên động cơ và thân tàu bay; quy trình xuyên qua vùng/dải không khí; tránh khu vực thời tiết xấu;
 - (8) Không lưu, bao gồm sử dụng các biểu đồ hàng không, hỗ trợ dẫn đường bằng đài dẫn đường và hệ thống dẫn đường khu vực, các yêu cầu về dẫn đường đặc thù đối với các chuyến bay tầm xa.
 - (9) Sử dụng, chính xác và tin cậy hệ thống dẫn đường sử dụng trong các giai đoạn khởi hành, trong khi bay, tiếp cận và hạ cánh; nhận biết hỗ trợ dẫn đường của đài dẫn đường;
 - (10) Các qui tắc và đặc tính của hệ thống dẫn đường địa tiêu lắp trên tàu bay và khai thác thiết bị cất cánh; mã và viết tắt, và các sơ đồ phương thức khai thác bằng thiết bị trong khởi hành, trong khi bay, hạ độ cao và tiếp cận;
 - (11) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng khẩn nguy; thực hành an toàn gắn liền với bay theo IFR;
 - (12) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng hoá và hàng nguy hiểm;

- (13) Các yêu cầu và thực hành đối với giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm việc đề phòng khi lấy hành khách lên tàu bay và cho hành khách xuống tàu bay;
 - (14) Các phương thức liên lạc vô tuyến điện và khẩu lệnh hành động trong trường hợp hỏng hệ thống liên lạc;
 - (15) Dịch và sử dụng tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, các code hàng không và từ viết tắt, sơ đồ phương thức bay bằng thiết bị để khởi hành, trong chuyến bay, giảm độ cao và tiếp cận;
- (b) Các lĩnh vực kiến thức bổ sung về hàng không: Người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp trong ATPL (máy bay hoặc trực thăng), ít nhất là các môn sau đây:
- (1) Các đặc tính chung và giới hạn của hệ thống điện, thủy lực, áp suất và các hệ thống khác của tàu bay; các hệ thống điều khiển, bao gồm lái tự động và tăng sự ổn định của tàu bay;
 - (2) Các qui tắc khai thác, làm chủ các phương thức và các hạn chế trong khai thác động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay và tài liệu thích hợp khác;
 - (3) Các phương thức khai thác và các hạn chế của máy bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ;
 - (4) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và các hệ thống của máy bay phù hợp;
 - (5) Các qui trình bảo dưỡng khung, hệ thống và động cơ của máy bay phù hợp;
 - (6) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay, các đặc tính và tính năng bay; cách tính trọng tải và cân bằng;
 - (7) Sử dụng và thực hành cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác, bao gồm các phương thức kiểm soát đường dài;
 - (8) Thực hành khí tượng, bao gồm dịch và sử dụng báo cáo thời tiết, sơ đồ và dự báo thời tiết; luồng khí phản lực;
 - (9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của hệ thống điện điện tử và thiết bị cần thiết để điều khiển và dẫn đường máy bay;
 - (10) Các qui tắc bay liên quan đến máy bay; khí động học cận âm; các giới hạn cơ động cho phép; đặc tính thiết kế của cánh; hiệu ứng hỗ trợ lực nâng và lực cản của các thiết bị; mối liên hệ giữa lực nâng, lực cản và lực đẩy tại các vận tốc và cấu hình của tàu bay khác nhau.
- (c) Các lĩnh vực kiến thức bổ sung về trực thăng: Người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp trong ATPL, ít nhất là các môn sau đây:

- (1) Các đặc tính chung và giới hạn của hệ thống điện, thủy lực, áp suất và các hệ thống khác của tàu bay; các hệ thống điều khiển, bao gồm lái tự động và tăng sự ổn định của trục thăng;
- (2) Các qui tắc khai thác, làm chủ các phương thức và các hạn chế trong khai thác động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ; các thông tin về khai thác có liên quan từ tài liệu hướng dẫn bay và tài liệu thích hợp khác;
- (3) Các phương thức khai thác và các hạn chế của trục thăng; các ảnh hưởng của điều kiện khí quyển lên tính năng động cơ;
- (4) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và các hệ thống của máy bay phù hợp;
- (5) Các qui trình bảo dưỡng khung, hệ thống và động cơ của trục thăng phù hợp;
- (6) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên trục thăng, các đặc tính và tính năng bay; cách tính trọng tải và cân bằng;
- (7) Sử dụng và thực hành cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác bao gồm các phương thức kiểm soát bay đường dài;
- (8) Các nguyên nhân, nhận biết và ảnh hưởng của động cơ, khung và đóng băng cánh quay; tránh khu vực thời tiết xấu;
- (9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của avionics và các thiết bị cần thiết đối với việc kiểm soát và dẫn đường trục thăng;
- (10) Các phương thức khẩn nguy và đề phòng;
- (11) Các phương thức khai thác vận chuyển hàng hoá, bao gồm cả hàng treo ngoài và hàng nguy hiểm;
- (12) Các yêu cầu và thực hành đối với giảng bình an toàn cho hành khách, bao gồm việc đề phòng khi lên tàu bay và rời khỏi trục thăng;
- (13) Các qui tắc bay liên quan đến trục thăng;
- (14) Các phương thức liên lạc điện đài và sắp xếp từ ngữ áp dụng cho khai thác VFR; hành động trong trường hợp hỏng hệ thống liên lạc.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.217: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG BAY ĐỐI VỚI ATPL

- (a) Ngoài các qui định tại Điều 7.217, người đề nghị phải chứng tỏ được khả năng thực hiện các phương thức và các thao tác do Cục HKVN qui định, với tư cách là người chỉ huy tàu bay trên máy bay nhiều động cơ yêu cầu khai thác cùng lái phụ, ít nhất bao gồm:
 - (1) Các thủ tục trước khi bay, gồm có chuẩn bị kế hoạch khai thác bay và thực hiện đầy đủ kế hoạch bay không lưu;

- (2) Các phương thức bay và các thao tác bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;
- (3) Các phương thức và các thao tác đối với khai thác IFR trong điều kiện bình thường, bất thường và khẩn nguy gồm có hồng động cơ mô phỏng và bao gồm ít nhất các yếu tố sau:
- (i) Chuyển sang bay bằng thiết bị khi cất cánh;
 - (ii) Khởi hành và đến bằng thiết bị tiêu chuẩn;
 - (iii) Các phương thức IFR và không lưu trong chuyến bay;
 - (iv) Các phương thức chờ;
 - (v) Tiếp cận bằng thiết bị đến mức tối thiểu theo qui định;
 - (vi) Các phương thức tiếp cận hệt;
 - (vii) Hạ cánh sau khi tiếp cận bằng thiết bị;
- (4) Các phương thức khai thác bất thường và khẩn nguy và các thao tác liên quan đến hồng hóc và sai chức năng thiết bị ví dụ như động cơ, hệ thống và khung sườn; và
- (5) Các cách xử lý đối với sự mất khả năng làm việc và hợp tác của tổ bay, bao gồm chỉ định nhiệm vụ cho người lái, hợp tác của tổ bay và sử dụng danh mục kiểm tra.
- (b) Đối với loại và hạng tàu bay khác, người đề nghị phải chứng tỏ khả năng thực hiện các phương thức và các thao tác của khoản (a) với tư cách là người chỉ huy tàu bay, ngoại trừ điểm (5), khoản (a) theo qui định trong các tiêu chuẩn về kiểm tra thực hành.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.220: KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LÁI ĐỀ NGHỊ CẤP ATPL

- (a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.220 và, người đề nghị cấp ATPL phải có ít nhất kinh nghiệm đối với loại tàu bay đó được liệt kê trong bảng dưới đây:

Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

Ghi chú 2: TR= Chuyển từ A sang Rotocraft; TG= Chuyển từ A sang G; TA= Chuyển từ A hoặc R sang Airship; TP= Chuyển từ A sang PL.

BẢNG 1 – 7.200	A	TR	TG	RH	PL	G	TL	LA	FB
KINH NGHIỆM CỤ THỂ							A		
GIỜ BAY TỐI THIỂU									
(1) Người lái – Trên hạng tàu bay	1500			1000					
(2) Người lái – Bay đường dài	200			200					
(3) Người lái – Đêm	100			100					

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(4) Người lái – Đêm trên tàu bay			15					
(5) Người lái – Thiết bị (Trên tàu bay hoặc trên SIM)	75		75					
(6) Người lái – Thiết bị (Trên tàu bay hoặc trên SIM)			25					
(7) Người lái – Thiết bị (Thời gian bay Tối đa trên SIM)	25		25					
(8) Người lái – Thiết bị (Thời gian bay tối đa trên SIM) trên hạng tàu bay trong khoá học	50		50					
(9) Người chỉ huy tàu bay – Loại tàu bay (hoặc Người chỉ huy tàu bay) dưới sự giám sát của giáo viên kiểm tra loại tàu bay (TRE).	250		35					
(10) Chuẩn bị cho kiểm tra thực hành bay (trước 60 ngày)	3		3					

- (b) Người lái đã thực hiện ít nhất 20 lần cất hạ cánh đêm đến khi dừng lại hẳn, được phép tính một lần cất hạ cánh đêm đến khi dừng lại hẳn bằng 1 giờ bay đêm để đáp ứng yêu cầu về thời gian bay đêm qui định trong bảng này nhưng không được tính quá 25h.
- (c) Người đề nghị CPL có thể tính thời gian F/O sau đây hoặc thời gian làm cơ giới trên không đạt 1500h trong tổng số giờ bay với tư cách là người lái theo qui định của khoản (a) của Điều này:
- (1) Thời gian F/O đạt được trên tàu bay:
 - (i) Yêu cầu có hơn một người lái theo qui định của tài liệu hướng dẫn bay hoặc Giấy chứng nhận loại tàu bay; hoặc
 - (ii) Tham gia vào khai thác theo qui định của Phần 12 yêu cầu đối với F/O;
 - (2) Thời gian làm cơ giới trên không đạt được:
 - (i) Trên máy bay yêu cầu có cơ giới trên không theo qui định của tài liệu hướng dẫn bay hoặc Giấy chứng nhận loại tàu bay;
 - (ii) Khi tham gia vào khai thác theo qui định của Phần 12 yêu cầu đối với cơ giới trên không;
 - (iii) Khi người lái đang tham dự chương trình huấn luyện được phê chuẩn theo Phần 12; và
 - (iv) Không quá 1h đối với mỗi 3h làm cơ giới trên không trong tổng số thời gian được tính không quá 500h.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.235: CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI KIẾN THỨC CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN BAY

- (a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.235, người đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay phải được giáo viên được uỷ quyền huấn luyện trên mặt đất có ghi nhật ký về:
 - (1) Ngoài qui định tại khoản (b) của Điều này, người đề nghị phải được hướng dẫn cơ bản bao gồm:
 - (i) Quá trình huấn luyện;
 - (ii) Các yếu tố để giảng dạy có hiệu quả;
 - (iii) Phát triển các khoá học;
 - (iv) Kế hoạch huấn luyện;
 - (v) Sử dụng các thiết bị hỗ trợ huấn luyện;
 - (vi) Các phương pháp giảng dạy trong lớp học;
 - (vii) Các phương pháp áp dụng giảng dạy;
 - (viii) Phát triển chương trình huấn luyện;
 - (ix) Đặc điểm của con người liên quan đến hướng dẫn bay; và
 - (x) Phân tích và chữa các lỗi của học viên;
 - (xi) Đánh giá khả năng của học viên đối với các môn học trên mặt đất;
 - (xii) Đánh giá và kiểm tra học viên; huấn luyện về philosophies;
 - (2) Các lĩnh vực kiến thức về hàng không đối với PPL và CPL áp dụng trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn; và
 - (3) Các lĩnh vực kiến thức về hàng không đối với năng định thiết bị áp dụng trên loại tàu bay đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay bằng thiết bị.
- (b) Các đối tượng sau đây không cần tuân thủ điểm (1), khoản (a) của Điều này:
 - (1) Người có giấy phép giáo viên hướng dẫn trên mặt đất được cấp theo qui định của Phần này; hoặc
 - (2) Giáo viên tại trường đại học, trung học chuyên nghiệp, phổ thông trung học và tương đương.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.237: CÁC YÊU CẦU VỀ HƯỚNG DẪN BAY ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN HUẤN LUYỆN BAY

- (a) Phụ lục này bao gồm các yêu cầu bổ sung vào Điều 7.237;

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

- (b) Người đề nghị cấp năng định giáo viên hướng dẫn bay phải thực hành các phương pháp hướng dẫn bao gồm hướng dẫn, thực hành, nhận biết và sửa chữa các lỗi chung của học viên;
- (c) Người đề nghị phải thực hành các phương pháp hướng dẫn về các thao tác và các phương thức sẽ hướng dẫn cho học viên;
- (d) Người đề nghị cấp giấy phép giáo viên hướng dẫn bay đáp ứng được các qui định này bao gồm được huấn luyện bay và trên mặt đất do giáo viên hướng dẫn được phép thực hiện và được xác nhận là người đề nghị thi đỗ kỳ kiểm tra thực hành về các lĩnh vực khai thác sau đây áp dụng đối với năng định giáo viên hướng dẫn bay.

Ghi chú 1: Trong bảng dưới đây, các chữ viết tắt chỉ loại hoặc/ và hạng tàu bay như sau: A= Máy bay; RH= Tàu bay động cơ Rotor-Trực thăng; RG= Tàu bay động cơ Rotor- Gyroplane; G= Tàu lượn; LA=Airship; FB= Kinh khí cầu (Free Balloon)

BẢNG 1 – 7.217 CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN CU THỂ	A	RH	PL	G	LA	FB
(1) Hướng dẫn bay cơ bản	X	X	X	X		
(2) Hướng dẫn kỹ thuật	X	X	X	X		
(3) Chuẩn bị trước khi bay	X	X	X	X		
(4) Bài chuẩn bị trước khi bay về cơ động trong chuyến bay	X	X	X	X		
(5) Sân bay và khai thác thủy phi cơ	X	X	X	X		
(6) Khai thác sân bay trực thăng		X				
(7) Khai thác bãi đỗ tàu lượn				X		
(8) Phương thức bay chờ		X				
(9) Cất cánh, hạ cánh và bay vòng lượn	X	X	X	X		
(10) Khởi hành và hạ cánh				X		
(11) Tốc độ hoạt động				X		
(12) Qui tắc bay cơ bản	X	X	X	X		
(13) Bay với tốc độ chậm	X	X	X	X		
(14) Chòng chành và xoáy	X			X		
(15) Cơ động	X	X	X	X X		
(16) Kỹ thuật bay vọt lên						
(17) Khai thác máy bay nhiều động cơ	X	X				
(18) Khai thác đặc biệt		X				
(19) Tham chiếu mặt đất	X	X	X	X		
(20) Cơ động thiết bị cơ bản	X	X	X	X		
(21) Bay với phương thức bay bằng thiết bị	X	X	X			

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(22) Các huấn lệnh và các phương thức kiểm soát không lưu	X	X	X			
(23) Bay với phương thức bay bằng thiết bị	X	X	X			
(24) Sử dụng thiết bị hỗ trợ dẫn đường	X	X	X			
(25) Khai thác khẩn nguy	X	X	X	X		
(26) Phương thức sau khi bay	X	X	X	X		
(27) Khởi hành bay bằng thiết bị	X	X				
(28) Bay cơ bản bằng thiết bị	X	X				
(29) Các phương thức bay hành trình và đến bằng thiết bị	X	X				
(30) Phương thức tiếp cận bằng thiết bị	X	X				

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.255: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC HÀNG KHÔNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

- (a) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.255, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không phải chứng tỏ kiến thức cơ bản phù hợp với năng định được cấp ít nhất là các môn học sau đây:
- (1) Các qui tắc và qui định liên quan đến người có giấy phép cơ giới trên không; các qui tắc và qui định điều tiết việc khai thác tàu bay dân dụng liên quan đến các nhiệm vụ của cơ giới trên không;
 - (2) Nền tảng của khí động lực học;
 - (3) Các khía cạnh khai thác khí tượng;
 - (4) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân bố trọng lượng trên máy bay, các tính năng và đặc tính bay; tính trọng tải và cân bằng.
- (b) Để hoàn thành khoá học kiến thức về hàng không cấp giấy phép cơ giới trên không hoặc cấp năng định hạng cơ giới trên không, người đề nghị phải chứng tỏ mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp cho người có giấy phép cơ giới trên không, ít nhất là các môn sau đây:
- (1) Các qui tắc cơ bản về động cơ tuốc-bin khí và/hoặc động cơ pit-tông; các đặc tính của nhiên liệu, hệ thống nhiên liệu bao gồm kiểm soát nhiên liệu, dầu nhờn và hệ thống dầu nhờn; buồng đốt tăng lực và hệ thống phun; chức năng và khai thác hệ thống đánh lửa của động cơ và hệ thống khởi động;
 - (2) Các qui tắc khai thác, nắm vững các phương thức khai thác và các hạn chế trong khai thác của động cơ tàu bay; các ảnh hưởng của khí quyển lên tính năng động cơ;
 - (3) Khung, hệ thống kiểm soát bay, cấu trúc, hệ thống bánh lái, phanh và các bộ phận chống trượt, ri sét và thọ mệnh về độ mỏi vật liệu của cấu trúc máy bay, nhận dạng các thiếu hụt và hỏng hóc;

- (4) Hệ thống chống mưa và đóng băng;
- (5) Hệ thống áp suất và điều hoà, ôxy;
- (6) Hệ thống thuỷ lực và khí nén;
- (7) Lý thuyết điện cơ bản, hệ thống điện (AC và DC), hệ thống mạng điện tàu bay, tiếp mát và màn hình;
- (8) Các qui tắc khai thác thiết bị, la bàn, lái tự động, điện đài, hỗ trợ dẫn đường bằng radar và điện đài, hệ thống quản lý bay, hiển thị và avionics;
- (9) Các hạn chế của tàu bay;
- (10) Hệ thống cứu hoả, dập lửa;
- (11) Sử dụng và kiểm tra khả năng hoạt động của thiết bị và hệ thống tàu bay phù hợp;
- (12) Sử dụng và thực hành về dữ liệu bao gồm các phương thức kiểm soát bay đường dài;
- (13) Đặc điểm của con người liên quan đến cơ giới trên không;
- (14) Các qui tắc bảo dưỡng, các qui trình bảo dưỡng đủ điều kiện bay, báo cáo thiếu sót, kiểm tra trước khi bay; các qui trình cảnh báo khi nạp dầu và sử dụng hệ thống điện mặt đất; lắp đặt thiết bị và hệ thống khoang khách;
- (15) Các phương thức khai thác bình thường, bất thường và khẩn nguy;
- (16) Các phương thức khai thác vận chuyên hàng và hàng nguy hiểm;
- (17) Các phương thức liên lạc điện đài và huấn lệnh;
- (18) Kiến thức cơ bản về phương thức dẫn đường; các qui tắc và khai thác hệ thống bao kín.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.257 CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG¹⁰¹

a. Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.257, người đề nghị cấp Giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải nộp hồ sơ sau đây:

1. Hồ sơ chứng minh có ít nhất 100 giờ bay với chức năng là cơ giới trên không có thể gồm tối đa 50 giờ trên buồng lái giả định được phê chuẩn;
2. Hồ sơ chứng minh trong vòng 90 ngày trước khi nộp đơn, đã hoàn thành khoá huấn luyện bay và trên mặt đất được phê chuẩn dành cho cơ giới trên không;
3. Bằng chứng tốt nghiệp ít nhất khoá huấn luyện 2 năm chuyên ngành hàng không về bảo dưỡng tàu bay và động cơ tàu bay với ít nhất 05 giờ huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không;
4. Bằng tốt nghiệp hàng không về điện – điện tử, cơ khí của trường đại học hoặc trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề; có ít nhất 6 tháng kinh nghiệm thực tế bảo dưỡng tàu bay

¹⁰¹ Phụ lục Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục 7 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

và ít nhất 05 giờ huấn luyện bay thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.260: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM KHAI THÁC ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các yêu cầu của Điều 7.260, người đề nghị cấp giấy phép cơ giới trên không với năng định hạng phải thể hiện kinh nghiệm khai thác đạt yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ của cơ giới trên không dưới sự giám sát của cơ giới trên không được uỷ quyền, đối với tàu bay sử dụng kiểm tra để cấp năng định, ít nhất trong các lĩnh vực sau:

- (1) Các phương thức khai thác bình thường:
 - (i) Kiểm tra trước khi bay;
 - (ii) Qui trình nạp dầu, quản lý nhiên liệu;
 - (iii) Kiểm tra tài liệu bảo dưỡng;
 - (iv) Các phương thức bay bình thường trong các giai đoạn của chuyến bay;
 - (v) Sự phối hợp của tổ bay và các qui trình trong trường hợp tổ bay mất khả năng hoạt động;
 - (vi) Báo cáo hỏng hóc.
- (2) Các phương thức khai thác bất thường và chuyển đổi (chờ).
 - (i) Nhận biết sự bất thường của hệ thống tàu bay;
 - (ii) Sử dụng các phương thức khai thác bất thường và chuyển đổi (chờ).
- (3) Các phương thức khẩn nguy.
 - (i) Nhận biết các tình trạng khẩn nguy;
 - (ii) Sử dụng các phương thức khai thác khẩn nguy phù hợp.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.263: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI CƠ GIỚI TRÊN KHÔNG

(a) Ngoài các yêu cầu của Điều 7.263, người đề nghị phải:

- (1) Thực hiện tốt qui trình kiểm tra trước khi bay, dịch vụ, khởi động, trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh;
- (2) Trong chuyến bay, thực hiện tốt các nhiệm vụ và các phương thức khai thác bình thường liên quan đến máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị trên tàu bay;
- (3) Trong chuyến bay, trên buồng lái giả định, hoặc các thiết bị huấn luyện mô phỏng, thực hiện tốt nhiệm vụ và các phương thức khai thác khẩn nguy, nhận biết và có hành động phù hợp đối với việc thực hiện sai chức năng của máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị trên tàu bay;

- (4) Sử dụng các hệ thống của tàu bay khi tàu bay có khả năng hoạt động bình thường và khi có những hạn chế;
- (5) Thể hiện tính quyết đoán tốt và kỹ năng hàng không;
- (6) Áp dụng được kiến thức hàng không;
- (7) Thực hiện các nhiệm vụ như một thành viên của tổ bay; và
- (8) Liên lạc với các thành viên khác của tổ bay một cách hiệu quả.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.275: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG

- (a) Ngoài các qui định tại Điều 7.275, người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp đối với người có giấy phép dẫn đường trên không, ít nhất là trong các nội dung sau đây:
 - (1) Các qui tắc và qui định liên quan đến người có giấy phép dẫn đường trên không; các phương thức và thực hành về dịch vụ không lưu phù hợp;
 - (2) Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay;
 - (3) Sử dụng các dữ liệu về cất cánh, hạ cánh và các dữ liệu về tính năng khác, bao gồm các phương thức kiểm soát đường dài;
 - (4) Kế hoạch bay khai thác trước khi bay và trong khi bay; chuẩn bị và hoàn thành kế hoạch bay dịch vụ không lưu; các phương thức dịch vụ không lưu phù hợp; các qui trình thiết lập thiết bị đo độ cao;
 - (5) Đặc điểm của con người liên quan đến việc dẫn đường trên không bao gồm các qui tắc quản lý đe dọa và rủi ro;
 - (6) Dịch và sử dụng các báo cáo khí tượng hàng không, sơ đồ và dự báo thời tiết; các code và chữ viết tắt, sử dụng và các qui trình nắm bắt thông tin khí tượng, kiểm tra trước khi bay và trong khi bay; thiết bị đo độ cao;
 - (7) Khí tượng hàng không; khí hậu liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến hàng không; sự chuyên động của hệ thống áp suất; cấu trúc phía trước, và các đặc điểm của hiện tượng khí hậu đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;
 - (8) Phương thức định vị dựa vào vị trí đã được xác định trước đó (Dead-rekoning), phương thức định vị bằng áp suất (Pressure Pattern) và phương thức dẫn đường (Celestial); sử dụng các sơ đồ hàng không, hỗ trợ dẫn đường bằng điện đài và hệ thống dẫn đường khu vực; các yêu cầu đặc thù về dẫn đường cho các chuyến bay tầm xa;
 - (9) Sử dụng, hạn chế và khả năng hoạt động của thiết bị điện tử và các thiết bị cần thiết đối với dẫn đường cho tàu bay;

- (10) Sử dụng, độ chính xác và thực tế của hệ thống dẫn đường sử dụng trong các giai đoạn khởi hành, trong khi bay và tiếp cận; nhận biết hỗ trợ của đài dẫn đường;
- (11) Các qui tắc, các đặc tính và sử dụng hệ thống dẫn đường địa tiêu và tự chứa; khai thác thiết bị hàng không;
- (12) Các định nghĩa, đơn vị và các cách sử dụng trong phương thức dẫn đường thiên văn;
- (13) Dịch và sử dụng các tài liệu hàng không như AIP, NOTAM, code, chữ viết tắt, sơ đồ phương thức khai thác bằng thiết bị khi khởi hành, trong chuyến bay, hạ độ cao, tiếp cận; qui tắc bay; các phương thức liên lạc vô tuyến điện và mẫu thoại liên lạc.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.280: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI DẪN ĐƯỜNG TRÊN KHÔNG:

- (a) Nhân viên dẫn đường trên không phải:
 - (1) Chứng tỏ thực hiện tốt các thủ tục kiểm tra trước khi bay, phục vụ, khởi động, trước khi cất cánh và sau khi hạ cánh;
 - (2) Trong chuyến bay, thực hiện tốt nhiệm vụ bình thường và các qui trình liên quan đến máy bay, động cơ máy bay, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị;
 - (3) Trong chuyến bay, trên buồng lái mô phỏng, hoặc trên các thiết bị huấn luyện được phê chuẩn, thực hiện tốt các nhiệm vụ và các phương thức khẩn nguy, nhân biết và có hành động thích hợp đối với việc thực hiện sai chức năng của máy bay, động cơ, cánh quạt (nếu áp dụng), hệ thống và các thiết bị;
 - (4) Sử dụng hệ thống tàu bay khi có khả năng hoạt động và khi có những hạn chế;
 - (5) Có óc quyết đoán tốt và kỹ năng hàng không;
 - (6) Áp dụng kiến thức hàng không;
 - (7) Thực hiện các nhiệm vụ với tư cách là một thành viên tổ bay tốt; và
 - (8) Liên lạc hiệu quả với các thành viên tổ bay khác.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.323: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN GIÁO VIÊN MẶT ĐẤT¹⁰²

Người đề nghị cấp năng định giáo viên huấn luyện lý thuyết phải được huấn luyện về các nội dung sau với thời gian tối thiểu là 05 ngày (08 giờ/ngày):

- a. Hệ thống luật hàng không và Bộ QCATHK cùng các tài liệu hướng dẫn thực hiện;

¹⁰² Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 65 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- b. Hệ thống hóa kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu về nội dung môn học được cấp năng định huấn luyện;
- c. Phương pháp tiếp cận, giảng lý thuyết môn học được cấp năng định huấn luyện;
- d. Cách xây dựng giáo án, soạn bài tập, câu hỏi kiểm tra.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.353: HUẤN LUYỆN VÀ PHÊ CHUẨN NĂNG ĐỊNH LOẠI TÀU BAY VÀ CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ.

- (a) Người có giấy phép AMT năng định A chỉ được phép thực hiện các công việc theo thẩm quyền được phê chuẩn trên một loại tàu bay cụ thể sau khi đã hoàn thành khóa huấn luyện các công việc cụ thể phù hợp với năng định A do tổ chức bảo dưỡng phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 8 thực hiện. Việc huấn luyện sẽ phải bao gồm cả lý thuyết và thực hành phù hợp với các công việc sẽ được phê chuẩn. Việc hoàn thành khóa học phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra/hoặc đánh giá thực hành trực tiếp thực hiện do tổ chức được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc Phần 8.
- (b) Trừ khi có quy định khác tại khoản (g), nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT năng định B1, B2 và C chỉ được thực hiện năng định của mình trên loại tàu bay cụ thể khi năng định đối với loại tàu bay đó được phê chuẩn trong giấy phép.
- (c) Trừ khi có quy định khác tại khoản (h), năng định chỉ được cấp sau khi người đề nghị đã hoàn thành tốt khóa huấn luyện được Cục HKVN phê chuẩn hoặc thực hiện bởi tổ chức huấn luyện bảo dưỡng được Cục HKVN phê chuẩn phù hợp với Phần 8.
- (d) Chương trình huấn luyện chuyển loại tàu bay cho nhân viên kỹ thuật có năng định B1 hoặc B2 phải bao gồm các phần lý thuyết và thực hành và bao gồm khóa học có liên quan đến các năng định đã quy định tại khoản (c), Điều 7.353. Chương trình huấn luyện lý thuyết và thực hành phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định.
- (e) Chương trình huấn luyện cho nhân viên có giấy phép AMT năng định loại C phải tuân thủ với các yêu cầu cụ thể do Cục HKVN quy định. Trong trường hợp AMT có năng định C có bằng kỹ sư hàng không, chương trình huấn luyện loại tàu bay đầu tiên phải tương đương ở mức B1 hoặc B2, chương trình huấn luyện thực hành không bắt buộc.
- (f) Việc hoàn thành các khóa huấn luyện được quy định từ khoản (b) đến khoản (e) phải được chứng minh bằng kết quả kiểm tra. Việc kiểm tra kết quả huấn luyện phải đáp ứng các yêu cầu do Cục HKVN quy định. Việc kiểm tra đối với nhân viên có giấy phép AMT năng định B1, B2 và C phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc tổ chức huấn luyện thực hiện các khóa huấn luyện chuyển loại được phê chuẩn.
- (g) Trái với quy định tại khoản (b), đối với loại tàu bay không phải là tàu bay lớn (có tải trọng cất cánh lớn hơn 5700 kg), người có giấy phép năng định B1 và B2 có thể thực hiện các năng định của mình nêu trong giấy phép có ghi năng định đối với nhóm tàu

bay phù hợp hoặc năng định của nhóm nhà chế tạo trừ khi Cục HKVN xác định tính phức tạp của loại tàu bay liên quan cần phải được phê chuẩn riêng rẽ.

- (1) Năng định loại tàu bay của nhà chế tạo được cấp khi tuân thủ với các năng định loại của 2 tàu bay đại diện cho một nhóm nhà chế tạo.
- (2) Năng định nhóm đầy đủ sẽ được cấp sau khi tuân thủ với các yêu cầu năng định loại của 3 loại tàu bay đại diện cho một nhóm các nhà chế tạo. Tuy nhiên, năng định nhóm đầy đủ không được cấp cho nhân viên B1 trên loại tàu bay từ 2 động cơ tuốc-bin phản lực trở lên.
- (3) Các nhóm sẽ bao gồm:
 - (i) Đối với giấy phép năng định loại B1 hoặc C: Trực thăng động cơ pit-tông hoặc trực thăng động cơ tuốc-bin; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc kim loại; tàu bay nhiều động cơ pit-tông – cấu trúc kim loại; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay có nhiều động cơ pit-tông – có cấu trúc bằng gỗ; tàu bay một động cơ pit-tông – có cấu trúc thân bằng vật liệu composite; tàu bay nhiều động cơ pit-tông – có kết cấu bằng vật liệu composite; tàu bay một động cơ tuốc-bin; và tàu bay nhiều động cơ tuốc-bin;
 - (ii) Đối với giấy phép năng định loại B2 và C: tàu bay; và trực thăng.
- (h) Trái với quy định tại khoản (c), năng định đối với tàu bay không phải là tàu bay lớn cũng có thể được cấp căn cứ vào việc hoàn thành tốt bài kiểm tra năng định loại tàu bay có liên quan đến năng định B1, B2 và C và có bằng chứng đầy đủ về kinh nghiệm thực tế có được trên loại tàu bay đó, trừ phi Cục HKVN xác định loại tàu bay đó là phức tạp và yêu cầu tham gia khóa huấn luyện như điểm 3 dưới đây. Đối với năng định C cho tàu bay không phải là tàu bay lớn của người có bằng kỹ sư tàu bay, loại tàu bay kiểm tra đầu tiên phải tương đương của mức B1 hoặc B2.
 - (1) Đối với năng định loại B1, B2 và C, bài kiểm tra năng định loại tàu bay phải bao gồm bài kiểm tra về cơ giới tàu bay đối với năng định B1 và bài kiểm tra về bộ môn đối với B2 và cả bài kiểm tra B1 và B2 đối với năng định loại C;
 - (2) Bài kiểm tra sẽ phải tuân thủ các yêu cầu đặc biệt của Cục HKVN. Bài kiểm tra phải được thực hiện bởi tổ chức huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8 hoặc trực tiếp thực hiện bởi Cục HKVN;
 - (3) Bài kiểm tra thực hành sẽ phải bao gồm kiểm tra các công việc đại diện cho từng nhóm công việc bảo dưỡng có liên quan đến năng định đề nghị.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.355: YÊU CẦU KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT

- (a) Mức kiến thức cần thiết đối với giấy phép năng định loại A, B1, B2 và C:
 - (1) Kiến thức cơ bản cần thiết đối với năng định loại A, B1 và B2 được chỉ rõ bằng thước đo chỉ số mức (1, 2 và 3) đối với từng môn học. Giấy phép năng định loại

C phải đáp ứng các yêu cầu về kiến thức cơ bản tương đương với năng định mức B1 hoặc B2.

- (2) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 1 được xác định như sau:
 - (i) Có kiến thức chung về các phần chính của môn học;
 - (ii) Mục đích: người làm đơn phải làm quen với các phần chính của môn học;
 - (iii) Người làm đơn phải đưa ra được mô tả tổng quát về môn học, sử dụng các từ ngữ thông dụng và các ví dụ minh họa;
 - (iv) Người làm đơn phải biết sử dụng các khái niệm đặc trưng.
- (3) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 2 được xác định như sau:
 - (i) Có kiến thức chung về các mặt lý thuyết và thực hành của môn học;
 - (ii) Có khả năng áp dụng kiến thức đã học được;
 - (iii) Mục đích: người làm đơn phải có khả năng hiểu được các nền tảng lý thuyết của môn học;
 - (iv) Người làm đơn phải đưa ra được mô tả tổng quát về môn học, sử dụng các ví dụ minh họa đặc trưng phù hợp;
 - (v) Người làm đơn phải biết sử dụng các công thức toán học trong mối liên hệ với các định luật vật lý để giải thích môn học;
 - (vi) Người làm đơn phải có khả năng đọc và hiểu được đồ họa, bản vẽ và sơ đồ mạch để mô tả môn học;
 - (vii) Người làm đơn phải biết áp dụng các kiến thức đã học một cách thực tế thông qua việc sử dụng các quy trình cụ thể.
- (4) Kiến thức yêu cầu đối với chỉ số mức 3 được xác định như sau:
 - (i) Có kiến thức chi tiết về các mặt lý thuyết và thực hành của môn học;
 - (ii) Có khả năng tổng hợp và áp dụng các phần riêng rẽ của môn học một cách logic và đầy đủ;
 - (iii) Mục đích: người làm đơn phải có kiến thức lý thuyết của môn học và mối liên hệ tương tác giữa môn học này với các môn học khác;
 - (iv) Người làm đơn phải có khả năng mô tả chi tiết về môn học với việc sử dụng các kiến thức nền tảng của môn học và các ví dụ minh họa cụ thể;
 - (v) Người làm đơn phải biết sử dụng các công thức toán học có liên hệ với môn học;
 - (vi) Người làm đơn phải có khả năng đọc và hiểu được đồ họa, bản vẽ đơn giản và sơ đồ mạch để mô tả môn học;

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

(vii) Người làm đơn phải biết áp dụng các kiến thức đã học một cách thực tế thông qua việc sử dụng các hướng dẫn của nhà chế tạo;

(viii) Người làm đơn phải có khả năng đọc được kết quả từ các nguồn và dụng cụ, phương pháp đo khác nhau và áp dụng biện pháp khắc phục khi cần thiết.

(b) Các môn học: Kiến thức cần thiết đối với từng môn học cơ bản cho giấy phép AMT phải căn cứ theo bảng tham chiếu dưới đây. Các môn học áp dụng cho từng năng định sẽ được đánh dấu “×”.

Môn học	A hoặc B1 tàu bay		A hoặc B1 trực thăng		B2
	Động cơ tuốc-bin	Động cơ pit-tông	Động cơ tuốc-bin	Động cơ pit-tông	Bộ môn
1. Toán	×	×	×	×	×
2. Vật lý	×	×	×	×	×
3. Điện cơ bản	×	×	×	×	×
4. Điện tử cơ bản	×	×	×	×	×
5. Hệ thống thiết bị điện tử kỹ thuật số.	×	×	×	×	×
6. Vật liệu hàng không	×	×	×	×	×
7. Thực hành bảo dưỡng	×	×	×	×	×
8. Khí động học cơ bản	×	×	×	×	×
9. Yếu tố con người	×	×	×	×	×
10. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam	×	×	×	×	×
11. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay động cơ pit-tông	×	×			
12. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay trực thăng			×	×	

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

13. Khí động học, kết cấu và các hệ thống của tàu bay					×
14. Hệ thống tạo lực đẩy.					×
15. Động cơ tuốc-bin khí.	×		×		
16. Động cơ pit-tông		×		×	
17. Cánh quạt	×	×			

- (c) Cục HKVN quy định các mức kiến thức cụ thể đối với từng loại năng định và các tiêu chuẩn kiểm tra.
- (d) Ngoài các yêu cầu tại Điều 7.355 người làm đơn còn phải chứng tỏ các kiến thức liên quan đến năng định được cấp và phù hợp với trách nhiệm bảo dưỡng tàu bay của người có giấy phép trên các lĩnh vực sau:
- (1) Quy chế và nguyên tắc đối với người có giấy phép bảo dưỡng tàu bay bao gồm cả các yêu cầu về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quy định việc phê chuẩn và duy trì tính đủ điều kiện bay của tàu bay và tổ chức bảo dưỡng tàu bay và các quy trình bảo dưỡng tàu bay liên quan;
 - (2) Toán học cơ bản và các đơn vị đo, các nguyên lý cơ bản và lý thuyết vật lý và hóa học áp dụng trong lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay;
 - (3) Đặc tính và các ứng dụng vật liệu trong kết cấu tàu bay bao gồm cả nguyên lý và các chức năng của kết cấu tàu bay, kỹ thuật đính tán, hệ thống tạo lực đẩy và các hệ thống liên quan, cơ học, chất lỏng và các nguồn điện và điện tử, thiết bị tàu bay, hệ thống hiển thị, hệ thống điều khiển, hệ thống dẫn đường trên không và hệ thống liên lạc;
 - (4) Các công việc yêu cầu nhằm đảm bảo tính đủ điều kiện bay của tàu bay bao gồm phương pháp và quy trình cho việc đại tu, sửa chữa, kiểm tra, thay thế hoặc sửa chữa hỏng hóc của cấu trúc tàu bay, thiết bị và các hệ thống theo các phương pháp quy định tại các tài liệu hướng dẫn liên quan và các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay áp dụng;
 - (5) Khả năng và giới hạn của con người đối với nhân viên kỹ thuật có giấy phép AMT.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.357: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY

- (a) Người làm đơn đề nghị cấp giấy phép AMT phải đáp ứng các yêu cầu về kinh nghiệm như sau:

- (1) Đối với năng định A hoặc tiêu năng định B1.2 và B1.4:
 - (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;
 - (ii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;
 - (iii) 1 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8.
- (2) Đối với năng định B2 hoặc tiêu năng định B1.3 hoặc B1.3:
 - (i) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan nếu người làm đơn không được huấn luyện về mặt kỹ thuật liên quan đến tàu bay;
 - (ii) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện được Cục HKVN cho là phù hợp với nhân viên kỹ thuật có tay nghề trên các lĩnh vực kỹ thuật khác;
 - (iii) 2 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế trên loại tàu bay liên quan và hoàn thành khóa huấn luyện tại các trung tâm huấn luyện được phê chuẩn phù hợp với Phần 8.
- (3) Đối với năng định C của tàu bay lớn:
 - (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên;
 - (ii) 5 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.2, B1.4 trên loại tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.2, B1.4 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.
- (4) Đối với năng định C của tàu bay không phải là tàu bay lớn:
 - (i) 3 năm kinh nghiệm bảo dưỡng thực tế với các loại năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 trên loại tàu bay không phải là tàu bay lớn hoặc như nhân viên hỗ trợ năng định B1.1, B1.3 hoặc B2 của tổ chức bảo dưỡng được phê chuẩn phù hợp với Phần 5 hoặc kết hợp của cả hai điều kiện trên.
- (5) Đối với năng định C của nhân viên tốt nghiệp kỹ sư tàu bay:
 - (i) Đối với người làm đơn có bằng kỹ sư chuyên ngành kỹ thuật, từ các trường đại học hoặc các cấp học cao hơn được Cục HKVN công nhận, 3 năm kinh nghiệm trong môi trường bảo dưỡng tàu bay dân dụng với các công việc đại

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

diện liên quan đến bảo dưỡng tàu bay trong đó có 6 tháng theo dõi công việc bảo dưỡng nội trường.

- (b) Người đề nghị bổ sung năng định giấy phép AMT phải có kinh nghiệm bảo dưỡng tối thiểu phù hợp với năng định hoặc năng định phụ đề nghị bổ sung theo bảng sau đây:

Từ	A1	A2	A3	A4	B1.1	B1.2	B1.3	B1.4	B2
Đến									
A1		6 th.	6 th.	6 th.	2 năm	6 th.	2 năm	1 năm	2 năm
A2	6 th.		6 th.	6 th.	2 năm	6 th.	2 năm	1 năm	2 năm
A3	6 th.	6 th.		6 th.	2 năm	1 th	2 năm	6 th.	2 năm
A4	6 th.	6 th.	6 th.		2 năm	1 năm	2 năm	6 th.	2 năm
B1.1	Khôn g	6 th.	6 th.	6 th.		6 th	6 th.	6 th.	1 năm
B1.2	6 th.	Khôn g	6 th.	6 th.	2 năm		2 năm	6 th.	2 năm
B1.3	6 th.	6 th.	Khôn g	6 th.	6 th	6 th.		6 th.	1 năm
B1.4	6 th.	6 th.	6 th.	Khôn g	2 năm	6 th.	2 năm		2 năm
B2	6 th.	6 th.	6 th.	6 th.	1 năm	1 năm	1 năm	1 năm	

- (c) Đối với năng định loại A, B1, B2 kinh nghiệm phải là công việc thực tế trong các lĩnh vực liên quan đến công việc bảo dưỡng trên tàu bay.
- (d) Đối với tất cả nhân viên kỹ thuật có giấy phép, kinh nghiệm thực tế cần thiết phải có tối thiểu một năm kinh nghiệm làm việc trên tàu bay trước khi đề nghị cấp năng định lần đầu. Đối với các lần bổ sung năng định tiếp theo kinh nghiệm thực tế cần thiết không nhất thiết phải là một năm nhưng không được ít hơn 3 tháng. Kinh nghiệm thực tế yêu cầu sẽ phụ thuộc vào sự khác biệt giữa năng định đang có và năng định đề nghị bổ sung. Kinh nghiệm thực tế phải đặc trưng cho năng định đề nghị bổ sung.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.350: VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (AMT) VÀ NHÂN VIÊN SỬA CHỮA CHUYÊN NGÀNH HÀNG KHÔNG (ARS)

- (a) Người đề nghị cấp giấy phép và năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:
- (1) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên AMT/ARS;

- (2) Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;
 - (3) Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm thực hành được Cục HKVN chấp thuận và loại công việc phù hợp với năng định đề nghị cấp;
 - (4) Bản sao chứng thực chứng chỉ tốt nghiệp khóa huấn luyện phù hợp với năng định đề nghị cấp tại ATO được Cục HKVN công nhận;
 - (5) Kết quả bài kiểm tra sát hạch về kiến thức, kinh nghiệm phù hợp với năng định đề nghị cấp;
- (b) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc cấp giấy phép nhân viên nhân viên AMT/ARS cho những người đề nghị đáp ứng được các yêu cầu của Bộ quy chế an toàn hàng không này.
- (c) Giấy phép và năng định nhân viên AMT/ARS được cấp lại trong trường hợp giấy phép được cấp hết thời hạn hiệu lực, bị mất, hư hỏng. Người đề nghị phải hoàn thành 01 bộ hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.
- (d) Người làm đơn đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS phải nộp hồ sơ tối thiểu 20 ngày trước ngày hết hạn của giấy phép đã được cấp. Hồ sơ bao gồm:
- (1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;
 - (2) Giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với quy định của Bộ Y tế và Phần 8 Bộ quy chế an toàn hàng không còn hiệu lực;
 - (3) Kết quả kiểm tra sát hạch trình độ, kinh nghiệm trên chủng loại, hạng, loại tàu bay phù hợp với năng định đề nghị cấp;
- (e) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên AMT/ARS trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách, người đề nghị phải nộp hồ sơ đến Cục HKVN tối thiểu 7 ngày làm việc. Hồ sơ bao gồm:
- (1) Đơn đề nghị cấp lại nêu rõ lý do;
 - (2) Bản gốc hoặc bản sao giấy phép và năng định đã được cấp (nếu có).
- (f) Người đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục HKVN và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ. Hồ sơ gồm:
- (1) Đơn đề nghị gia hạn năng định nhân viên AMT/ARS;
 - (2) Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;
 - (3) Bản sao giấy phép nhân viên AMT/ARS còn hiệu lực kèm theo bản chính để đối chiếu;
 - (4) Kết quả kiểm tra sát hạch lý thuyết về những nội dung theo quy định;

- (5) Kết quả kiểm tra sát hạch thực hành với các nội dung khai thác áp dụng cho năng định chủng loại tàu bay và năng định hạng tàu bay phù hợp của người đề nghị.
- (g) Trong thời hạn 20 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục HKVN có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc gia hạn năng định phù hợp.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.393: VỀ THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VÀ NĂNG ĐỊNH CHO NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY¹⁰³

a. Người đề nghị cấp giấy phép và năng định nhân viên điều độ khai thác bay phải gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép nhân viên nhân viên điều độ khai thác bay;
2. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh và xác nhận của thủ trưởng đơn vị hoặc chính quyền địa phương;
3. Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp để đối chiếu;
4. Bản sao kết quả huấn luyện phù hợp;
5. Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Bộ Y tế và Phần 8 của Bộ QCATHK còn hiệu lực;
6. 02 ảnh cỡ 3x4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

b. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên trong trường hợp giấy phép hết hạn hiệu lực bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;
2. Bản sao kết quả huấn luyện phù hợp;
3. Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Bộ Y tế và Phần 8 của Bộ QCATHK còn hiệu lực;
4. 02 ảnh cỡ 3x4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

c. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép cho nhân viên trong trường hợp giấy phép bị mất, bị rách hoặc bị hỏng, bao gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép nêu rõ lý do;
2. Bản gốc hoặc bản sao giấy phép nhân viên (nếu có);
3. 02 ảnh cỡ 3x4 được chụp trong khoảng thời gian 06 tháng trước khi nộp hồ sơ.

d. Hồ sơ gia hạn năng định nhân viên bao gồm:

¹⁰³ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 66 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

1. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép;
 2. Bản sao kết quả huấn luyện gần nhất;
 3. Bản gốc giấy chứng nhận sức khỏe phù hợp với các quy định của Bộ Y tế và Phần 8 của Bộ QCATHK còn hiệu lực;
- e. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra và thực hiện việc gia hạn năng định phù hợp.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.399: CÁC YÊU CẦU VỀ KIẾN THỨC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY¹⁰⁴

a. Ngoài các quy định tại Điều 7.399, người đề nghị phải chứng tỏ được mức kiến thức phù hợp với năng định được cấp đối với người có giấy phép điều độ khai thác bay, ít nhất là trong các nội dung sau đây:

1. Các quy tắc và quy định liên quan đến người có giấy phép điều độ khai thác bay, các phương thức và thực hành về dịch vụ không lưu phù hợp;
2. Các quy tắc khai thác động cơ tàu bay, hệ thống và thiết bị;
3. Các giới hạn khai thác đối với tàu bay và động cơ;
4. Danh mục thiết bị tối thiểu;
5. Tính toán hoạt động bay và phương thức lập kế hoạch bay;
6. Các ảnh hưởng của việc chất tải và phân phối trọng tải trên tàu bay, các đặc tính và tính năng bay, cách tính trọng tải và cân bằng;
7. Lập kế hoạch bay, tính toán khả năng thời gian tiêu thụ nhiên liệu và nhiên liệu tiêu thụ, tính toán cân bằng và trọng tải;
8. Chuẩn bị và lập kế hoạch bay dịch vụ không lưu;
9. Nguyên tắc cơ bản cho hệ thống lập kế hoạch được máy tính hỗ trợ;
10. Yếu tố con người liên quan đến việc dẫn đường trên không bao gồm các quy tắc quản lý đe dọa và rủi ro;
11. Khí tượng hàng không; sự thay đổi của hệ thống áp suất; cấu trúc dải không khí, nguồn gốc và các đặc điểm của hiện tượng thời tiết đặc biệt ảnh hưởng đến các điều kiện cất cánh, trong khi bay và hạ cánh;
12. Dịch và áp dụng các báo cáo khí tượng hàng không, các biểu đồ và dự báo khí tượng; mã và các chữ viết tắt; sử dụng và các quy trình nắm bắt các thông tin khí tượng;
13. Các nguyên tắc dẫn đường trên không đối với chuyển bay bằng thiết bị;
14. Sử dụng tài liệu hàng không;

¹⁰⁴ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 67 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

15. Các phương thức khai thác vận chuyển hàng và hàng nguy hiểm;
16. Các phương thức liên quan tới tai nạn và sự cố; phương thức bay khẩn nguy;
17. Phương thức liên quan tới can thiệp bất hợp pháp và phá hoại tàu bay;
18. Phương thức bay liên quan tới chủng loại tàu bay phù hợp;
19. Liên lạc vô tuyến điện;
20. Phương thức liên lạc với tàu bay và các đài mặt đất liên quan.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.401: CÁC YÊU CẦU VỀ KINH NGHIỆM KHAI THÁC ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY¹⁰⁵

a. Người đề nghị cấp giấy phép phải hoàn thành khóa học phù hợp do Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn.

b. Ngoài các yêu cầu nêu tại Điều 7.401, người đề nghị cấp giấy phép chứng minh kinh nghiệm có ít nhất:

1. 01 năm làm việc hỗ trợ điều độ vận chuyển hàng không thương mại;
2. Có tối thiểu hai năm làm việc tại một trong các vị trí liệt kê dưới đây hoặc tổng hợp của các vị trí này với điều kiện kinh nghiệm làm việc ở mỗi vị trí tối thiểu phải là 01 năm:
 - i. Thành viên tổ bay trong vận chuyển hàng không thương mại;
 - ii. Nhân viên khí tượng học trong một tổ chức điều độ vận chuyển hàng không;
 - iii. Kiểm soát viên không lưu, giám sát viên nhân viên điều độ khai thác bay hoặc hệ thống khai thác bay vận chuyển hàng không;
 - iv. Nhiệm vụ khác mà Cục Hàng không Việt Nam xác định có kinh nghiệm tương đương.

c. Ngoài các yêu cầu về kinh nghiệm có trong khoản a, b Điều này, người đề nghị cấp giấy phép phải làm việc dưới sự giám sát của nhân viên khai thác bay trong ít nhất 90 ngày trong 06 tháng liên tục trước khi nộp đơn.

PHỤ LỤC 1 ĐIỀU 7.403: CÁC YÊU CẦU VỀ KỸ NĂNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN ĐIỀU ĐỘ KHAI THÁC BAY¹⁰⁶

Ngoài các yêu cầu nêu tại Điều 7.403, Người làm đơn phải chứng minh được khả năng:

¹⁰⁵ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 68 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

¹⁰⁶ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại Mục 69 Phụ lục VI sửa đổi, bổ sung một số điều của Phần 7 Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay - Phần 7

- a. Phân tích thời tiết chính xác và chấp nhận được trong khai thác từ một loạt các bản đồ thời tiết hàng ngày và báo cáo thời tiết, cung cấp một cuộc thảo luận có hiệu lực về điều kiện thời tiết trong khu vực lân cận của một đường bay cụ thể; dự báo xu hướng thời tiết thích hợp để vận chuyển hàng không tại điểm đến và điểm dự phòng;
- b. Xác định các đường bay tối ưu cho một phân đoạn nhất định, và tạo ra tài liệu chính xác hoặc máy tính tạo ra kế hoạch bay;
- c. Cung cấp việc giám sát khai thác và tất cả các hỗ trợ khác cho một chuyến bay trong điều kiện thời tiết bất lợi thực tế hoặc mô phỏng, phù hợp với nhiệm vụ của người có giấy phép điều độ khai thác bay;
- d. Nhận biết và quản lý các mối đe dọa và các lỗi.

